IFP92UW
Sê ri IFP105

Màn hình cảm ứng thương mại
Hướng dẫn sử dụng

Số kiểu máy VS20080 | VS19390
Tên kiểu máy: Dòng IFP92UW | IFP105S | IFP105G | IFP105UW | IFP105UW-N

Cảm ơn bạn đã chọn ViewSonic®

Là một nhà cung cấp các giải pháp hình ảnh dẫn đầu toàn cầu, ViewSonic® nỗ lực vượt lên trên kỳ vọng của thế giới về sự phát triển, đổi mới và đơn giản của công nghệ. Tại ViewSonic®, chúng tôi tin rằng các sản phẩm của chúng tôi có thể tạo ra tác động tích cực đối với thế giới và chúng tôi tin chắc sản phẩm ViewSonic® mà bạn chọn sẽ phục vụ tốt cho bạn.

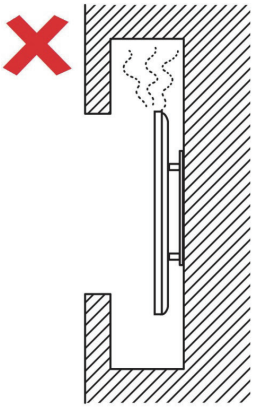
Một lần nữa, cảm ơn bạn đã chọn ViewSonic®!

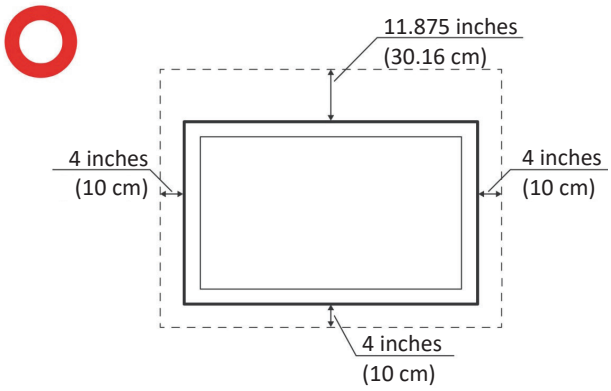
Phòng ngừa an toàn - Chung

Vui lòng đọc mục **Phòng ngừa an toàn** sau đây trước khi bạn bắt đầu sử dụng máy chiếu.

- Giữ hướng dẫn sử dụng này ở nơi an toàn để tham khảo sau.
- Hãy đọc tất cả cảnh báo và làm theo tất cả hướng dẫn.
- Không sử dụng thiết bị gần nước. Để giảm nguy cơ hỏa hoạn hoặc điện giật, không để thiết bị tiếp xúc với hơi ẩm.
- Không bao giờ tháo nắp sau. Màn hình này chứa điện áp caotage các bộ phận. Bạn có thể bị thương nặng nếu chạm vào chúng.
- Tránh để thiết bị tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời hoặc các nguồn nhiệt bền vững khác.
- Tránh để máy chiếu tiếp xúc với ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc các nguồn nhiệt duy trì khác. Không lắp đặt gần bất kỳ nguồn nhiệt nào như bộ tản nhiệt, cửa gió, bếp hoặc các thiết bị khác (bao gồm bộ khuếch đại) có thể làm tăng nhiệt độ của máy chiếu đến mức nguy hiểm.
- Sử dụng một miếng vải mềm và khô để lau vỏ bên ngoài. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo phần “Bảo trì”.
- Khi di chuyển máy chiếu, cẩn thận không làm rơi hoặc va đập máy chiếu vào bất cứ thứ gì.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không bằng phẳng hoặc không ổn định. Máy chiếu có thể bị đổ, gây thương tích cho người hoặc trục trặc máy chiếu.
- Không đặt bất kỳ vật nặng nào trên máy chiếu hoặc cáp kết nối.
- Nếu có khói, tiếng ồn bất thường hoặc mùi lạ, hãy tắt máy chiếu ngay lập tức và gọi cho đại lý của bạn hoặc ViewSonic®. Sẽ nguy hiểm nếu tiếp tục sử dụng máy chiếu.
- Thiết bị là màn hình có đèn nền LED dành cho văn phòng nói chung.
- Không tìm cách phá vỡ các quy định an toàn của phích cắm phân cực hoặc kiểu nối đất. Phích cắm phân cực có hai chấu dẹt, một chấu rộng hơn chấu kia. Phích cắm kiểu nối đất có hai chấu dẹt và một chấu thứ ba nối đất. Chấu dẹt thứ ba nhằm đảm bảo an toàn cho bạn. Nếu phích cắm không vừa với ổ cắm của bạn, hãy lấy một phích cắm chuyển và không cố ấn phích cắm vào ổ cắm.
- Khi kết nối với ổ cắm điện, KHÔNG được gỡ bỏ chấu nối đất. Vui lòng đảm bảo KHÔNG BAO GIỜ ĐƯỢC GỠ BỎ các chấu nối đất.
- Bảo vệ dây nguồn không bị giẫm lên hoặc kẹp, đặc biệt là ở phích cắm và tại điểm dây nguồn nhô ra khỏi thiết bị. Đảm bảo rằng ổ cắm điện được đặt gần thiết bị để dễ dàng tiếp cận.
- Chỉ sử dụng những đồ đi kèm/phụ kiện được quy định bởi nhà sản xuất.

- Khi sử dụng xe đẩy, hãy thận trọng khi di chuyển tổ hợp xe đẩy / thiết bị để tránh bị thương do lật.
- Rút dây nguồn khỏi ổ điện AC nếu máy chiếu không được sử dụng trong một thời gian dài.
- Đặt thiết bị ở khu vực thông thoáng. Không đặt bất cứ thứ gì ngăn tản nhiệt lên thiết bị.





QUAN TRỌNG

Để đảm bảo hiệu suất tối ưu và tuổi thọ của màn hình, điều cần thiết là phải tuân theo các quy trình xử lý, lắp đặt và bảo quản được khuyến nghị. Đặt màn hình ở vị trí nằm ngang có thể dẫn đến một loạt các vấn đề tiềm ẩn, bao gồm:

- Ứng suất quá mức lên các thành phần cấu trúc của màn hình, dẫn đến hình thành các vết nứt hoặc biến dạng dọc theo các cạnh.
- Phân bố trọng lượng không đồng đều, có thể khiến màn hình bị cong vênh, bị hư hỏng bên trong hoặc nứt theo thời gian.
- Hư hỏng liên quan đến nhiệt, vì các bộ phận bên trong có thể không tản nhiệt như dự kiến, dẫn đến hỏng hóc tiềm ẩn hoặc hư hỏng vĩnh viễn.

Hơn nữa, việc thay đổi hình dạng của màn hình cũng có thể ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các thành phần bên trong, bao gồm cả các ô LCD nhạy cảm, có thể dẫn đến suy giảm chất lượng màn hình vĩnh viễn.

Để ngăn chặn những vấn đề như vậy và duy trì tình trạng tối ưu của màn hình, bạn nên luôn lắp, xử lý, vận chuyển và cất giữ ở vị trí thẳng đứng. Nếu không làm như vậy có thể làm mất hiệu lực bảo hành và ảnh hưởng đến hiệu suất và tuổi thọ của màn hình.

LƯU Ý: Bất kỳ hư hỏng nào do sử dụng sai hoặc xử lý màn hình không đúng cách đều không được bảo hành.

Thận trọng:
Rút phích cắm thiết bị của bạn khỏi ổ cắm trên tường ngay lập tức và giới thiệu dịch vụ cho nhân viên dịch vụ có chuyên môn trong các điều kiện sau:

- Khi dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
- Nếu chất lỏng bị đổ vào hoặc các vật thể rơi vào thiết bị.
- Nếu thiết bị đã tiếp xúc với hơi ẩm.
- Nếu thiết bị không hoạt động bình thường hoặc bị rơi.

Không bao giờ đặt thiết bị ở vị trí không ổn định. Thiết bị có thể bị rơi, gây thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong. Nhiều thương tích, đặc biệt là đối với trẻ em, có thể tránh được bằng cách thực hiện các biện pháp phòng ngừa đơn giản như:

- Sử dụng tủ hoặc giá đỡ do nhà sản xuất thiết bị khuyến nghị.
- Chỉ sử dụng đồ nội thất có thể hỗ trợ thiết bị một cách an toàn.
- Đảm bảo thiết bị không nhô ra khỏi mép của đồ nội thất hỗ trợ.
- Không đặt thiết bị trên đồ nội thất cao (ví dụ: tủ hoặc tủ sách) mà không cố định cả đồ đạc và thiết bị vào giá đỡ phù hợp.
- Không đặt thiết bị trên vải hoặc các vật liệu khác có thể nằm giữa thiết bị và đồ nội thất hỗ trợ.
- Giáo dục trẻ em về sự nguy hiểm của việc trèo lên đồ đạc để tiếp cận thiết bị hoặc bộ điều khiển của thiết bị.

Nếu thiết bị hiện có sẽ được giữ lại và di dời, cần áp dụng các cân nhắc tương tự như trên.

Mục lục

Phòng ngừa an toàn - Chung 3

Giới thiệu 11

Nội dung gói sản phẩm 11

IFP92UW 11

IFP105UW/IFP105UW-N 12

IFP105S/IFP105G 13

Thông số kỹ thuật bộ giá treo tường (VESA) 14

IFP92UW 14

IFP105S/IFP105G/IFP105UW/IFP105UW-N 15

Tổng quan về sản phẩm 16

Bảng điều khiển và I / O phía trước 17

I/O Panel 18

Điều khiển từ xa 20

Sử dụng cử chỉ 24

Thực hiện các kết nối 26

Kết nối nguồn điện 26

Kết nối thiết bị ngoại và Kích hoạt Touch 27

Kết nối DisplayPort 28

Kết nối HDMI 28

Kết nối qua USB Type C 28

Kết Nối RS-232 29

Kết nối USB 30

USB Type A 30

USB Type C 30

Kết nối mạng 31

Kết nối phương tiện 32

Kết Nối Âm Thanh 33

Audio In 33

Audio Out 33

Kết nối SPDIF 33

Kết nối đầu ra video (HDMI Out) 34

Kết nối tùy chọn 35

Cài đặt máy tính có khe cắm (khe cắm OPS) 35

Cài đặt thẻ Wi-Fi (Khe cắm Wi-Fi) 36

Cài đặt tấm máy ảnh UMB202 37

Sử dụng ViewBoard 38
Bật / Tắt ViewBoard 38
Thiết lập khởi chạy ban đầu 39
Home Screen (Màn hình chính) 41
Cách đăng ký 41
Sử dụng làm khách 42
Đăng nhập 42
Thông báo trên màn hình chính 43
Thanh công cụ 44
TBiểu tượng thanh công cụ 45
Ứng dụng 46
Công cụ 47
Thanh điều khiển 48
Biểu tượng thanh điều khiển 48
Menu Hiển thị trên màn hình (OSD) - Cài đặt chung 49
Nguồn đầu vào 50
Trưng bày 52
Bộ lọc ánh sáng xanh thấp và sức khỏe mắt 54

Cài đặt hệ thống 56
Network & internet (Mạng & Internet) 56
Wi-Fi 57
Ethernet 58
Điểm phát sóng không dây 59
Display (Höôùng) 63
Hình nền 64
Bảo vệ 65
Cổng ra HDMI 66
Sở thích 67
Chạm 68
Ngôn ngữ 68
Bàn phím & Phương thức nhập 69
Ngày & Giờ 70
Chế độ khởi động & Cài đặt nâng cao 71
Khởi động & Tắt máy 73
Cài đặt thanh công cụ 75
Chế độ đa cửa sổ 75
Cài đặt âm thanh 75
Nguồn đầu vào 76
Nhãn Nhập Nguồn 77
Nguồn tín hiệu 78
Các ứng dụng 79
Các ứng dụng 80
Hệ thống 82
Lưu trữ 83
Sao chép vào USB 84
Display ID (Höôùng ID) 85
Security (Bảo mật) 86
Cập nhật hệ thống 88
Về thiết bị 89

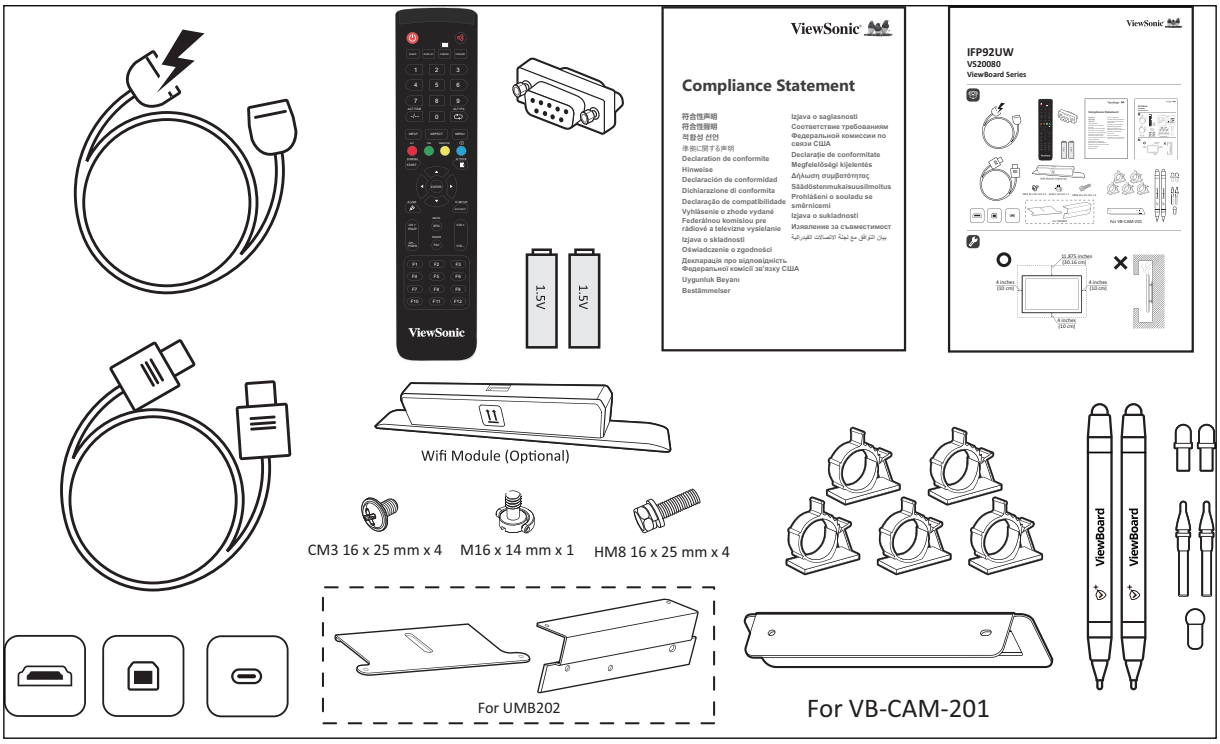
Ứng dụng và cài đặt được cài đặt sẵn..... 90
myViewBoard 90
Trình ghi màn hình.....93
vCast 94
Cài đặt nhóm hiển thị..... 96
Màn hình nhóm được đồng bộ hóa mọi lúc..... 98
Chia sẻ màn hình với nhóm hiển thị (Truyền một đến nhiều) 98
Chế độ điều hành 99
Phát sóng..... 100
Chia sẻ nhiều màn hình 100
Màn hình xem trước 100
Sờ 100
Truyền từ các thiết bị Windows, MacBook và Chrome 101
Truyền từ thiết bị Android 103
Truyền từ thiết bị Apple iOS..... 106
Kết nối với ViewBoard từ thiết bị di động..... 109
Truyền bằng Chromecast 110
Đúc với Miracast 112
Các ứng dụng mặc định khác.....114
Trình duyệt 114
Finder 115
Chức 116
PIP (Hình trong Ảnh)..... 117
Trình hiển thị..... 119
vSweeper (Máy quét rác) 120
Giao thức RS-232..... 121
Sự miêu tả 121
Thông số kỹ thuật phần cứng RS-232..... 121
Đặc điểm kỹ thuật phần cứng LAN..... 122
Cài đặt giao tiếp RS232..... 122
Cài đặt giao tiếp mạng LAN 122
Tham khảo thông báo lệnh 122
Protocol 123
Liệt kê chức năng tập hợp..... 123
Liệt kê Get-Function..... 129
Chế độ truyền qua điều khiển từ xa..... 136

Phụ lục 139
Chế độ hiển thị 139
Chế độ HDMI 1 & DisplayPort 139
Chế độ HDMI 2/3/4 & Type C 140
Khắc phục sự cố 141
Bảo dưỡng 143
Biện pháp phòng ngừa chung 143
Làm sạch màn hình 143
Làm sạch trường hợp 143
Thông Tin Dịch Vụ và Quy Định 144
Thông tin tuân thủ 144
Tuyên bố Tuân thủ FCC 144
Tuyên bố của Bộ Công nghiệp Canada 144
Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu 144
Thông tin sau đây chỉ áp dụng cho các quốc gia thành viên EU: 145
Tuyên bố tuân thủ RoHS2 145
Tuyên bố ENERGY STAR 146
Hạn chế của Ấn Độ về các chất độc hại 147
Thải bỏ sản phẩm khi hết tuổi thọ 147
Thông Tin Bản Quyền 148
Dịch vụ Khách hàng 149
Bảo hành hạn chế 150

Giới thiệu

Nội dung gói sản phẩm

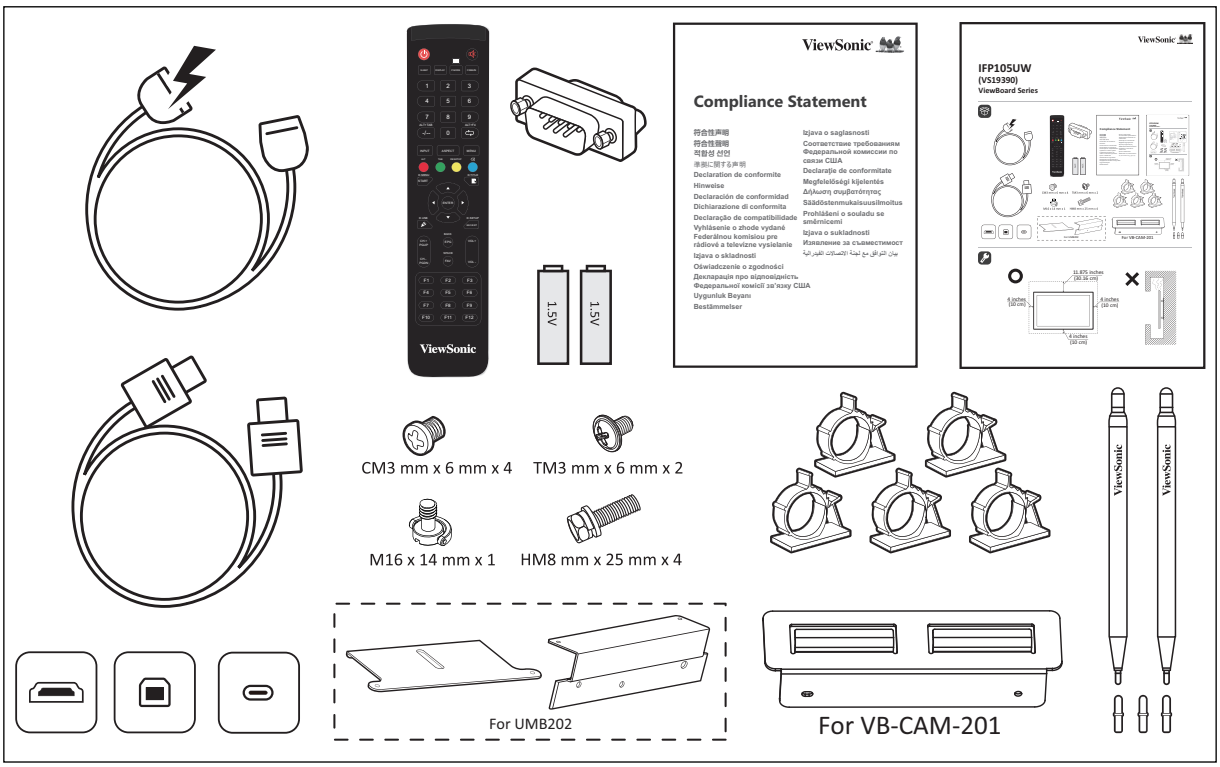
IFP92UW



- cáp HDMI (3 m)
- Cáp nguồn (theo khu vực)
- Điều khiển từ xa
- AAA Pin
- Cáp cảm ứng USB (3 m)
- 2 x Bút cảm ứng
- 3 x Ngòi bút thay thế
- RS-232 Adapter
- 5 x Kẹp
- 2 x Tấm máy ảnh
- 9 x Vít
- Hướng dẫn khởi động nhanh
- Tuyên bố Tuân thủ
- Cáp USB Type C

LƯU Ý: Dây nguồn và bộ điều khiển từ xa đi kèm sản phẩm có thể khác nhau tùy vào quốc gia của bạn. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng tại địa phương để biết thêm thông tin.

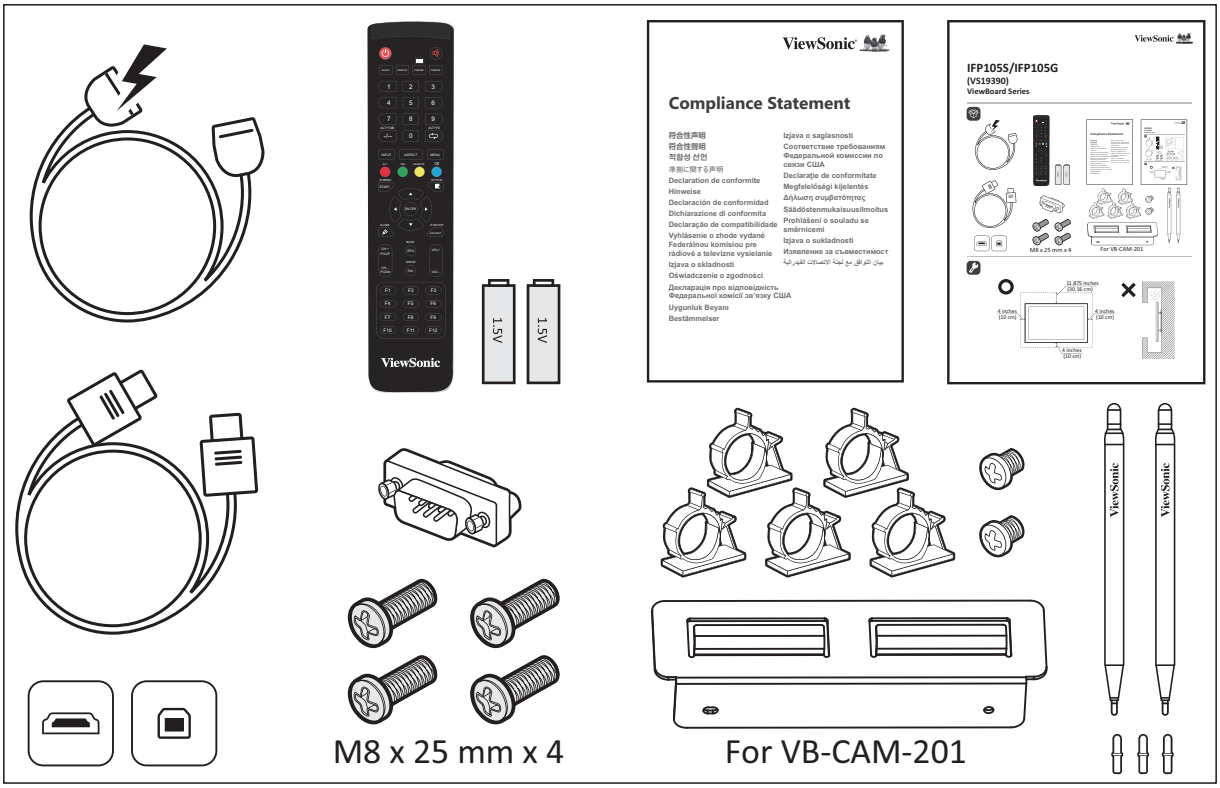
IFP105UW/IFP105UW-N



- cáp HDMI (3 m)
- Cáp nguồn (theo khu vực)
- Điều khiển từ xa
- AAA Pin
- Cáp cảm ứng USB (3 m)
- 2 x Bút cảm ứng
- 3 x Ngòi bút thay thế
- RS-232 Adapter
- 5 x Kẹp
- 2 x Tấm máy ảnh
- 11 x Vít
- Hướng dẫn khởi động nhanh
- Tuyên bố Tuân thủ
- Cáp USB Type C

LƯU Ý: Dây nguồn và bộ điều khiển từ xa đi kèm sản phẩm có thể khác nhau tùy vào quốc gia của bạn. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng tại địa phương để biết thêm thông tin.

IFP105S/IFP105G



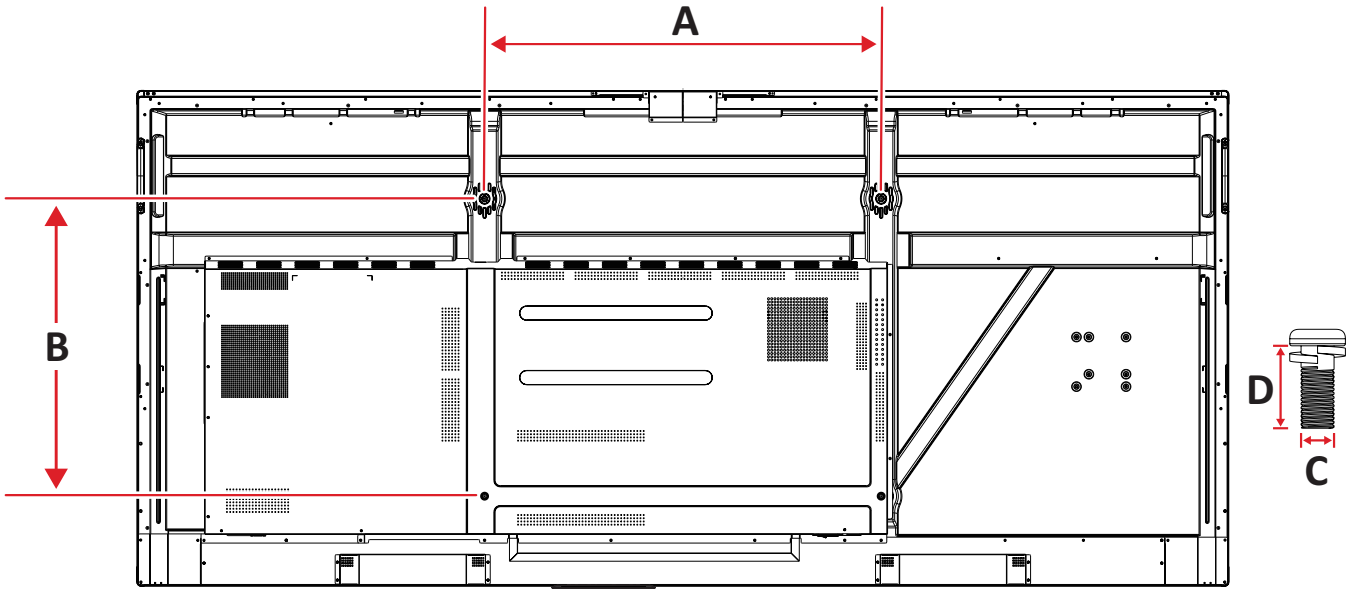
- cáp HDMI (3 m)
- Cáp nguồn (theo khu vực)
- Điều khiển từ xa
- AAA Pin
- Cáp cảm ứng USB (3 m)
- 2 x Bút cảm ứng
- 3 x Ngòi bút thay thế
- RS-232 Adapter
- 5 x Kẹp
- 1 x Tấm máy ảnh
- 6 x Vít
- Hướng dẫn khởi động nhanh
- Tuyên bố Tuân thủ

LƯU Ý: Dây nguồn và bộ điều khiển từ xa đi kèm sản phẩm có thể khác nhau tùy vào quốc gia của bạn. Vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng tại địa phương để biết thêm thông tin.

Thông số kỹ thuật bộ giá treo tường (VESA)

IFP92UW

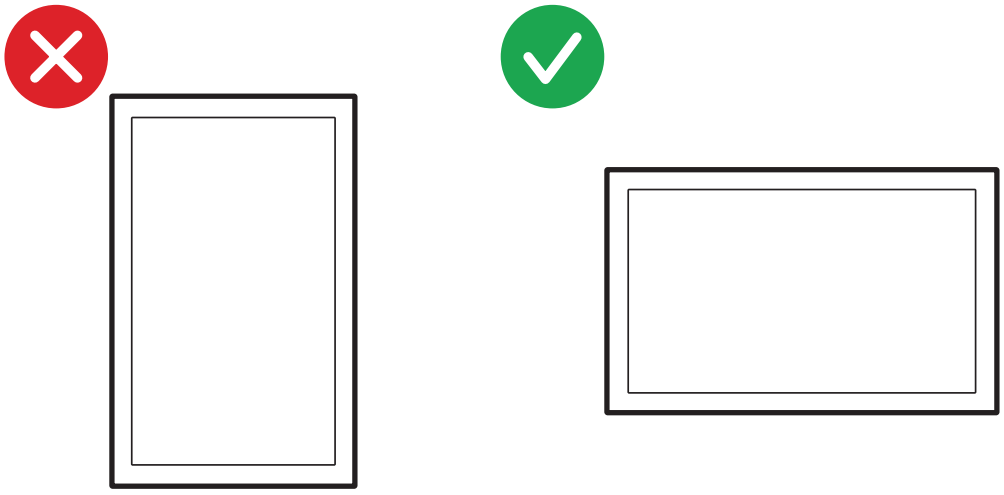
LƯU Ý: Vui lòng làm theo hướng dẫn trong hướng dẫn lắp đặt giá treo tường để lắp giá treo tường hoặc giá treo di động của bạn. Nếu gắn vào các vật liệu xây dựng khác, vui lòng liên hệ với đại lý gần nhất.



Mẫu	Thông số kỹ thuật VESA (A x B)	Vít tiêu chuẩn (C x D)	Số lượng
IFP92UW	800 x 600 mm	M8 x 25 mm	4

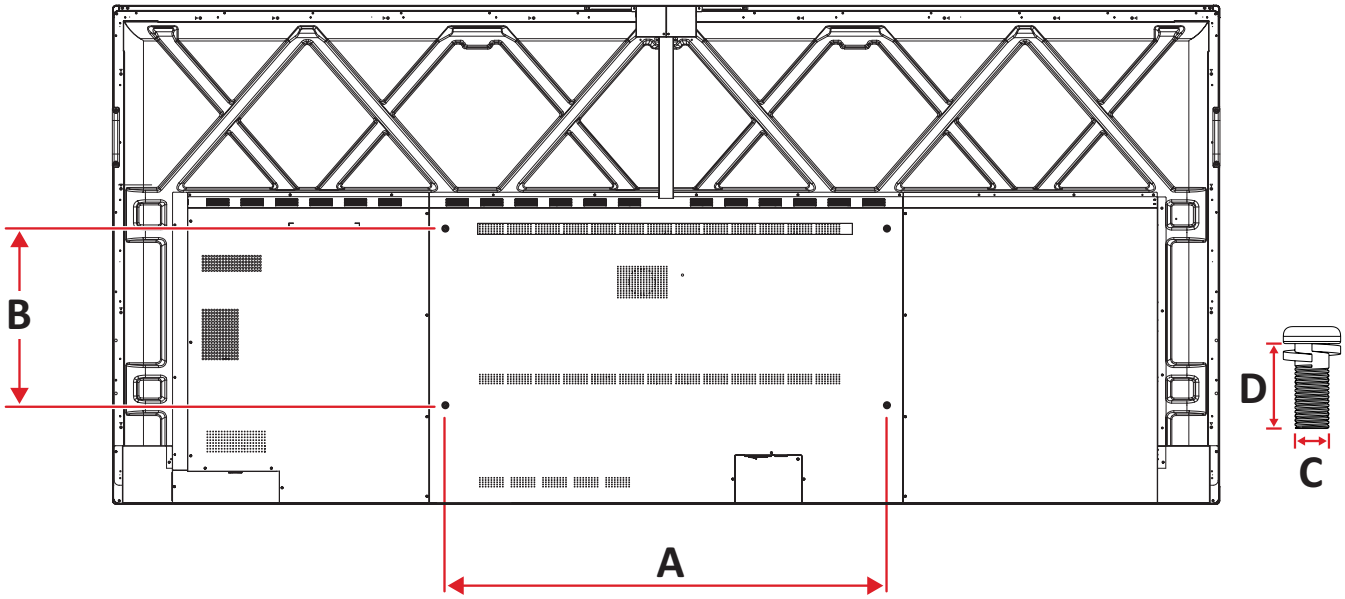
LƯU Ý:

- Không sử dụng vít dài hơn kích thước tiêu chuẩn, vì chúng có thể gây hư hỏng bên trong màn hình.
- Chỉ gắn màn hình theo hướng ngang. Không bao giờ gắn theo hướng dọc.



IFP105S/IFP105G/IFP105UW/IFP105UW-N

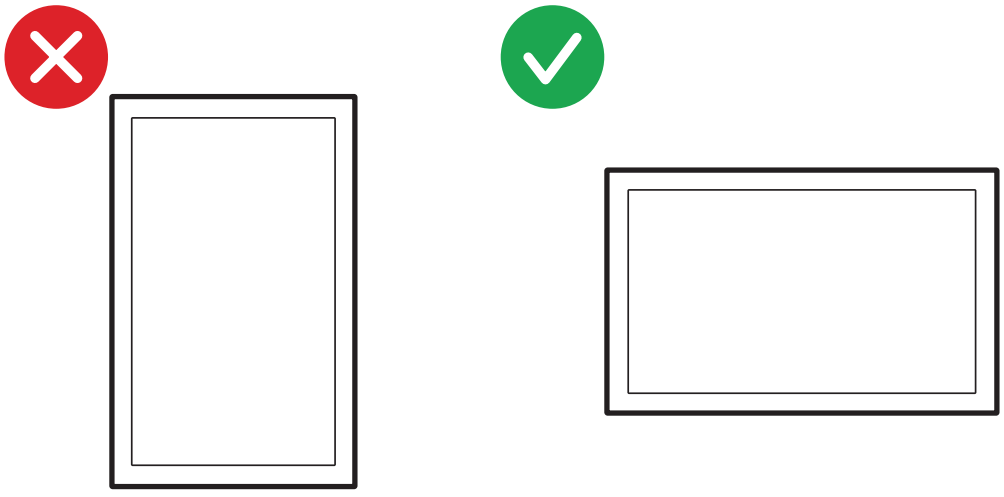
LƯU Ý: Vui lòng làm theo hướng dẫn trong hướng dẫn lắp đặt giá treo tường để lắp giá treo tường hoặc giá treo di động của bạn. Nếu gắn vào các vật liệu xây dựng khác, vui lòng liên hệ với đại lý gần nhất.



Mẫu	Thông số kỹ thuật VESA (A x B)	Vít tiêu chuẩn (C x D)	Số lượng
IFP105S IFP105G IFP105UW IFP105UW-N	1000 x 400 mm	M8 x 25 mm	4

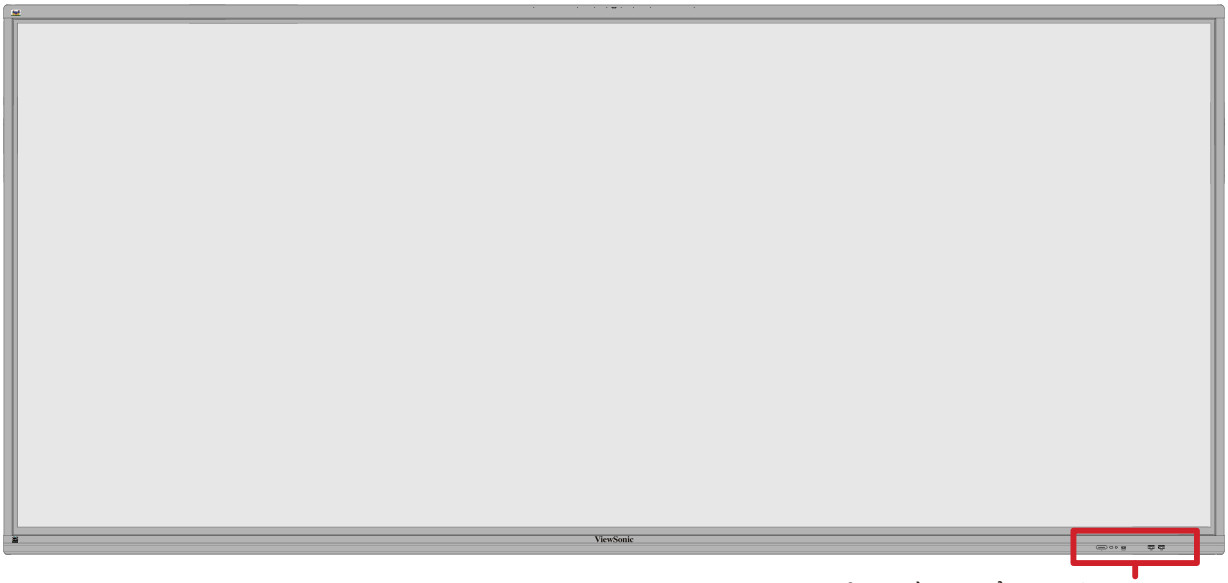
LƯU Ý:

- Không sử dụng vít dài hơn kích thước tiêu chuẩn, vì chúng có thể gây hư hỏng bên trong màn hình.
- Chỉ gắn màn hình theo hướng ngang. Không bao giờ gắn theo hướng dọc.



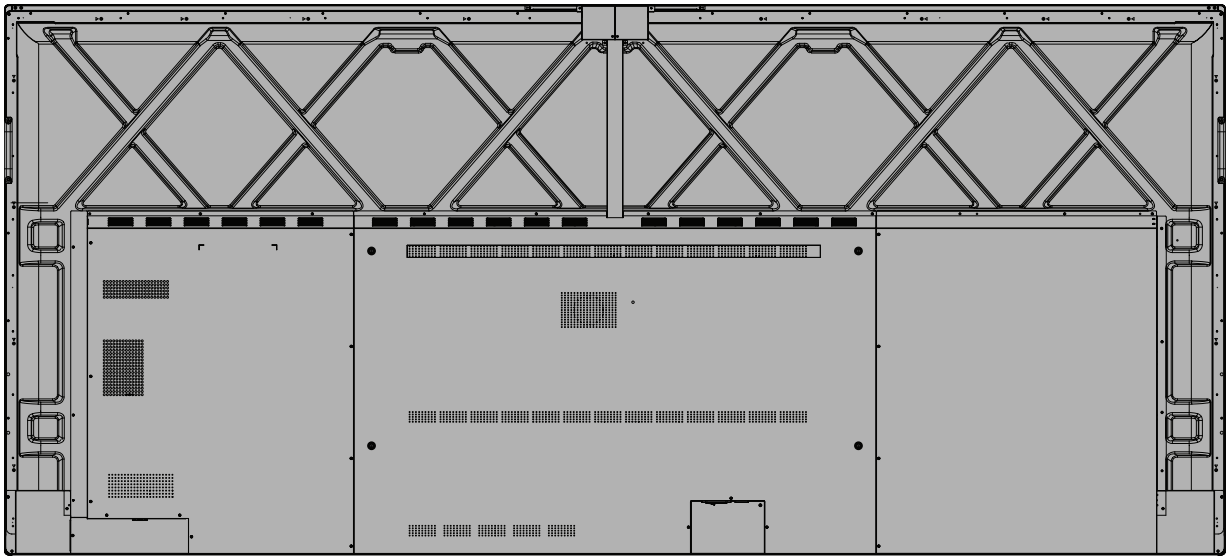
Tổng quan về sản phẩm

Bảng điều khiển phía trước

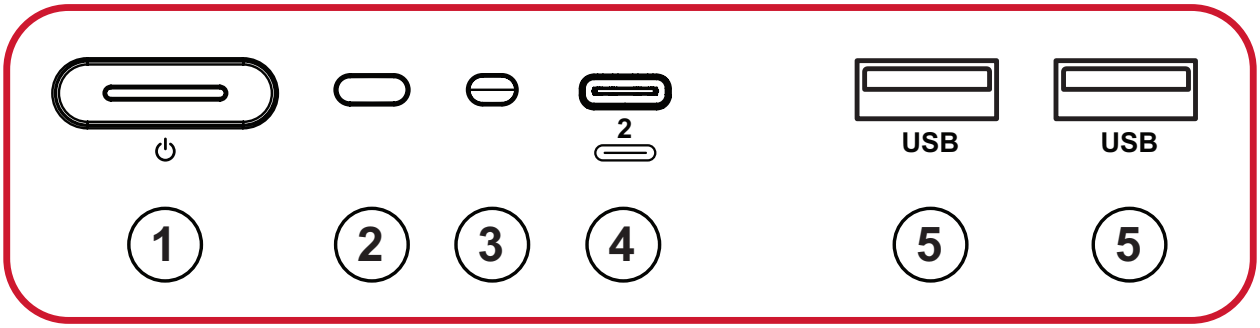


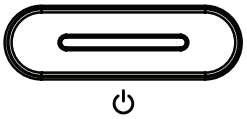
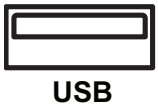
Bảng điều khiển và I / O phía trước

Bảng điều khiển phía sau

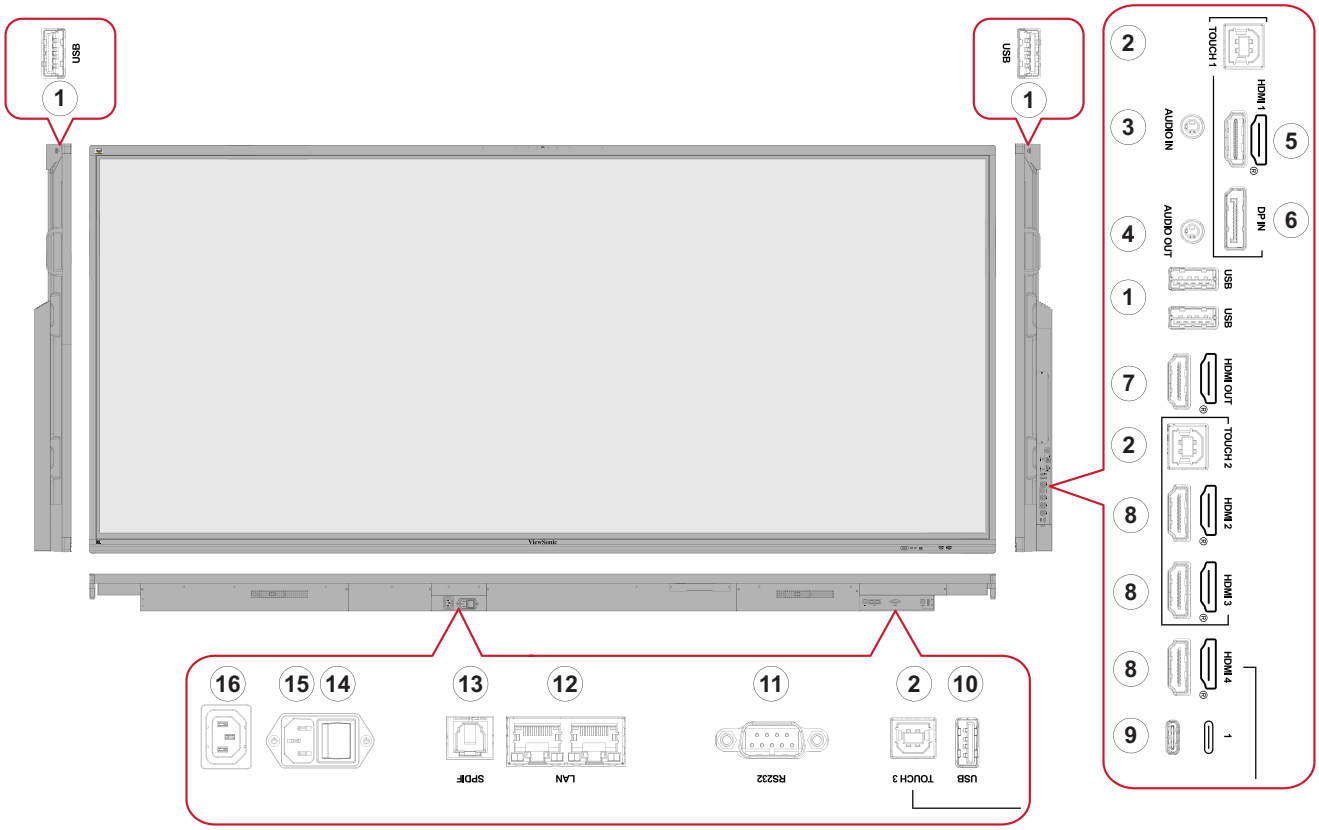


Bảng điều khiển và I / O phía trước



Số	Mục	Mô tả
1		• Đèn báo nguồn điện • Nhấn để BẬT thiết bị. • Nhấn để TẮT / BẬT đèn nền màn hình chỉ • Nhấn và giữ để tắt thiết bị.
2		Bộ thu điều khiển từ xa.
3		Cảm biến ánh sáng xung quanh để theo dõi ánh sáng xung quanh.
4		• Nguồn cung cấp USB Type C (15W, 5.0V ~ 3.0A) • Kết nối với PC có đầu ra USB Type C.
5		• Đầu vào USB loại A • Kết nối các thiết bị USB như đĩa cứng, bàn phím, chuột,... • Tự động chuyển đổi giữa PC và PC bên ngoài.

I/O Panel

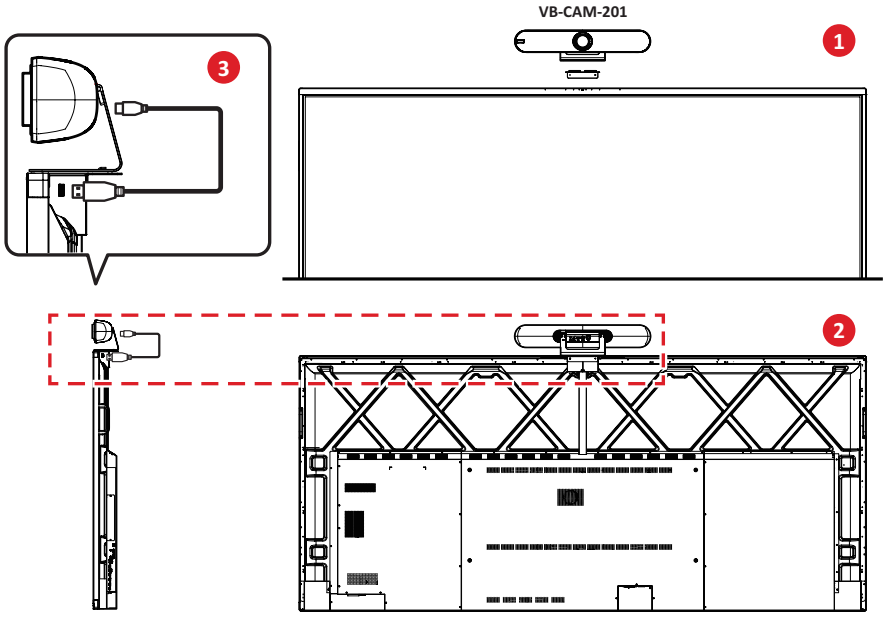


Hình 1

Number	Item	Description
1	USB 3.0	• Đầu vào USB loại A • Kết nối các thiết bị USB như đĩa cứng, bàn phím, chuột,... • Tự động chuyển đổi giữa PC và PC bên ngoài.
2	TOUCH 1/2/3	Đầu ra tín hiệu cảm ứng đến PC bên ngoài **LƯU Ý:** • **CHẠM 1** Hỗ trợ **Cổng HDMI 1** và **DP TRONG**. • **CHẠM 2** Hỗ trợ **HDMI 2** và **HDMI 3**. • **CHẠM 3** Hỗ trợ **Cổng HDMI 4**.
3	AUDIO IN	Đầu vào âm thanh máy tính bên ngoài.
4	AUDIO OUT	Âm thanh ra loa ngoài.
5	HDMI 1	• Đầu vào độ nét cao 5K[1]. • Kết nối với PC có đầu ra HDMI, hộp giải mã tín hiệu hoặc thiết bị video khác.
6	DP IN	• Đầu vào DisplayPort • Kết nối với PC hoặc thiết bị video khác có đầu ra DisplayPort.
7	HDMI OUT	Mở rộng nội dung ra một thiết bị hiển thị khác.

1 - Chất lượng hiển thị 5K sẽ phụ thuộc vào cáp và độ ổn định của tín hiệu.

Number	Item	Description
8	HDMI 2/3/4	• Đầu vào High-definition. • Kết nối với PC hoặc thiết bị video khác có đầu ra DisplayPort.
9	USB Type C	• Nguồn cung cấp USB Type C (65W, 20.0V~3.25A) • DP 1.2 với USB 3.0 trở lại • 10M/100M Ethernet
10	USB 2.0	• Đầu vào USB loại A • Để cập nhật chương trình cơ sở.
11	RS-232	• Giao diện nối tiếp • Để truyền dữ liệu lẫn nhau giữa các thiết bị.
12	LAN	• Internet RJ45 (10M / 100M / 1G) tiêu chuẩn • Đối với ViewBoard và sử dụng máy tính có khe cắm.
13	SPDIF	Đầu ra SPDIF.
14	Công tắc nguồn	BẬT / TẮT nguồn điện AC.
15	AC IN	Đầu vào nguồn AC.
16	AC OUT	Công suất đầu ra AC.

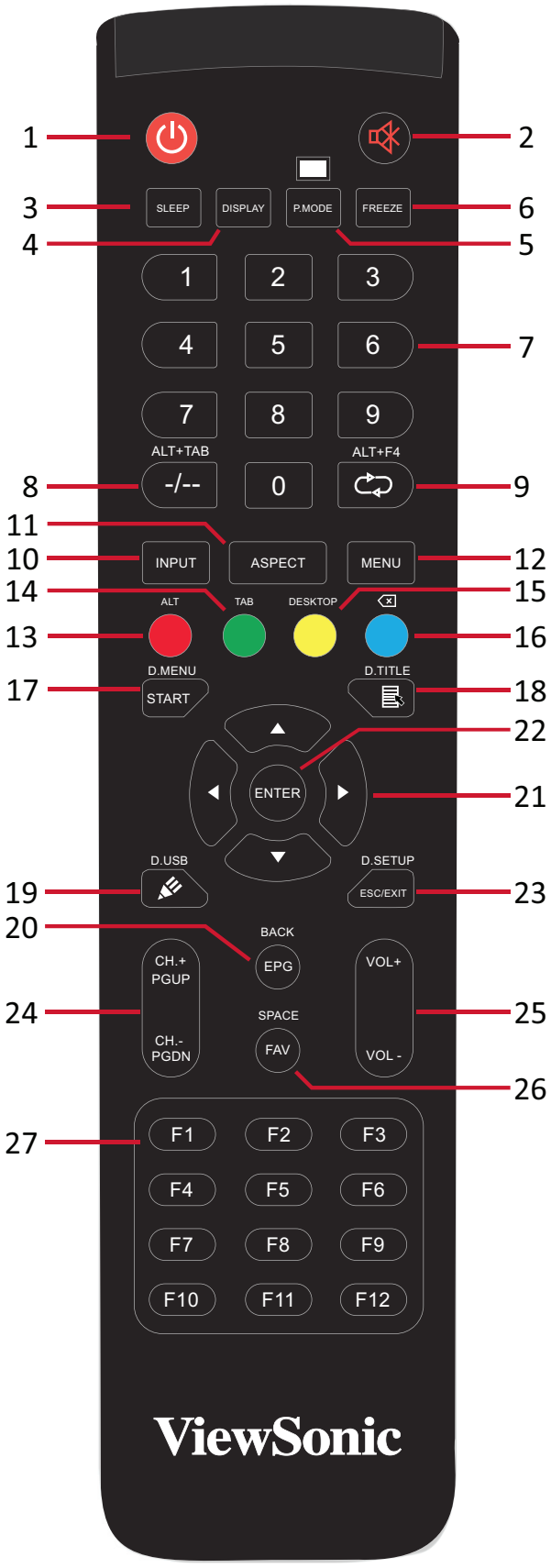


Hình 2

LƯU Ý:

- **Hình 1** - Có hai, một số (1 2) và không được đánh số ( ), các phiên bản của nhãn biểu tượng cổng USB Type C trên Bảng điều khiển và I / O cho dòng sản phẩm này. Cổng USB Type C của cả hai phiên bản đều hoạt động giống nhau.
- **Hình 2** - Để có góc nhìn tốt nhất, bạn nên lắp máy ảnh USB lên trên ViewBoard và kết nối máy ảnh với cổng USB phía trên.

Điều khiển từ xa



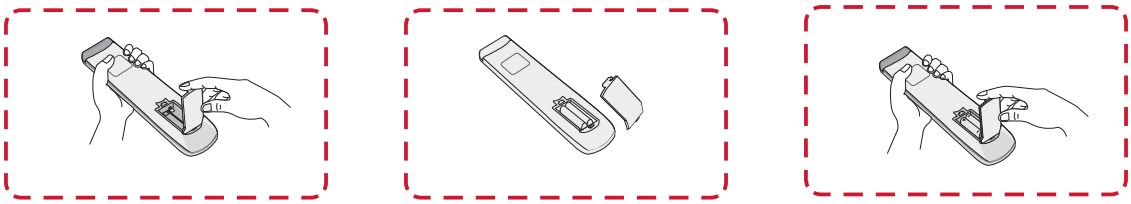
Number	Item	Description
1	⏻	Bật/tắt nguồn
2	🔇	Tắt âm/Bật âm.
3	SLEEP	chế độ ngủ
4	DISPLAY	Đối với các nguồn không phải Android; Hiển thị thông tin nguồn đầu vào hiện tại
5	P.MODE	Blank Screen
6	FREEZE	Freeze Screen
7		Các nút nhập số
8	ALT+TAB -/--	Phím cách máy tính Alt+Tab
9	ALT+F4 🔁	Máy tính có khe cắm, đóng cửa sổ chương trình
10	INPUT	Lựa chọn nguồn đầu vào
11	ASPECT (KHÍA CẠNH)	Quay lại giao diện chính của hệ thống khe cắm
12	MENU (THỰC ĐƠN)	Đối với Android, hãy truy cập Cài đặt; đối với các nguồn khác, hãy truy cập cài đặt Menu cảm ứng
13	Red / ALT (Đỏ / ALT)	Chụp màn hình
14	Green / TAB (Màu xanh lá cây / TAB)	PC[1] Nút [Tab]
15	Yellow / DESKTOP (Màu vàng / MÁY TÍNH ĐỂ BÀN)	Chuyển sang máy tính để bàn có khe cắm trong máy tính
16	BLUE/⌫	PC[1] Nút [Backspace]
17	START / D.MENU (BẮT ĐẦU / D.MENU)	PC[1] Nút [Windows]
18	/ D.TITLE	PC[1] Nút [Tab]
19	/ D.USB	Thiết lập phần mềm viết
20	EPG/BACK	Nút quay lại
21	▲ / ▼ / ◀ / ▶	Cuộn lên, xuống, trái và phải
22	ENTER (VÀO)	Xác nhận lựa chọn / trạng thái
23	ESC / EXIT / D.SETUP (ESC / THOÁT / D.SETUP)	Nút tắt để thoát khỏi hộp thoại
24	CH.+/PGUP/CH.-/PGDN	CH+: PC trang trước CH-: Trang tiếp theo của PC
25	VOL+ / VOL-	Tăng/giảm mức âm lượng.
26	FAV / SPACE	PC[1] Nút [Dấu cách]
27	F1-F12	Máy tính tích hợp F1 - Nút chức năng F12

[1] Tất cả các phím chức năng liên quan đến máy tính đều không khả dụng nếu không có máy tính có khe cắm vào.

Lắp pin điều khiển từ xa

Để lắp pin vào điều khiển từ xa:

1. Tháo nắp ở mặt sau của điều khiển từ xa.
2. Lắp hai pin "AAA", đảm bảo biểu tượng "+" trên pin khớp với biểu tượng "+" trên trụ pin.
3. Thay thế nắp bằng cách căn chỉnh nó với khe cắm trên điều khiển từ xa và đóng chốt.



WARNING: Có nguy cơ cháy nổ nếu thay pin không đúng loại.

LƯU Ý:

- Bạn không nên trộn lẫn các loại pin.
- Luôn vứt bỏ pin cũ theo cách thân thiện với môi trường. Liên hệ với chính quyền địa phương của bạn để biết thêm thông tin về cách vứt bỏ pin một cách an toàn.

Phạm vi bộ thu điều khiển từ xa

Phạm vi làm việc của điều khiển từ xa được hiển thị ở đây. Nó có phạm vi hiệu quả là 8 mét, 30° độ trái và phải. Đảm bảo không có gì cản trở tín hiệu của điều khiển từ xa đến máy thu.

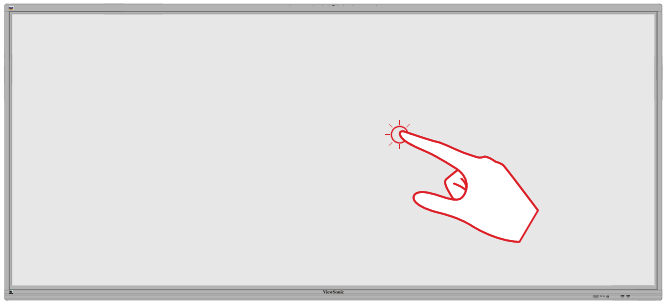


Sử dụng cử chỉ

Cử chỉ cảm ứng cho phép người dùng sử dụng các lệnh được xác định trước mà không cần sử dụng bàn phím hoặc chuột. Sử dụng các cử chỉ trên ViewBoard, người dùng có thể chọn/bỏ chọn đối tượng, thay đổi vị trí của đối tượng, truy cập cài đặt, xóa mực kỹ thuật số, v.v.

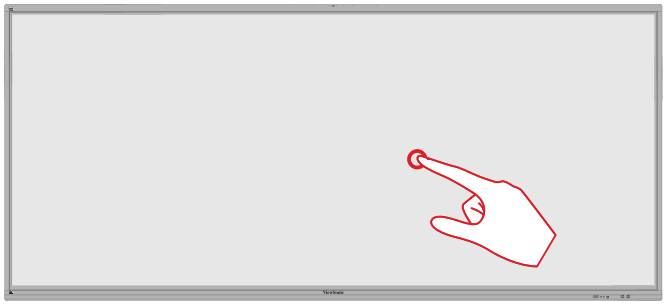
Chọn và bỏ chọn một đối tượng (Nhấp chuột)

Nhấn và thả ViewBoard để chọn / bỏ chọn các tùy chọn hoặc đối tượng. Điều này giống như một cú nhấp chuột trái tiêu chuẩn.



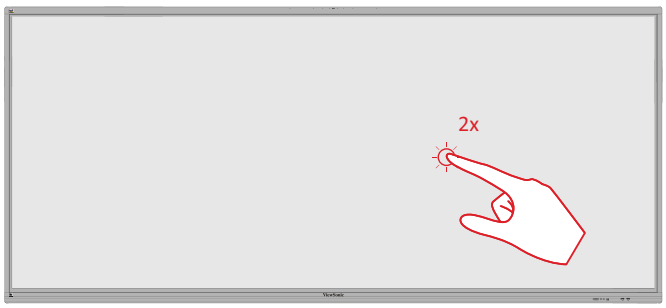
Tùy chọn menu hiển thị (Nhấp chuột phải)

Nhấn và giữ ViewBoard bằng ngón tay của bạn. Điều này giống như một cú nhấp chuột phải tiêu chuẩn.



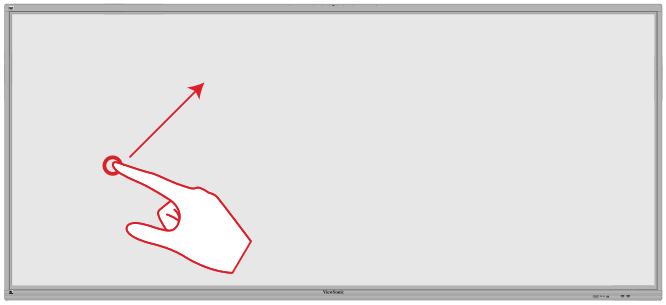
Nhấp đúp

Nhấn và thả nhanh hai lần ở cùng một vị trí trên ViewBoard. Điều này giống như một cú nhấp chuột trái hai lần, tiêu chuẩn.



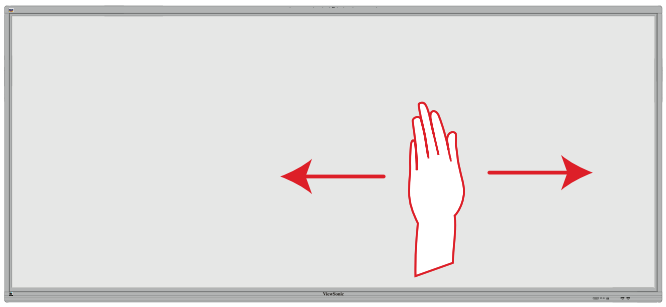
Di chuyển một đối tượng

Nhấn và giữ đối tượng trên ViewBoard và từ từ kéo nó bằng ngón tay của bạn đến vị trí mong muốn.



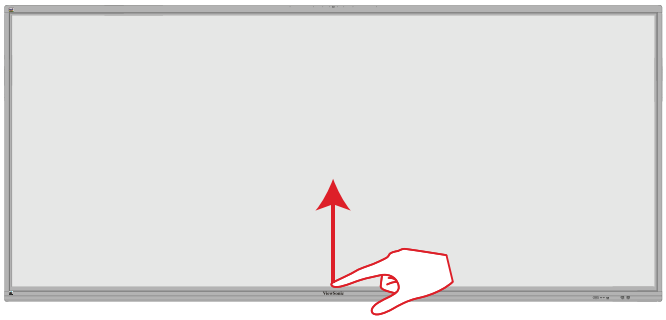
Xóa mực kỹ thuật số

Sử dụng bàn tay, lòng bàn tay hoặc nắm đấm dẹt của bạn trên ViewBoard và di chuyển bàn tay của bạn qua khu vực mà bạn muốn xóa.



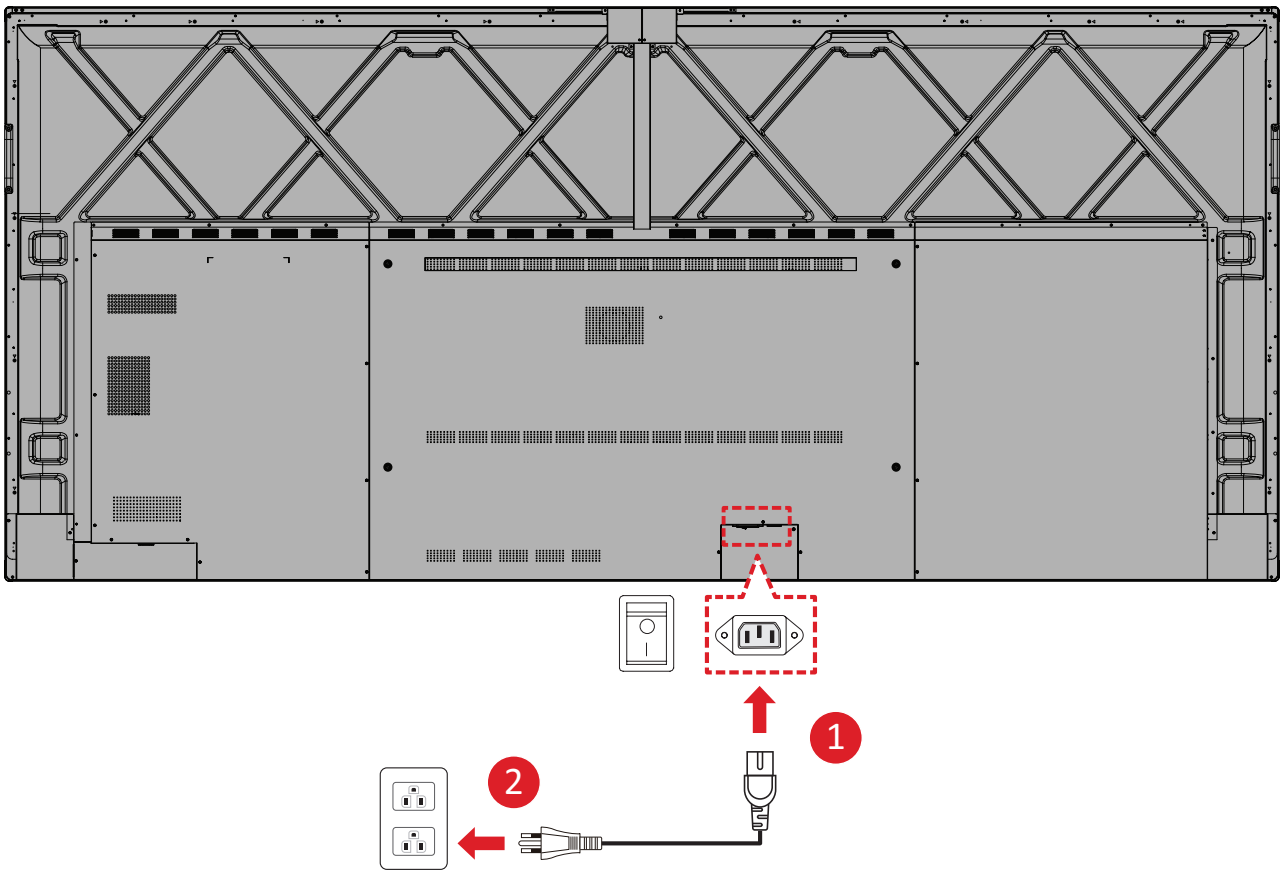
Vuốt lên để cài đặt chung

Vuốt lên từ cuối ViewBoard để khởi chạy Cài đặt chung.



Thực hiện các kết nối

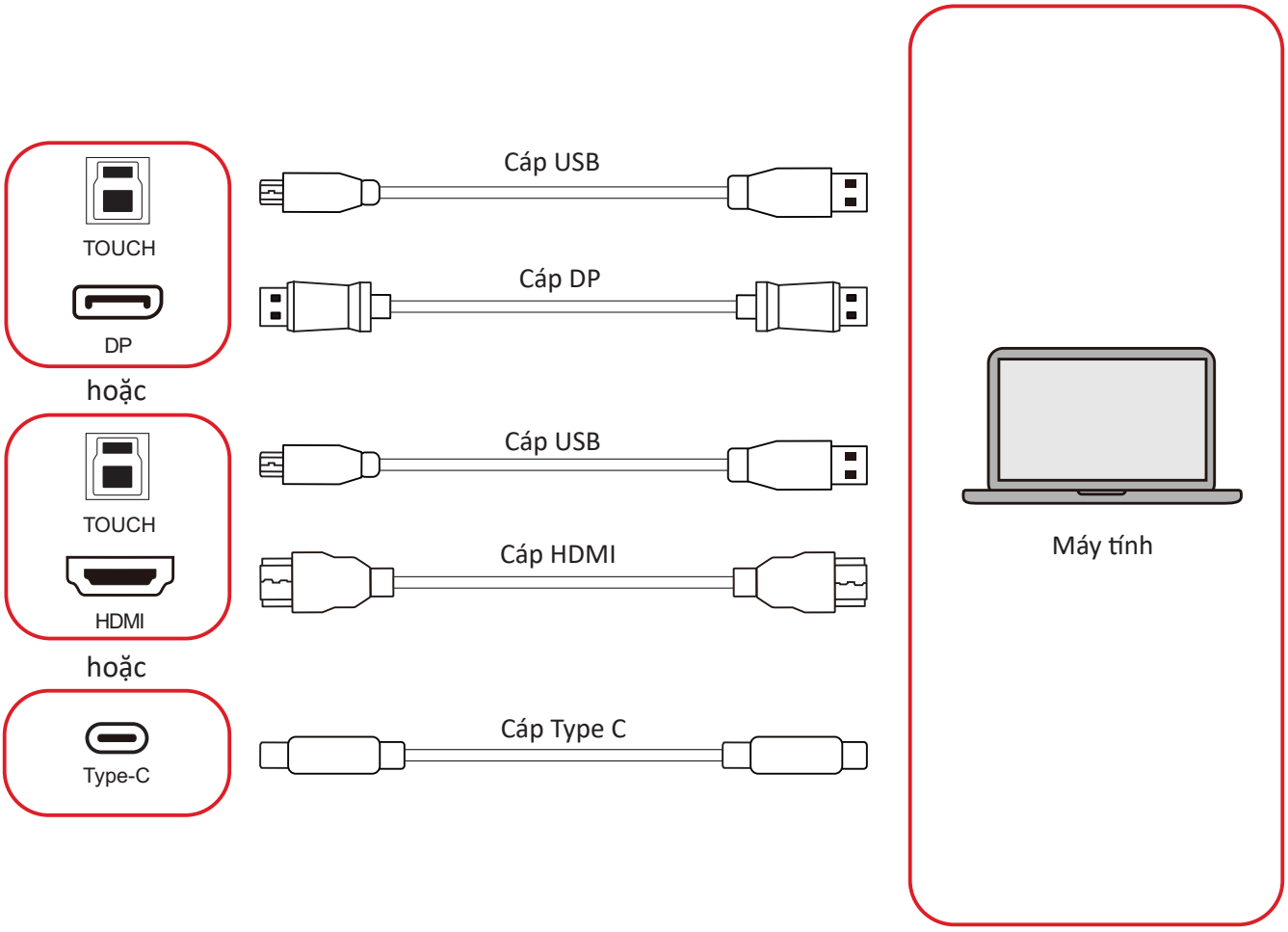
Kết nối nguồn điện



1. Kết nối dây nguồn vào giắc AC IN ở phía sau màn hình.

2. Cắm dây nguồn vào ổ điện.

Kết nối thiết bị ngoại và Kích hoạt Touch



(Các) thiết bị bên ngoài của bạn có thể được kết nối trong bất kỳ cấu hình nào sau đây:

Kết nối DisplayPort

Để kết nối qua DisplayPort:

1. Kết nối cáp DisplayPort từ thiết bị bên ngoài của bạn với **DP TRONG** trên ViewBoard.
2. Kết nối cáp USB Loại B đến A với thiết bị bên ngoài từ **CHẠM 1** cổng của ViewBoard.

LƯU Ý: Các **CHẠM 1** cổng dành cho **Cổng HDMI 1** và **DP** Cổng. Các **CHẠM 2** cổng dành cho **HDMI 2** và **HDMI 3** Cổng. Các **CHẠM 3** cổng dành cho **Cổng HDMI 4** cảng.

Kết nối HDMI

Để kết nối qua HDMI:

1. Kết nối cáp HDMI từ thiết bị bên ngoài của bạn với **HDMI 1 / HDMI 2 / HDMI 3 / HDMI 4** trên ViewBoard.
2. Kết nối USB Loại B với A với thiết bị bên ngoài từ thiết bị thích hợp **SỜ** cổng của ViewBoard.

LƯU Ý: Các **CHẠM 1** cổng dành cho **Cổng HDMI 1** và **DP** Cổng. Các **CHẠM 2** cổng dành cho **HDMI 2** và **HDMI 3** Cổng. Các **CHẠM 3** cổng dành cho **Cổng HDMI 4** cảng.

Kết nối qua USB Type C

Để kết nối qua Loại C:

Kết nối cáp Loại C từ thiết bị bên ngoài của bạn với **Loại C** trên ViewBoard.

Kết Nối RS-232

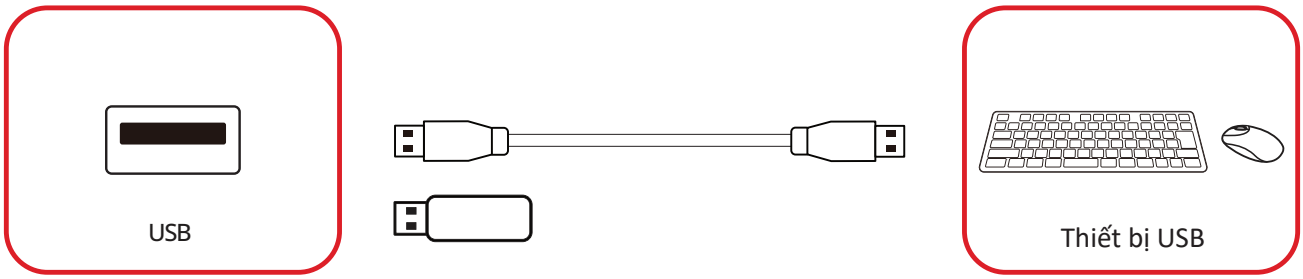


Khi sử dụng cáp RS-232 để kết nối máy chiếu với máy tính ngoài, một số chức năng có thể được điều khiển từ xa bằng máy tính, ví dụ như Bật/Tắt Nguồn, điều chỉnh Âm Lượng, chọn Ngõ Vào, Độ Sáng và một số chức năng khác.

Kết nối USB

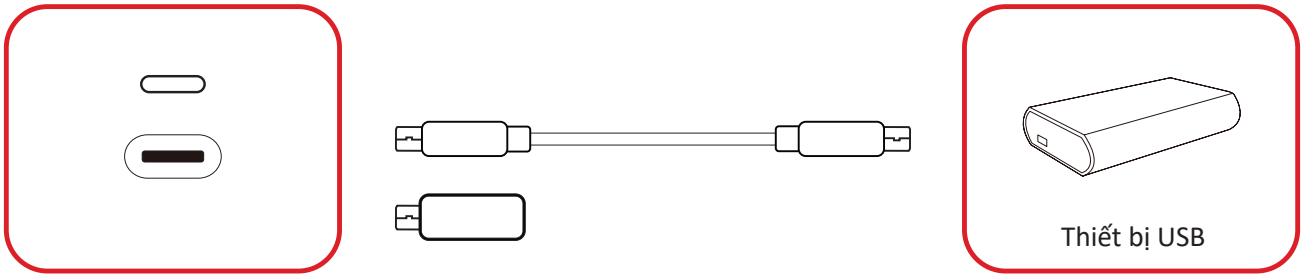
Cũng giống như bất kỳ PC nào, thật dễ dàng để kết nối các thiết bị USB khác nhau và các thiết bị ngoại vi khác với ViewBoard của bạn.

USB Type A



Cắm thiết bị USB hoặc ổ lưu trữ vào cổng USB Loại A của ViewBoard.

USB Type C



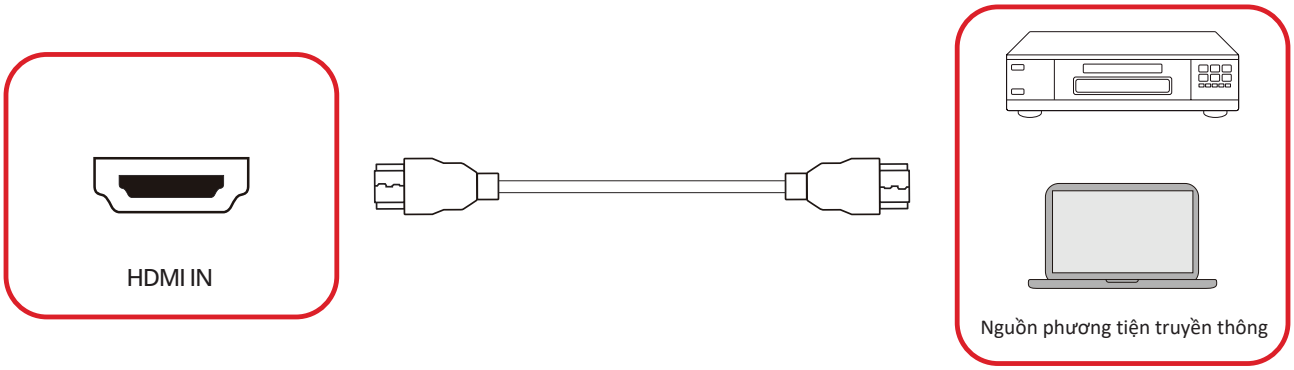
Cắm thiết bị USB hoặc ổ lưu trữ vào cổng USB Loại C của ViewBoard.

Kết nối mạng



Để kết nối với mạng cục bộ, hãy kết nối cáp Ethernet với mạng của bạn, sau đó kết nối đầu kia với một **LAN** cổng của ViewBoard.

Kết nối phương tiện



Cách kết nối với nguồn phương tiện:

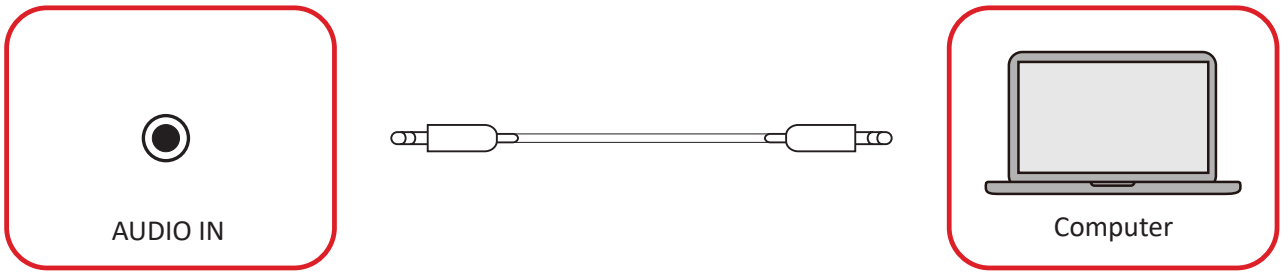
1. Kết nối cáp HDMI với **Cổng HDMI** cổng trên ViewBoard và thiết bị ngoại vi.
2. Cắm dây nguồn của bạn ViewBoard và bật công tắc cấp nguồn.
3. Nhấn ⏻ **Sức mạnh** trên ViewBoard để bật màn hình.
4. Nhấn **NHẬP** trên điều khiển từ xa và chuyển sang nguồn đầu vào HDMI.

Kết Nối Âm Thanh

Máy chiếu hỗ trợ cả phát (Audio In), xuất (Audio Out) và SPDIF âm thanh.

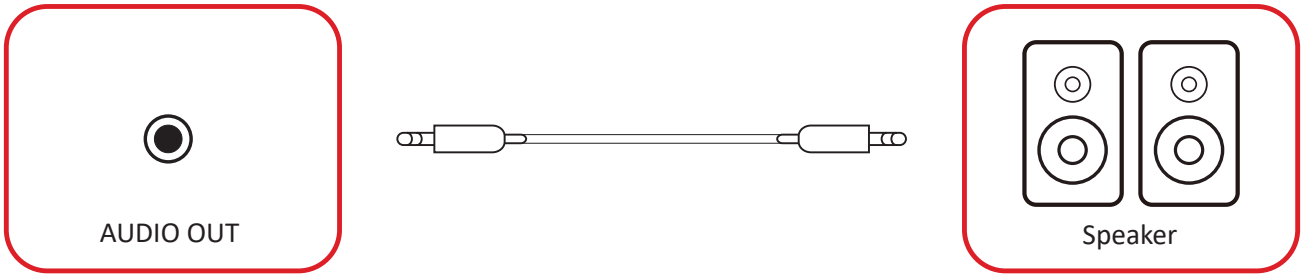
Audio In

Để phát âm thanh từ thiết bị ngoài của bạn qua loa của máy chiếu, hãy kết nối một đầu của cáp âm thanh với thiết bị ngoài của bạn và đầu còn lại với cổng **AUDIO IN** của máy chiếu.

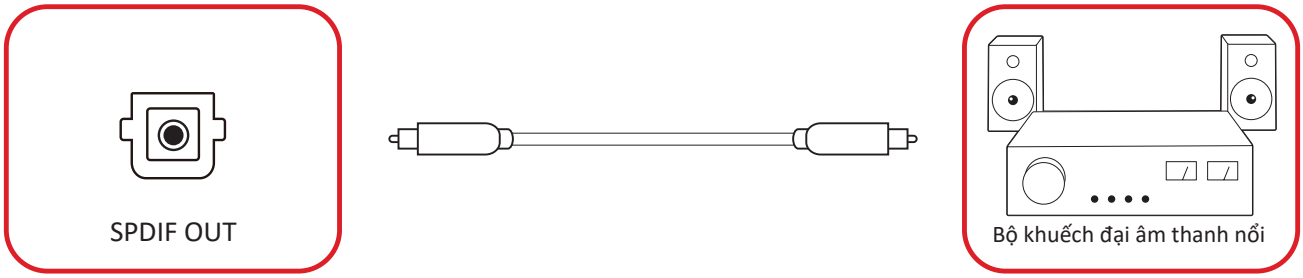


Audio Out

Để phát âm thanh từ máy chiếu qua loa ngoài, hãy kết nối một đầu của cáp âm thanh với loa ngoài và đầu còn lại với cổng **AUDIO OUT** của máy chiếu.



Kết nối SPDIF



Để kết nối với hệ thống âm thanh bên ngoài:

1. Kết nối cáp quang từ **SPDIF** cổng vào đầu nối quang của hệ thống âm thanh của bạn.
2. Cắm dây nguồn của bạn ViewBoard và bật công tắc cấp nguồn.
3. Nhấn ⏻ **Sức mạnh** trên ViewBoard để bật màn hình.

Kết nối đầu ra video (HDMI Out)



To output video via a display device:

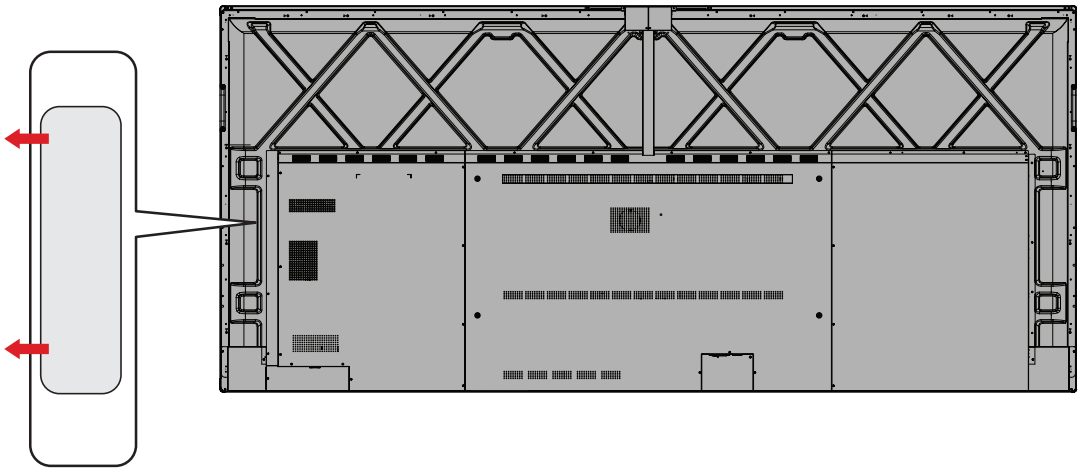
1. Kết nối cáp HDMI với **HDMI VÀO** cổng của thiết bị hiển thị của bạn và đầu kia của **Đầu ra HDMI** cổng của ViewBoard.
2. Plug in the power cord of the ViewBoard, and turn on the power supply switch.
3. Press the ⏻ **Power** button on the ViewBoard to turn the screen on.
4. Press the **INPUT** button on the remote control and switch to the HDMI IN input source.

Kết nối tùy chọn

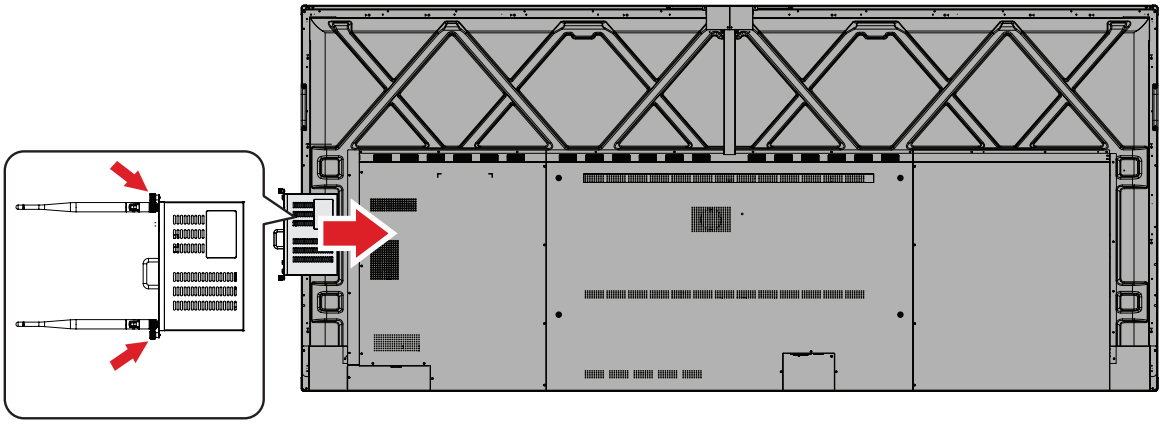
ViewBoard đi kèm với một **Khe cắm OPS** cũng như một **Khe cắm Wi-Fi** cho các tiện ích bổ sung tùy chọn như PC có khe cắm (ví dụ: Dòng VPC3X / VPCF5) hoặc thẻ Wi-Fi (ví dụ: VB-WIFI-004).

Cài đặt máy tính có khe cắm (khe cắm OPS)

1. Loại bỏ **Khe cắm OPS** nắp của màn hình.



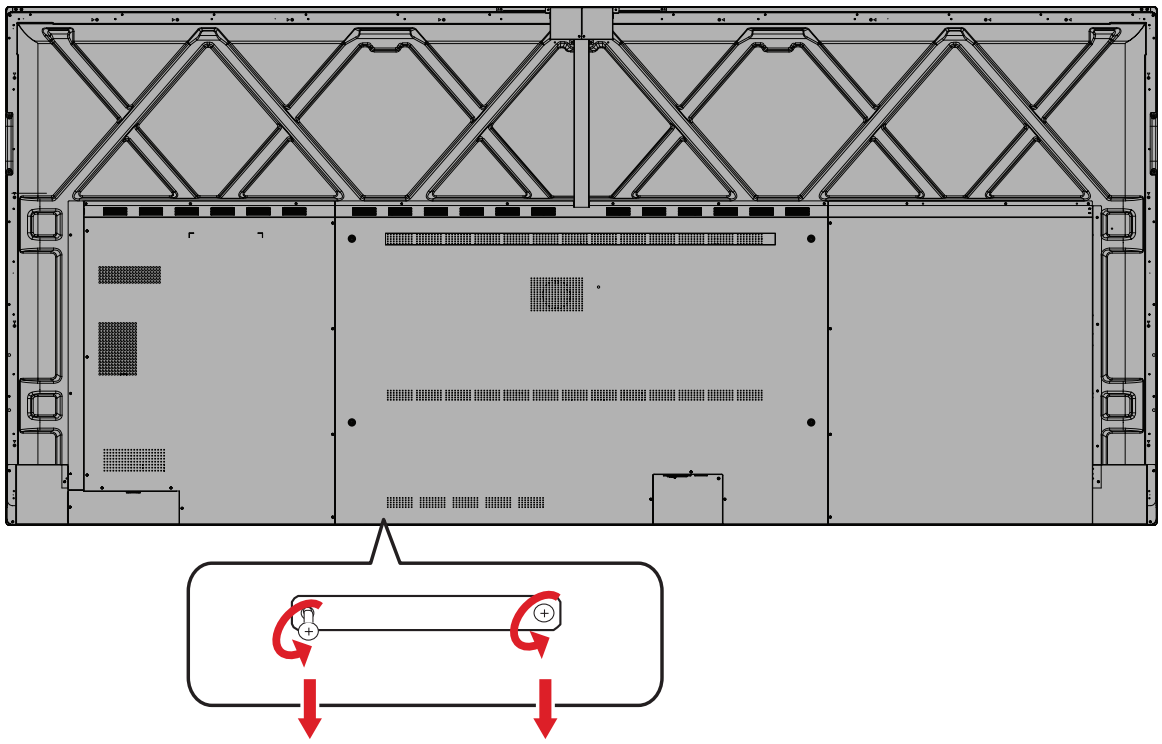
2. Cẩn thận lắp PC có khe cắm vào **Khe cắm OPS** của màn hình.



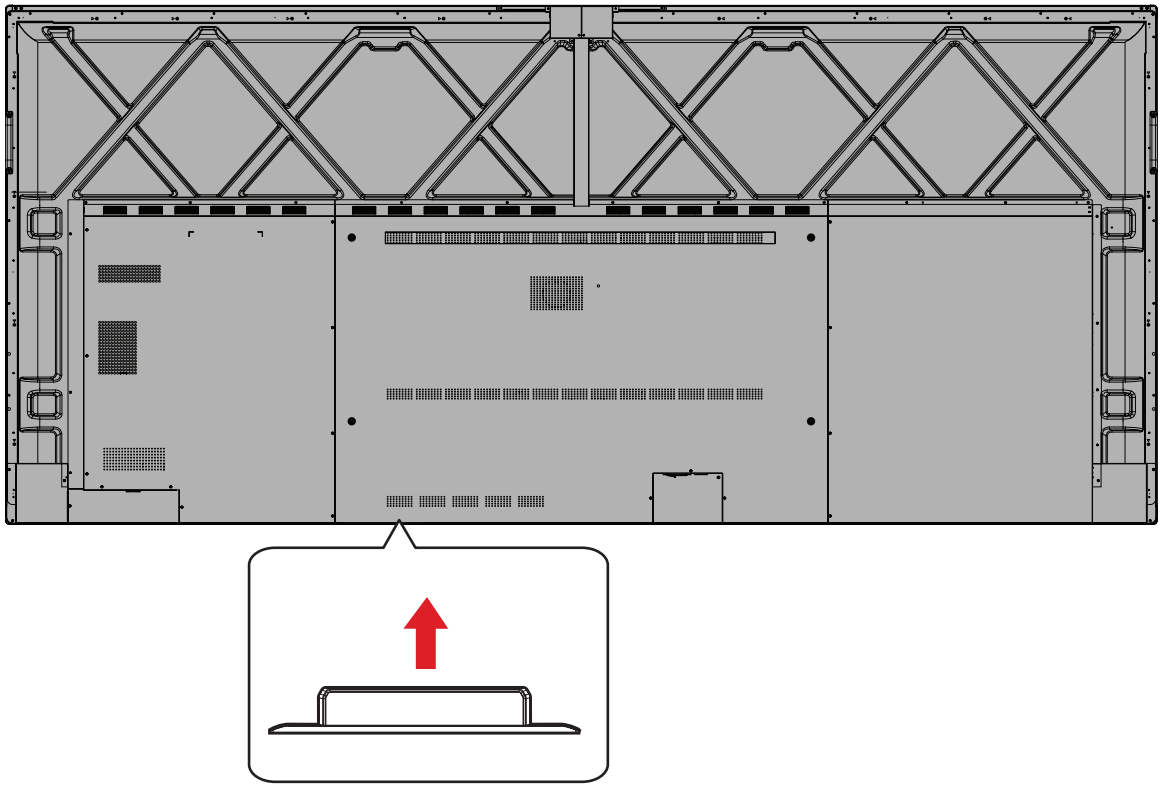
3. Cố định PC có khe cắm vào màn hình.

Cài đặt thẻ Wi-Fi (Khe cắm Wi-Fi)

1. Loại bỏ **Khe cắm Wi-Fi** nắp của màn hình.

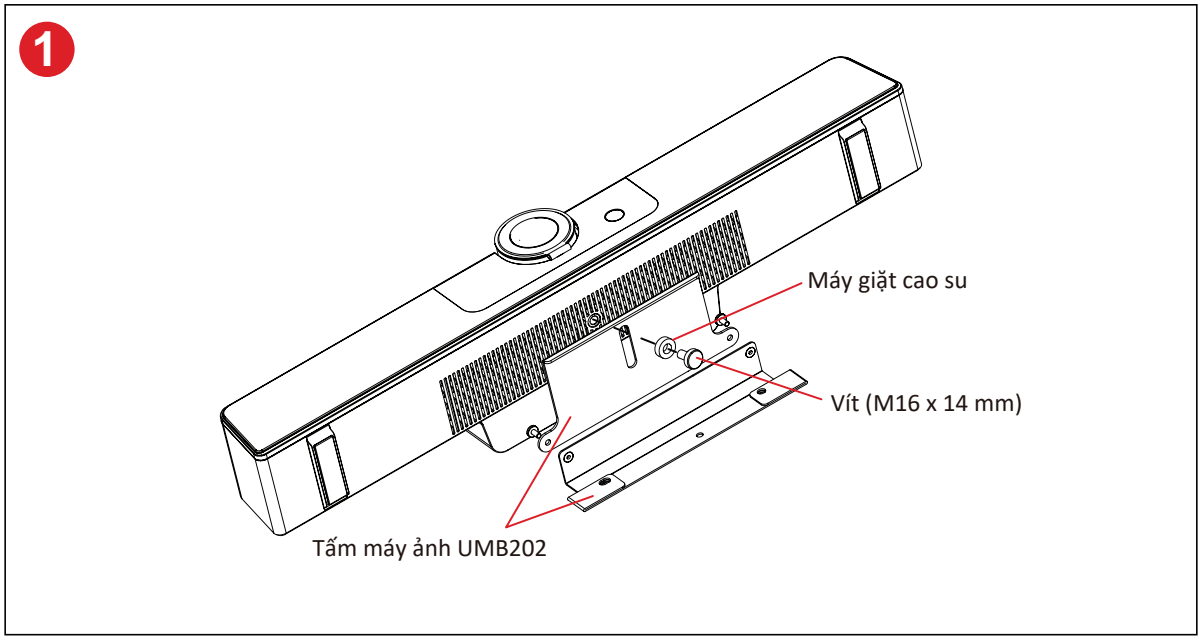


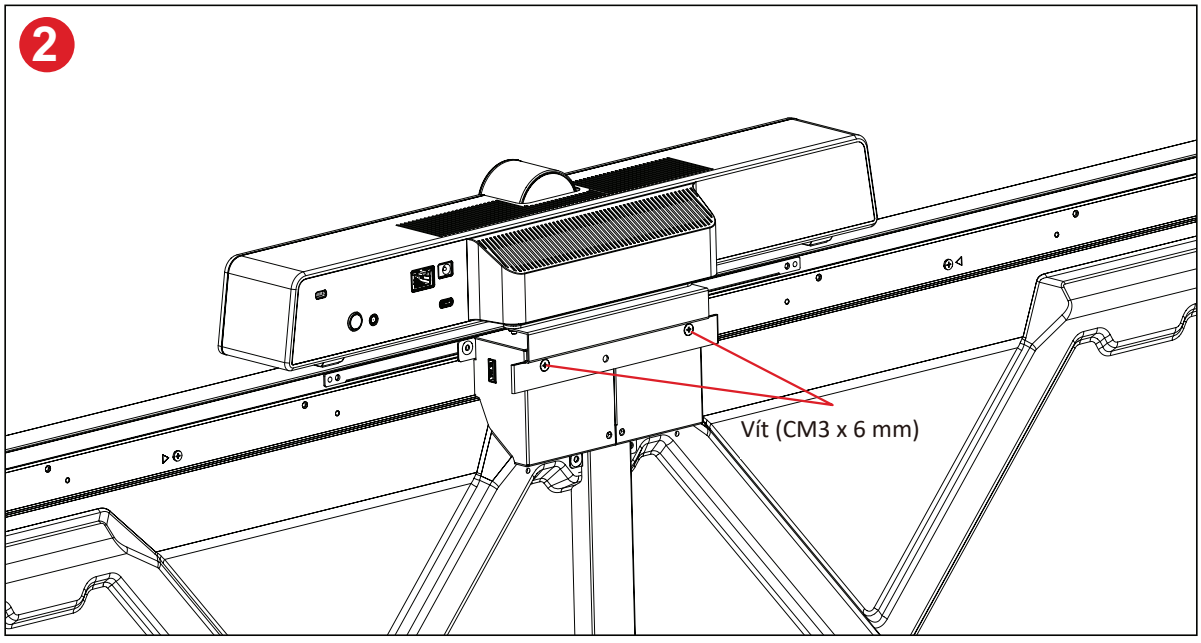
2. Cẩn thận lắp thẻ Wi-Fi có khe cắm vào **Khe cắm Wi-Fi** của màn hình.



3. Cố định thẻ Wi-Fi có khe cắm vào màn hình.

Cài đặt tấm máy ảnh UMB202

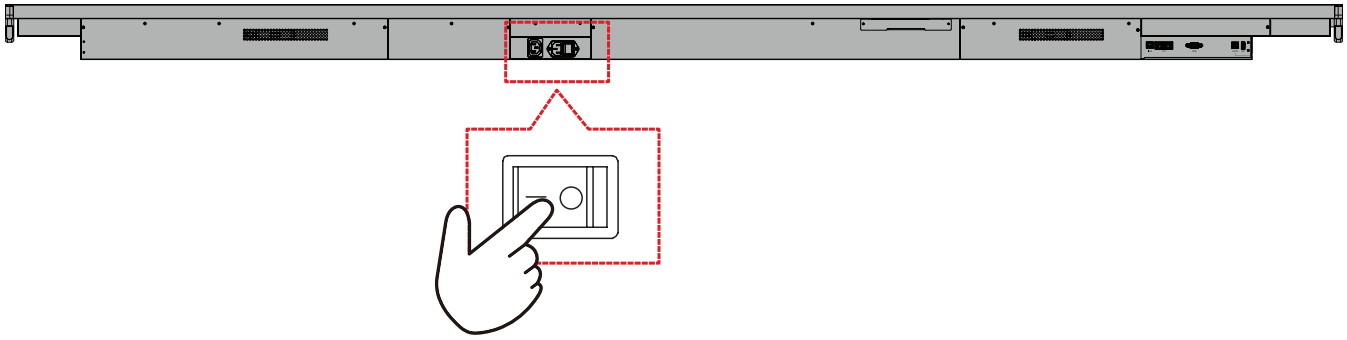




Sử dụng ViewBoard

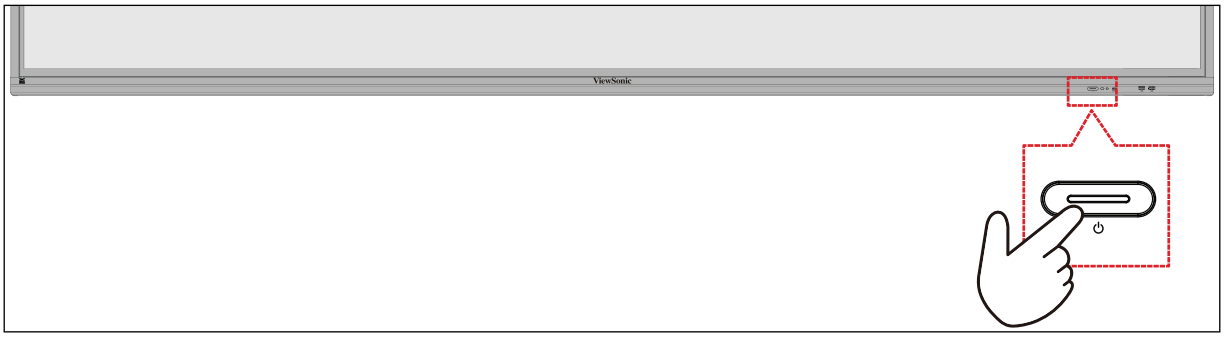
Bật / Tắt ViewBoard

1. Đảm bảo dây nguồn đã được kết nối, cắm vào ổ cắm điện và công tắc nguồn ở vị trí “Bật”.



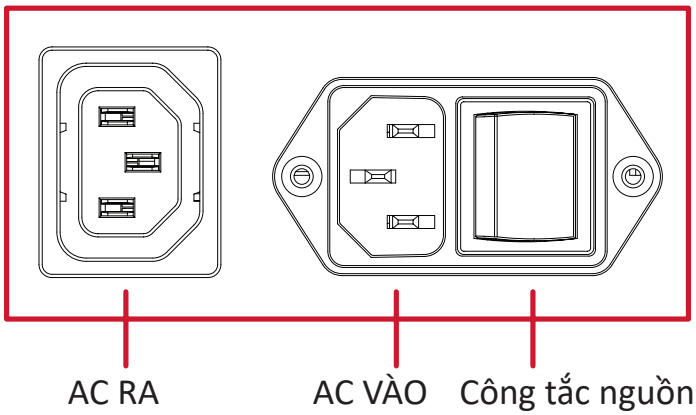
LƯU Ý: Công tắc nguồn nằm ở dưới cùng của ViewBảng.

2. Nhấn ⏻ **Sức mạnh** để bật ViewBoard.



3. Để tắt ViewBoard, nhấn và giữ ⏻ **Sức mạnh** nút.

LƯU Ý: **AC RA** có thể được kết nối với một thiết bị khác. Tuy nhiên, việc sử dụng công suất đầu ra phải < 250W.



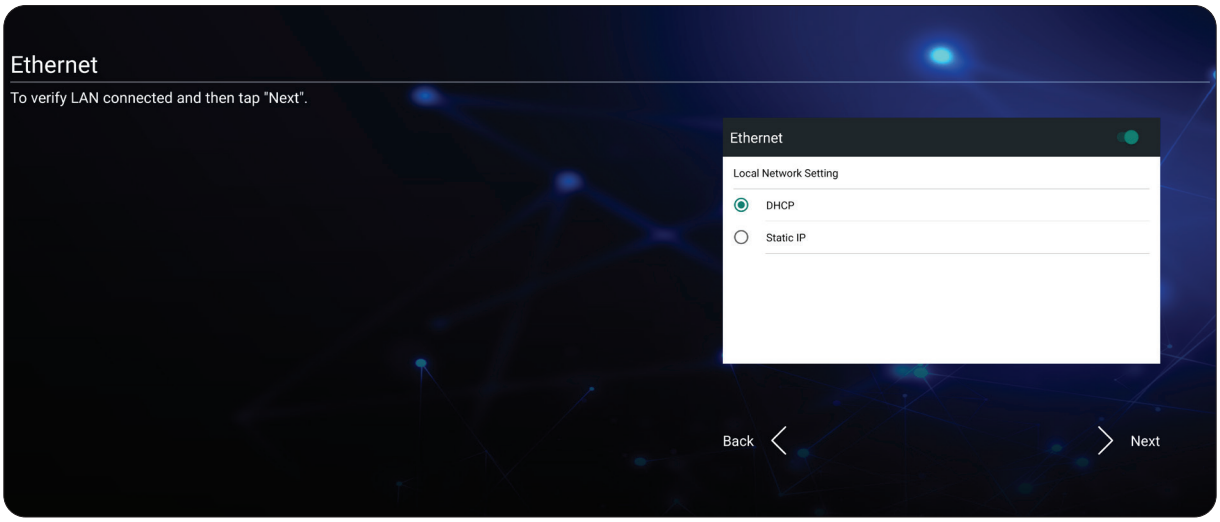
Thiết lập khởi chạy ban đầu

Khi bạn bật ViewBoard lần đầu tiên, trình hướng dẫn thiết lập ban đầu sẽ khởi chạy.

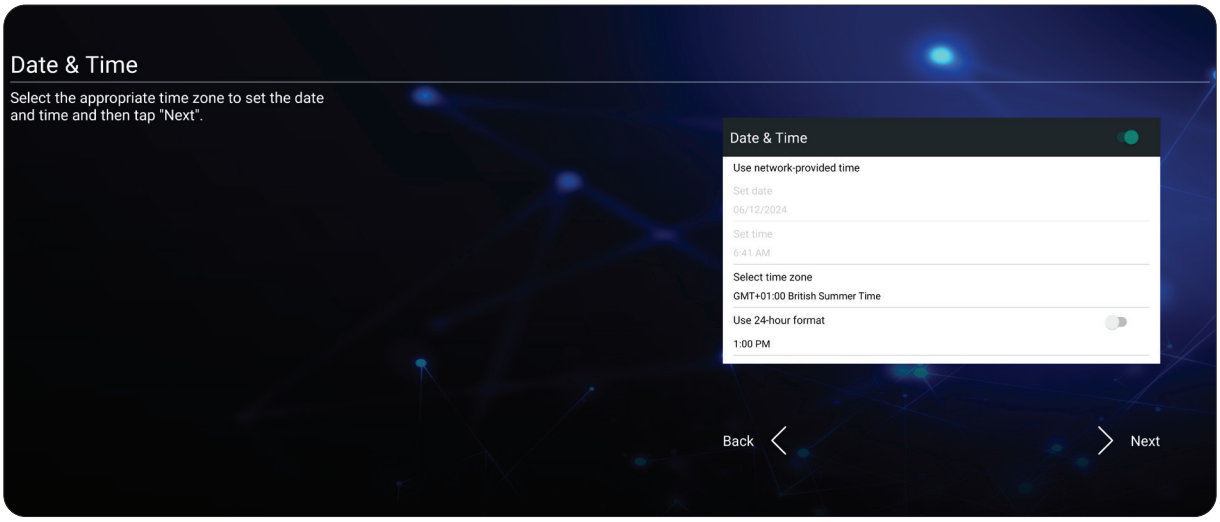
1. Chọn ngôn ngữ ưa thích của bạn.



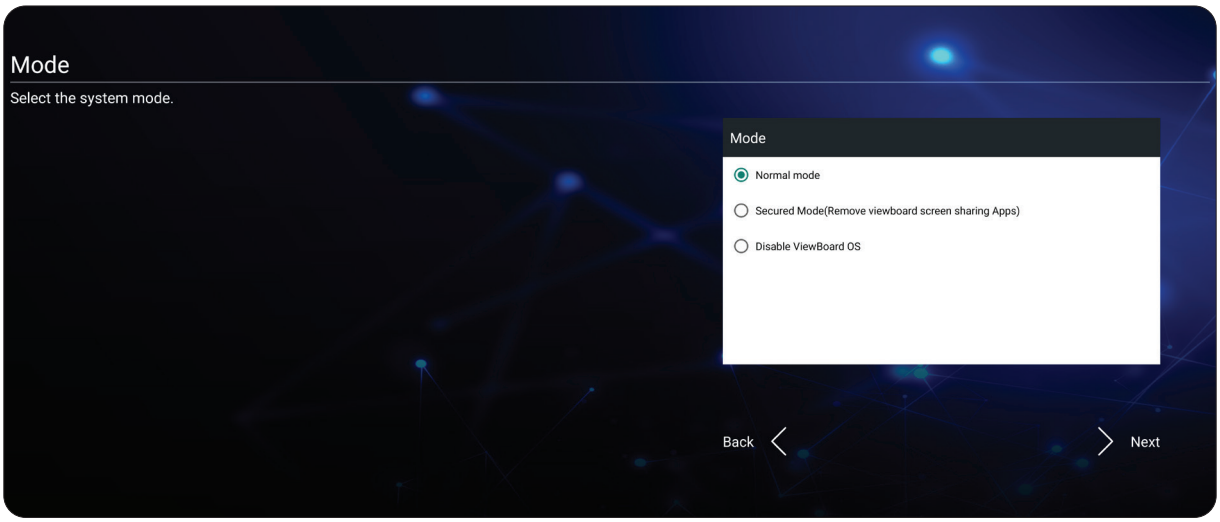
2. Thiết lập và kết nối với mạng.



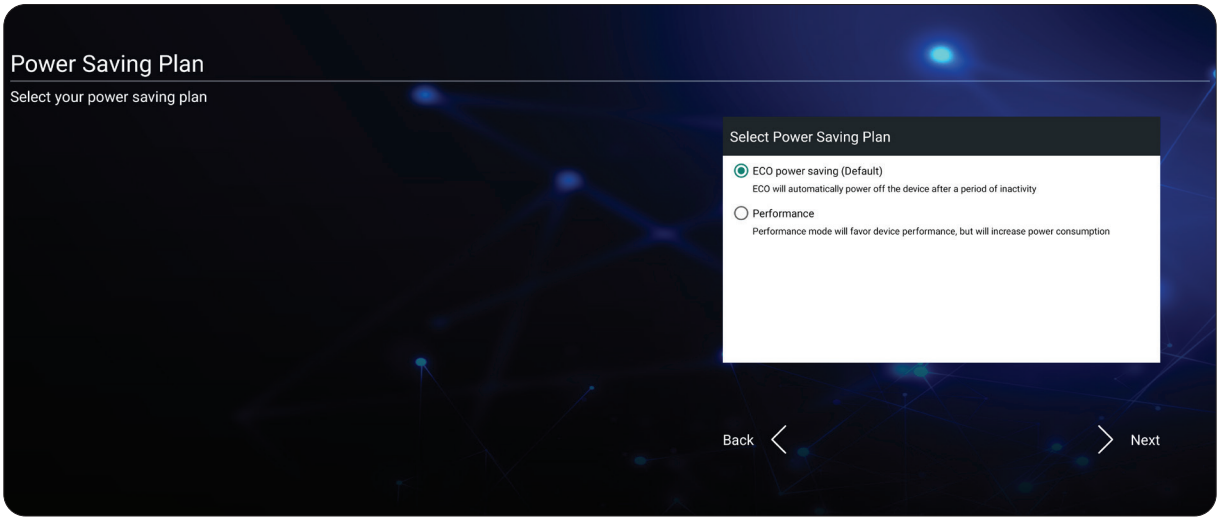
3. Đặt và điều chỉnh Ngày và Giờ nếu cần.



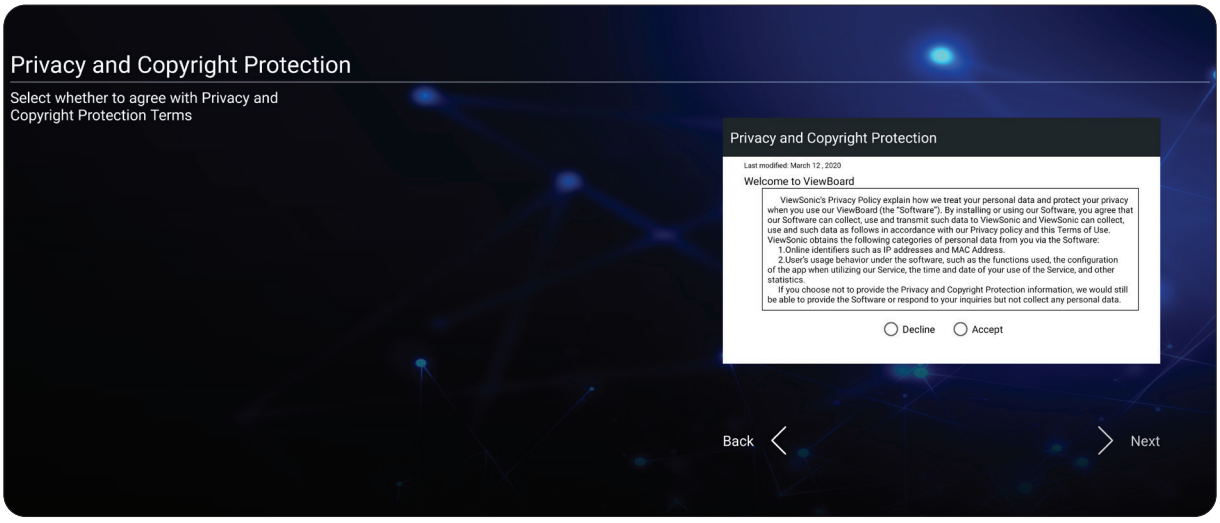
4. Chọn Chế độ hệ thống ưa thích của bạn.



5. Thiết lập kế hoạch tiết kiệm năng lượng.

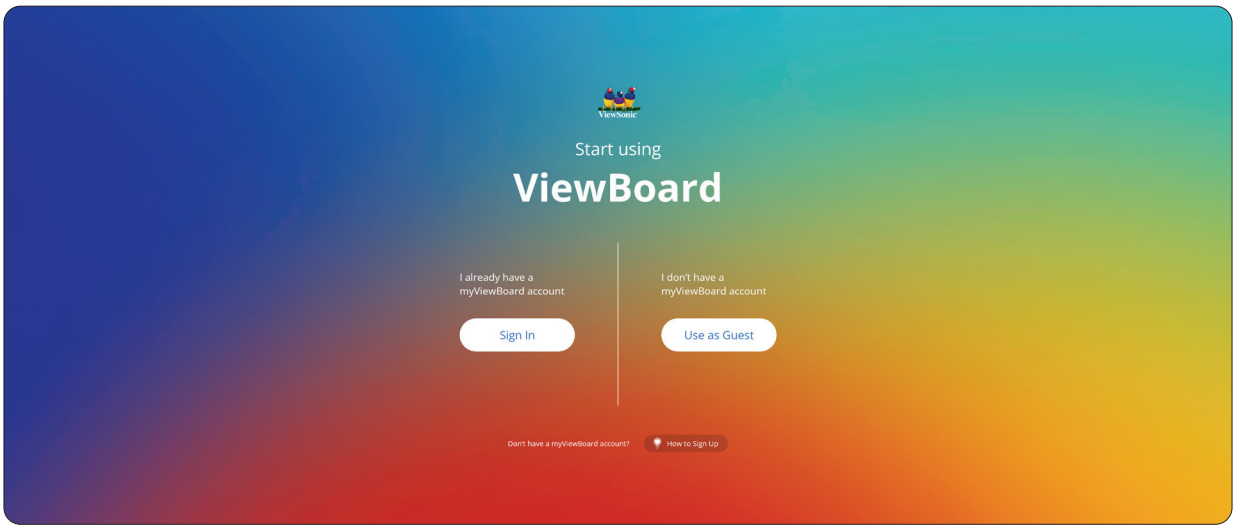


6. Chấp nhận hoặc từ chối Điều khoản bảo vệ quyền riêng tư và bản quyền.



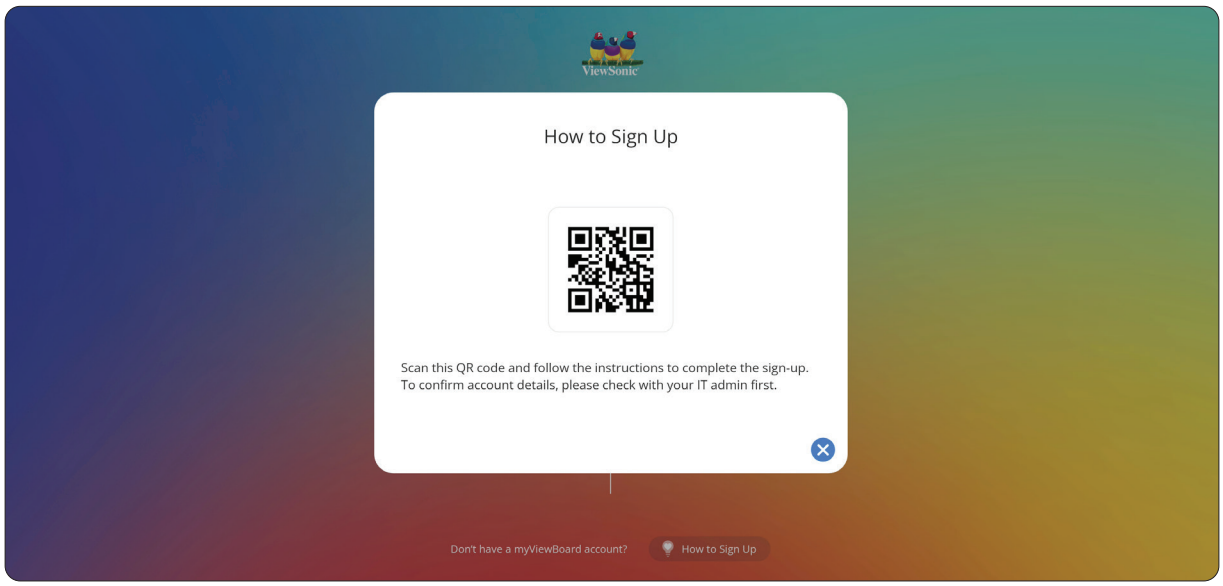
Home Screen (Màn hình chính)

Trên Màn hình chính, chọn từ **Sử dụng làm khách** và **Đăng nhập**.



Cách đăng ký

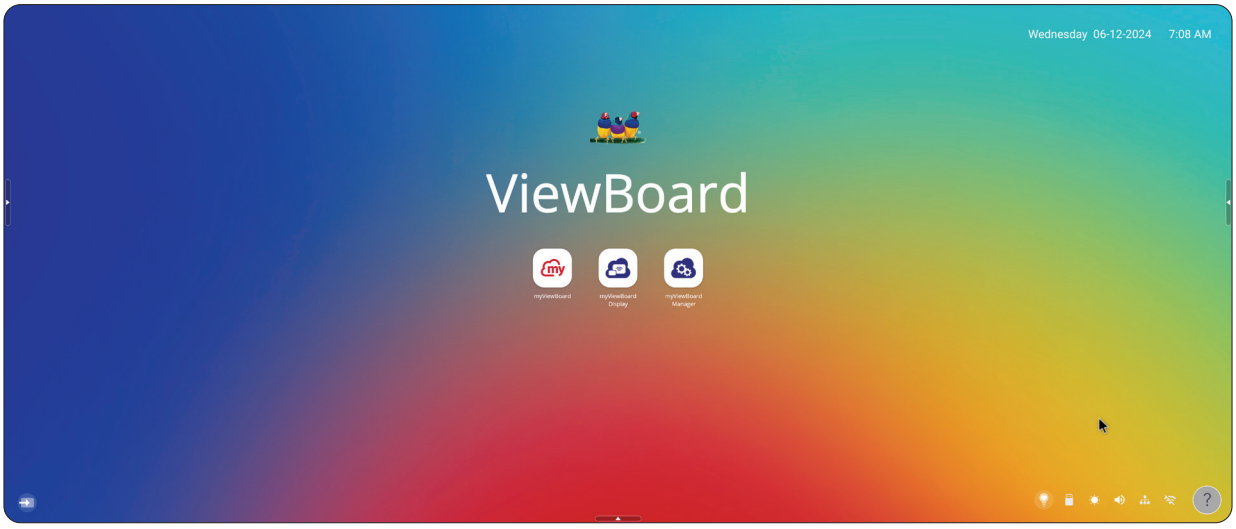
Chọn **Cách đăng ký** ở cuối màn hình, sau đó quét mã QR và làm theo hướng dẫn để đăng nhập.



Sử dụng làm khách

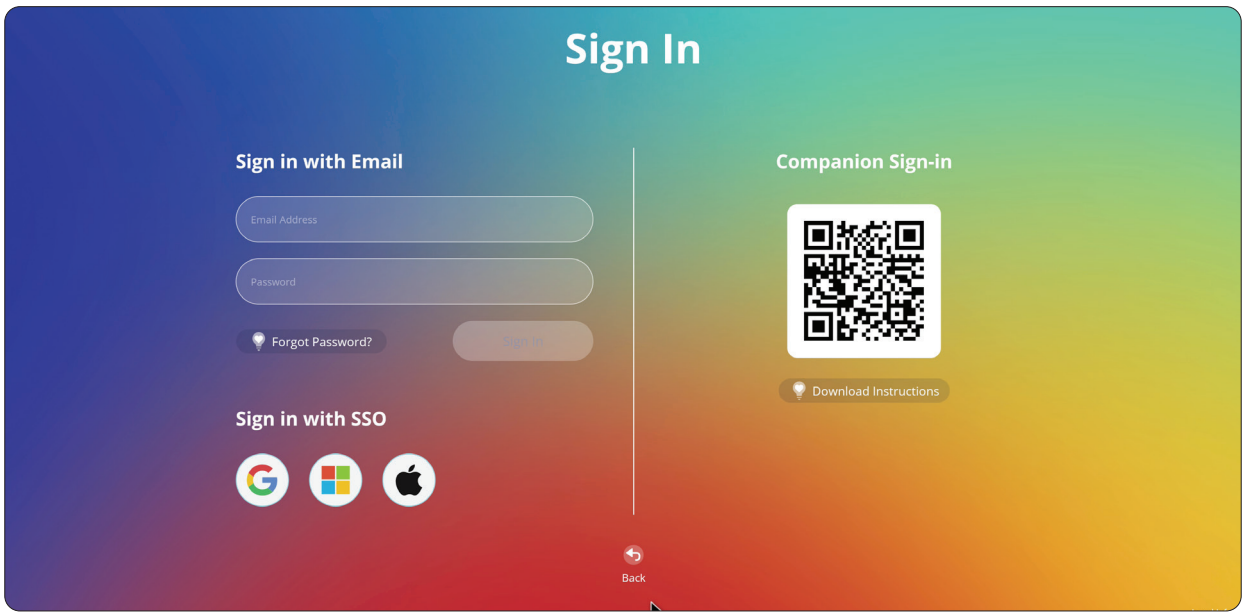
Chọn **Sử dụng làm khách** để đăng nhập bằng tài khoản khách.

LƯU Ý: Xin lưu ý rằng không thể lưu cài đặt người dùng khi đăng nhập bằng tài khoản khách.



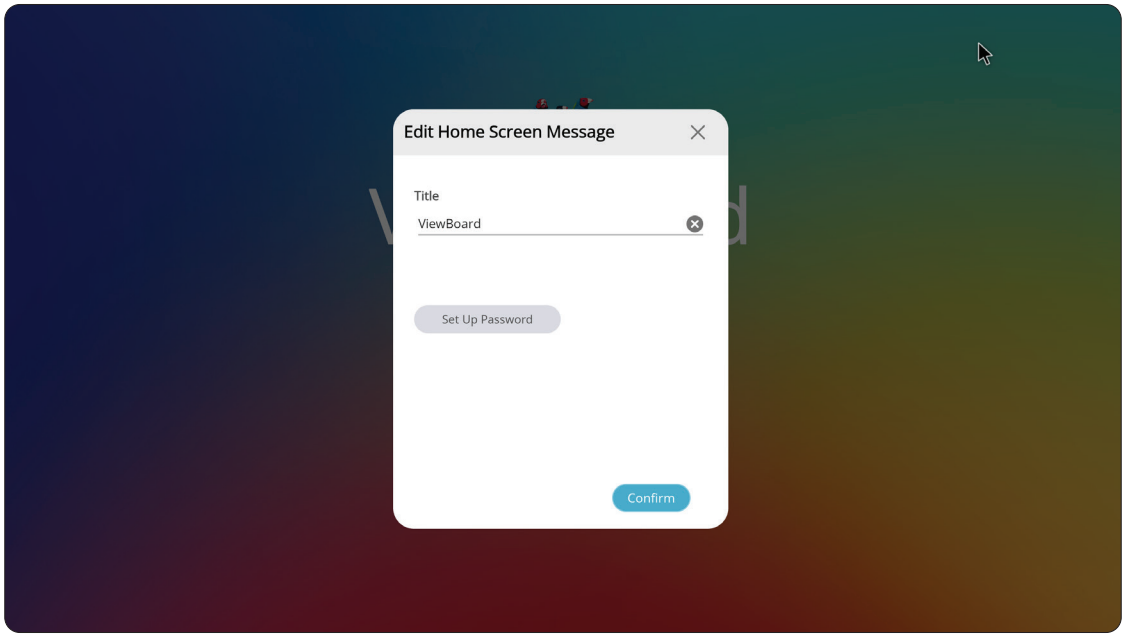
Đăng nhập

Chọn **Đăng nhập** để đăng nhập bằng nhiều tài khoản khác nhau.



Thông báo trên màn hình chính

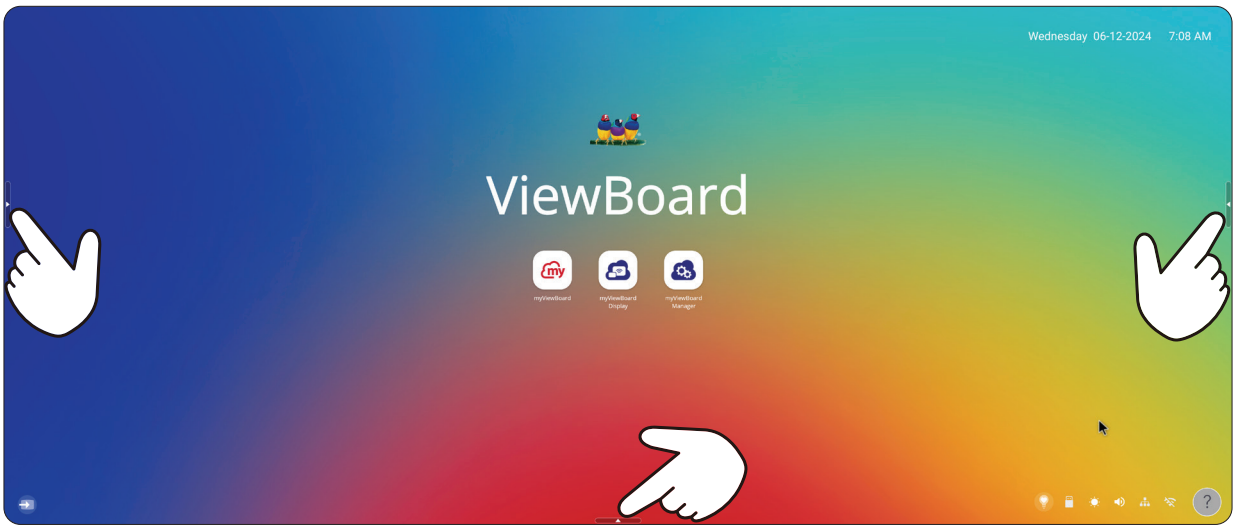
Thông báo Màn hình chính có thể được chỉnh sửa bằng cách chọn nó trực tiếp trên Màn hình chính.



Ngoài ra, mật khẩu có thể được đặt bằng cách chọn **Thiết lập mật khẩu** nút.

Thanh công cụ

Thanh công cụ là nơi có thể tìm thấy các ứng dụng và công cụ. Các biểu tượng kích hoạt nằm ở cạnh phải, trái và dưới cùng của màn hình để truy cập nhanh.



Để khởi chạy ứng dụng hoặc công cụ:

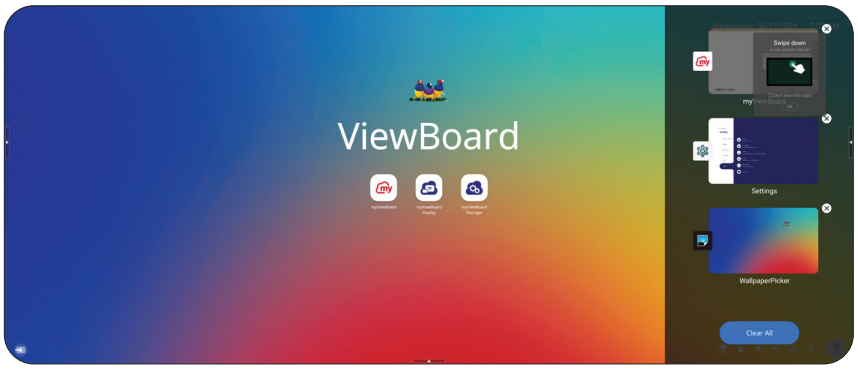
1. Nhấn vào biểu tượng kích hoạt Thanh công cụ.

2. Nhấn vào ứng dụng hoặc công cụ.



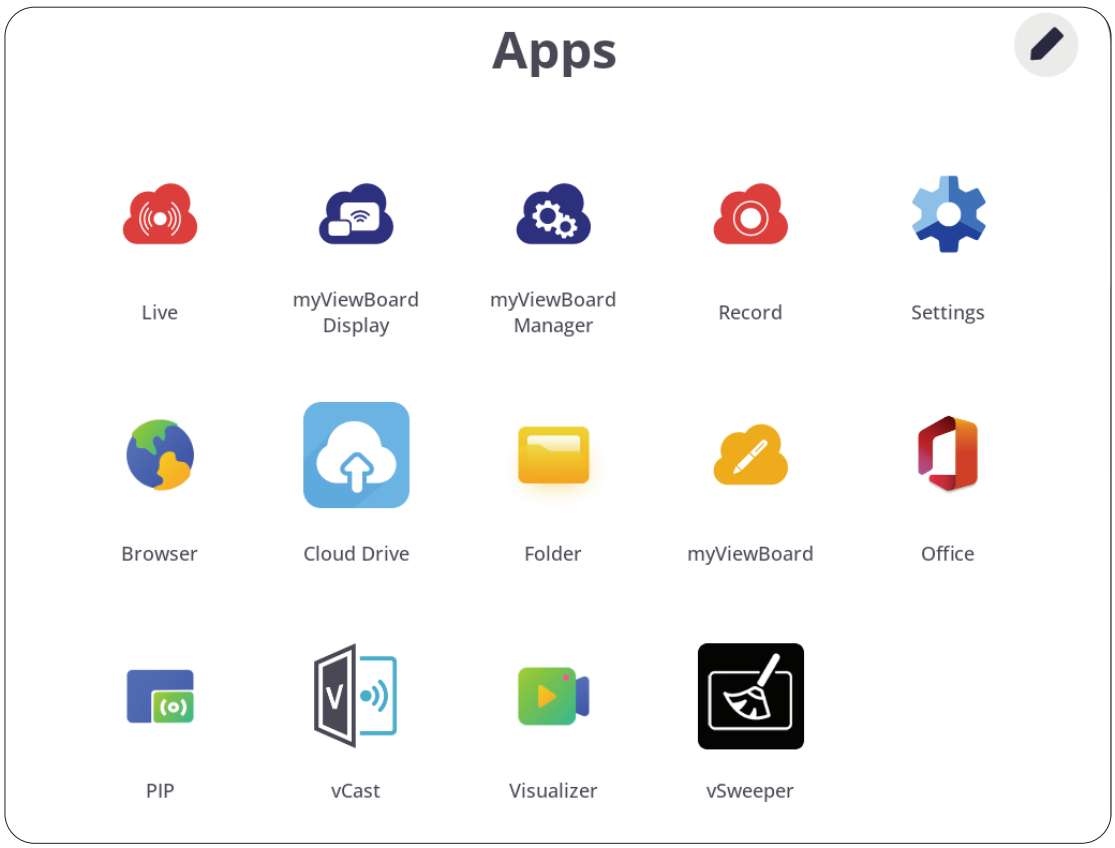
LƯU Ý: Cài đặt thanh công cụ mặc định sẽ có sẵn cho tất cả các nguồn đầu vào; Tuy nhiên, người dùng có thể truy cập: **Cài đặt** > **Sở thích** > **Cài đặt thanh công cụ** Để điều chỉnh các tùy chọn: (1) Hiển thị thanh công cụ bên, (2) Ẩn thanh công cụ bên, (3) Tắt trong tất cả các nguồn đầu vào.

TBiểu tượng thanh công cụ

Biểu tượng	Sự miêu tả
Về	Quay lại màn hình thao tác trước đó. **GHI:** Chỉ dành cho nguồn ViewBoard.
Nhà	Quay lại Màn hình chính.
Gần đây	Hiển thị tất cả các ứng dụng hiện đang mở. 
Ứng dụng	Xem tất cả các ứng dụng đã cài đặt.
Thư mục tập tin	Duyệt và mở tệp.
Công cụ	Nhanh chóng xem và điều chỉnh các công cụ thường sử dụng khác nhau.
Nguồn đầu vào	Chọn và thay đổi tín hiệu nguồn đầu vào.

Ứng dụng

Giống như bất kỳ điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng nào, bạn có thể cài đặt một số ứng dụng khác nhau.

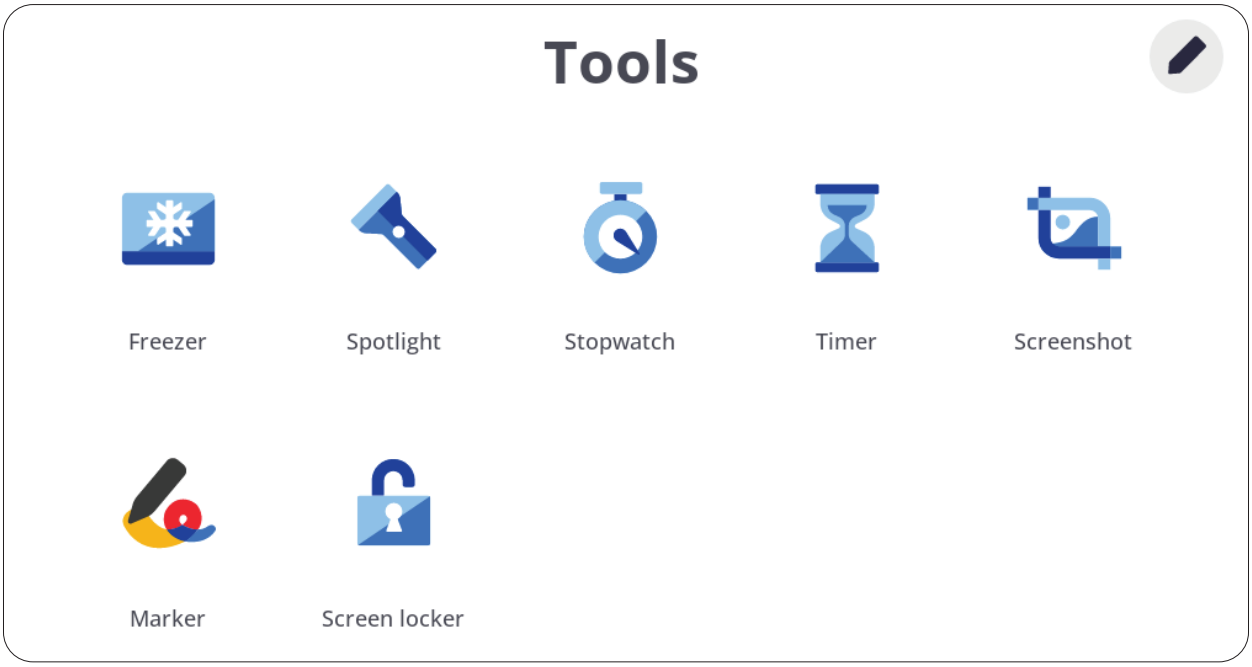


Các ứng dụng có thể được truy cập từ Thanh công cụ, trực tiếp từ Màn hình chính thông qua các phím tắt hoặc bằng cách chọn **Ứng dụng** biểu tượng ( ) .

LƯU Ý: Các mô tả ứng dụng đi kèm sau đây không phải là danh sách đầy đủ và sẽ khác nhau tùy theo người dùng.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	myViewHiển thị bảng Phản chiếu không dây màn hình sang màn hình lớn hơn.
	Trình quản lý myViewBoard Quản lý từ xa nhiều cài đặt thiết bị ViewSonic.
	myViewBoard Whiteboard Một ứng dụng bảng trắng kỹ thuật số.
	Cài đặt Truy cập cài đặt hệ thống.
	vCast Làm việc với phần mềm ViewBoard Cast, nhận màn hình máy tính xách tay vCastSender (Windows / Mac / Chrome) và màn hình của người dùng di động (iOS / Android), ảnh, video, chú thích và (các) máy ảnh.

Công cụ

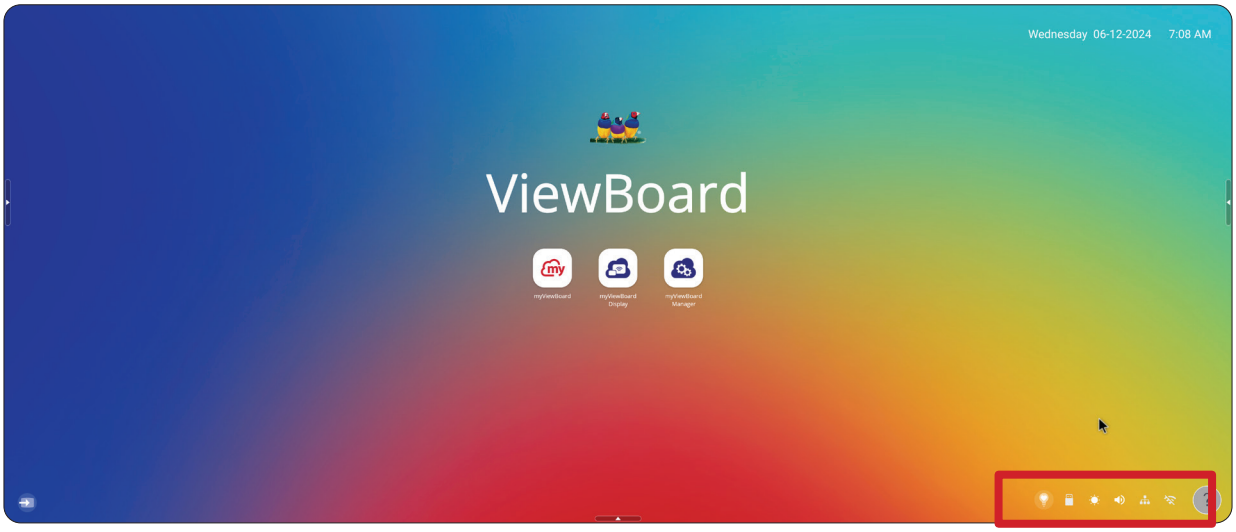


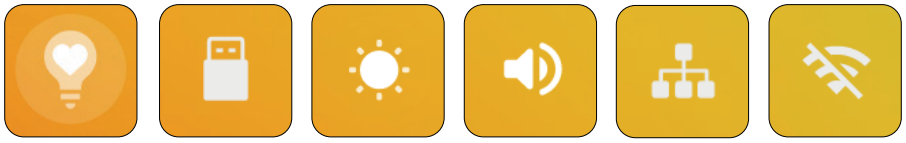
Bạn có thể truy cập các công cụ khác nhau từ Thanh công cụ, trực tiếp từ Màn hình chính thông qua các phím tắt hoặc bằng cách chọn **Công cụ** biểu tượng ( ) .

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Máy ướp lạnh Chuyển đổi nội dung hiện được hiển thị thành ảnh tĩnh; Sau đó, bạn có thể phóng to, thu nhỏ, quay lại toàn màn hình và thoát.
	Spotlight Đánh dấu vùng nội dung tiêu điểm. Nhấn vào biểu tượng cài đặt để điều chỉnh kích thước đèn chiếu và hiệu ứng pha trộn alpha.
	Đồng hồ bấm giờ Nhấn vào Bắt đầu sẽ bắt đầu đồng hồ bấm giờ. Bất cứ lúc nào, đồng hồ bấm giờ có thể được tạm dừng, tiếp tục, tách hoặc đặt lại.
	Timer Đồng hồ đếm ngược với cài đặt báo thức tùy chọn. Chạm và vuốt để điều chỉnh các giá trị số, sau đó bấm vào Bắt đầu. Bất cứ lúc nào, đồng hồ đếm ngược có thể được tạm dừng, tiếp tục hoặc đặt lại.
	Ảnh chụp màn hình Chụp ảnh màn hình hiện tại.
	Marker Chú thích lớp phủ của bất kỳ nguồn đầu vào nào bằng bút hoặc bút vẽ.
	Tủ khóa màn hình Khóa màn hình màn hình để tăng cường bảo mật.

Thanh điều khiển

Các cài đặt và công cụ thường được sử dụng có thể được truy cập nhanh chóng thông qua Thanh điều khiển.



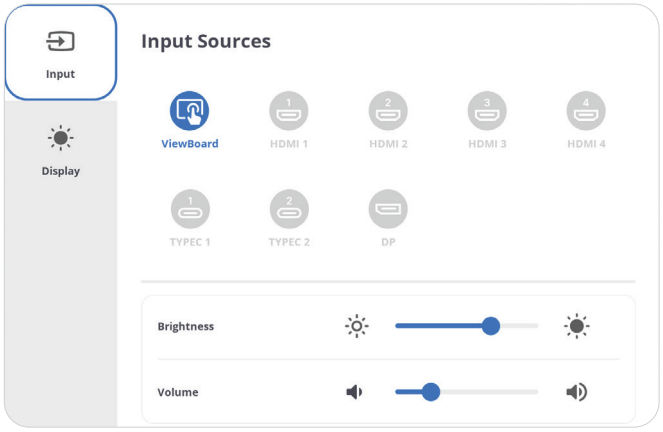


Biểu tượng thanh điều khiển

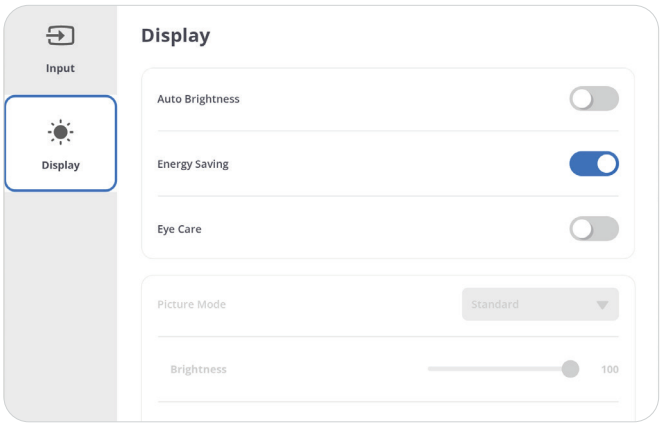
Biểu tượng	Sự miêu tả
Hướng dẫn trực tuyến	Tìm hiểu những điều cơ bản về ViewBoard trực tuyến bằng cách quét mã QR xuất hiện sau khi nhấn vào biểu tượng.
USB	Nếu thiết bị lưu trữ USB được kết nối, biểu tượng USB sẽ hiển thị. Nhấn vào biểu tượng sẽ mở thư mục của thiết bị lưu trữ USB.
Độ sáng	Điều chỉnh mức độ sáng của màn hình.
Âm thanh	Điều chỉnh mức âm lượng của màn hình.
Ethernet	Phím tắt đến cài đặt Network & Internet Ethernet. Bật hoặc tắt kết nối Ethernet.
Không dây	Phím tắt đến cài đặt Wi-Fi Mạng & Internet. Bật hoặc tắt Wi-Fi và kết nối với mạng không dây.

Menu Hiển thị trên màn hình (OSD) - Cài đặt chung

Truy cập **Nguồn đầu vào**, **Trưng bày**và các cài đặt chung khác thông qua Menu OSD.



Menu nguồn đầu vào

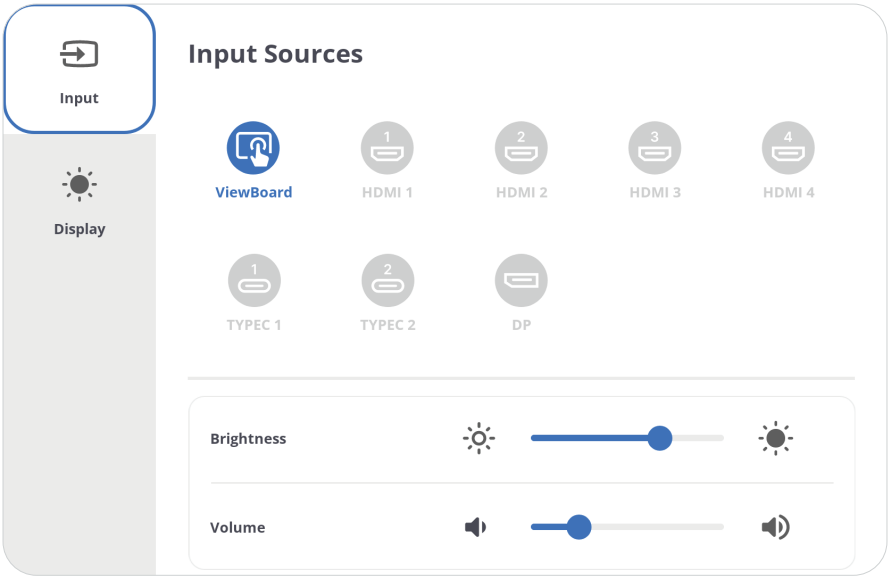


Menu hiển thị

Mở Menu OSD bằng cách nhấn **NHẬP** trên điều khiển từ xa, chạm vào **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Màn hình chính hoặc **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Thanh công cụ.



Nguồn đầu vào

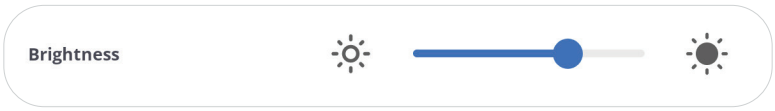


Để chọn nguồn đầu vào:

1. Báo chí **NHẬP** trên điều khiển từ xa, chạm vào **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Màn hình chính hoặc **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Thanh công cụ để hiển thị menu Nguồn đầu vào.
2. Báo chí ▼/▲/◀/▶ trên điều khiển từ xa để chọn nguồn đầu vào bạn muốn.

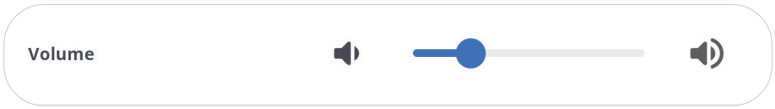
   LƯU Ý: Nguồn PC sẽ chỉ hiển thị khi máy tính có khe cắm được cài đặt.
3. Báo chí **VÀO** trên điều khiển từ xa hoặc chạm vào nguồn đầu vào.
4. Báo chí **LƯNG** trên điều khiển từ xa hoặc chạm vào vùng trống bên ngoài menu để thoát.

Để điều chỉnh độ sáng:



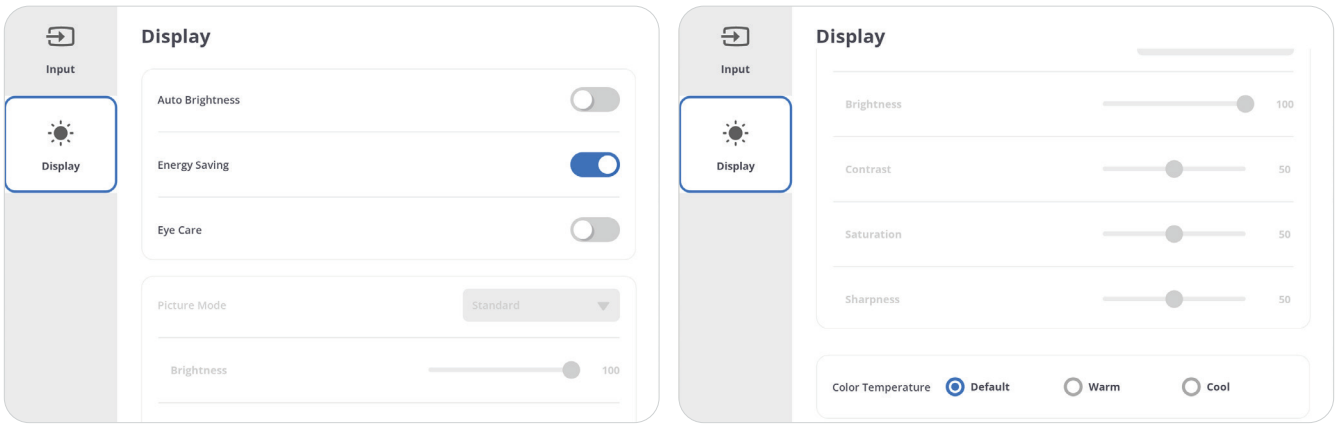
1. Báo chí **NHẬP** trên điều khiển từ xa, chạm vào **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Màn hình chính hoặc **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Thanh công cụ để hiển thị menu Nguồn đầu vào.
2. Chạm và kéo trực tiếp thanh trượt độ sáng để điều chỉnh giá trị đèn nền.
3. Báo chí **LƯNG** trên điều khiển từ xa hoặc chạm vào vùng trống bên ngoài menu để thoát.

Để điều chỉnh âm lượng:



1. Báo chí **NHẬP** trên điều khiển từ xa, chạm vào **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Màn hình chính hoặc **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Thanh công cụ để hiển thị menu Nguồn đầu vào.
2. Chạm và kéo thanh trượt âm lượng trực tiếp để điều chỉnh giá trị hoặc nhấn **ÂM LƯỢNG +/VOL-** trên điều khiển từ xa để điều chỉnh. Ngoài ra, nhấn **Câm** ( ) trên điều khiển từ xa sẽ tắt tiếng / bật tiếng âm lượng.
3. Báo chí **LƯNG** trên điều khiển từ xa hoặc chạm vào vùng trống bên ngoài menu để thoát.
4.

Trưng bày



Để điều chỉnh cài đặt hiển thị:

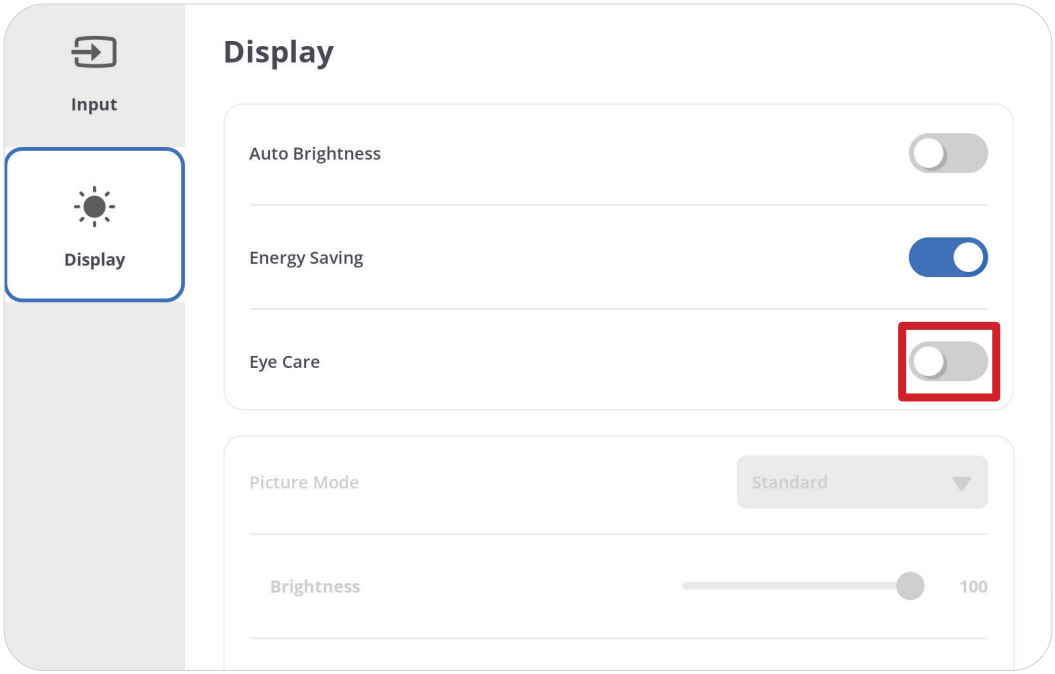
1. Báo chí **NHẬP** trên điều khiển từ xa, chạm vào **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Màn hình chính hoặc **Nguồn đầu vào** biểu tượng ( ) trên Thanh công cụ để hiển thị menu Nguồn đầu vào. Sau đó chọn **Trưng bày** Tab.
2. Báo chí ▼/▲/◀/▶ trên điều khiển từ xa để chọn tùy chọn menu bạn muốn.
3. Báo chí **VÀO** trên điều khiển từ xa để xác nhận hoặc nhấn ◀/▶ để điều chỉnh tùy chọn menu. Ngoài ra, chạm / điều chỉnh trực tiếp tùy chọn menu.
4. Báo chí **LƯNG** trên điều khiển từ xa hoặc chạm vào vùng trống bên ngoài menu để thoát.

Tùy chọn menu hiển thị

<table>
<tr><th>Khoản</th><th>Sự miêu tả</th></tr>
<tr><td>Độ sáng tự động</td><td>Điều chỉnh độ sáng tự động. Điều chỉnh độ sáng tối đa theo mức ánh sáng xung quanh.</td></tr>
<tr><td>Tiết kiệm năng lượng</td><td>Cho phép giảm tiêu thụ điện năng.</td></tr>
<tr><td>Chăm sóc mắt</td><td>Điều chỉnh bộ lọc chặn ánh sáng xanh năng lượng cao để có trải nghiệm xem thoải mái hơn.</td></tr>
<tr><td>Chế độ hình ảnh</td><td>Chọn cài đặt hình ảnh được xác định trước.
<table>
<tr><th>Chế độ</th><th>Sự miêu tả</th></tr>
<tr><td>Chuẩn</td><td>Chế độ hình ảnh mặc định.</td></tr>
<tr><td>Sáng</td><td>Tối đa hóa độ sáng của màn hình. Chế độ này phù hợp với môi trường yêu cầu độ sáng cực cao (ví dụ: phòng đủ ánh sáng).</td></tr>
<tr><td>Mềm</td><td>Mức độ sáng cao với mức độ tương phản thấp hơn.</td></tr>
<tr><td>Phong tục</td><td>Tùy chỉnh cài đặt hình ảnh.</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>Độ sáng</td><td>Điều chỉnh mức độ đen nền của hình ảnh màn hình. Giá trị càng cao thì hình ảnh càng sáng. Giá trị thấp hơn sẽ dẫn đến hình ảnh tối hơn.</td></tr>
<tr><td>Độ tương phản</td><td>Điều chỉnh sự khác biệt giữa nền ảnh (mức đen) và tiền cảnh (mức trắng). Sử dụng tùy chọn này để đặt mức trắng đỉnh sau khi bạn đã điều chỉnh trước đó Độ sáng cài đặt để phù hợp với đầu vào và viewmôi trường đã chọn.</td></tr>
<tr><td>Bão hòa</td><td>Lượng màu trong một bức tranh. Cài đặt thấp hơn tạo ra màu sắc ít bão hòa hơn; Trên thực tế, cài đặt "0" sẽ loại bỏ hoàn toàn màu đó khỏi hình ảnh. Tuy nhiên, nếu độ bão hòa quá cao, màu đó sẽ quá mạnh và không thực tế.</td></tr>
<tr><td>Nét</td><td>Giá trị cao dẫn đến hình ảnh sắc nét hơn; Giá trị thấp làm dịu bức tranh.</td></tr>
<tr><td>Nhiệt độ màu</td><td>Điều chỉnh giá trị nhiệt độ màu.</td></tr>
</table>

Bộ lọc ánh sáng xanh thấp và sức khỏe mắt

Bộ lọc ánh sáng xanh chặn ánh sáng xanh năng lượng cao để có trải nghiệm xem thoải mái hơn.



Tính toán thời gian nghỉ

Khi viewmàn hình trong thời gian dài, bạn nên nghỉ ngơi định kỳ view. Nên nghỉ ngơi ngắn ít nhất 10 phút sau một (1) giờ xem liên tục.

Nghỉ giải lao ngắn hơn, thường xuyên hơn thường có lợi hơn so với nghỉ giải lao dài hơn, ít thường xuyên hơn.

Mệt mỏi tập trung (Quy tắc 20-20-20)

Để giảm nguy cơ mỏi mắt bằng cách liên tục nhìn vào màn hình, hãy nhìn ra khỏi màn hình ít nhất 20 phút một lần và nhìn chằm chằm vào một vật thể ở xa (cách xa ít nhất 20 feet) trong ít nhất 20 giây.

Nhìn vào các vật thể ở xa

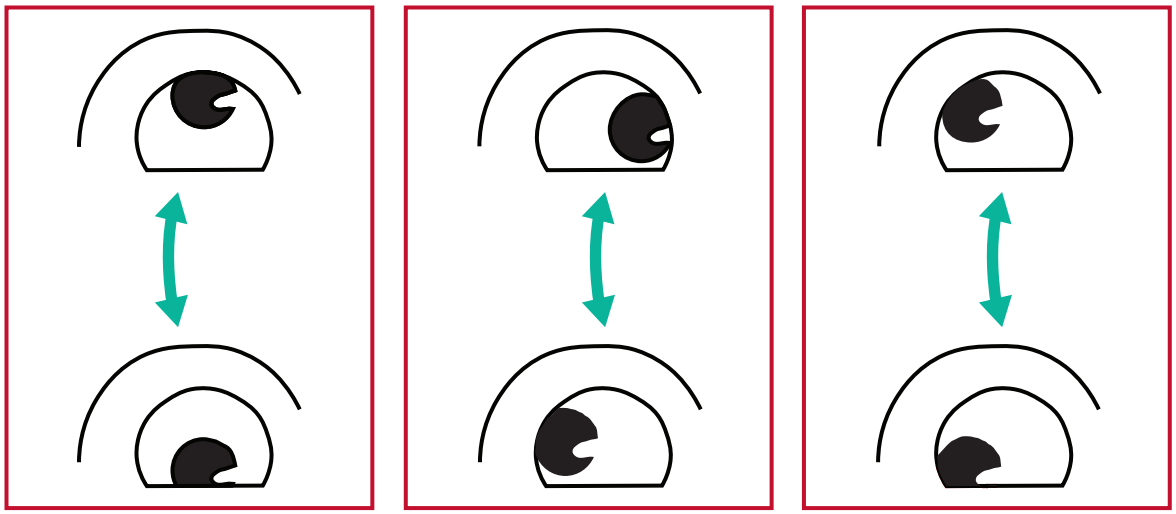
Trong khi nghỉ giải lao, người dùng có thể giảm mỏi mắt và khô mắt hơn nữa bằng cách tập trung vào các vật thể ở xa họ trong 10-15 giây, sau đó nhìn vào thứ gì đó ở gần trong 10-15 giây. Lặp lại điều này tối đa 10 lần. Bài tập này làm giảm nguy cơ khả năng tập trung của mắt bạn bị “khóa” sau khi làm việc trên máy tính trong thời gian dài.

Bài tập mắt và cổ

Bài tập mắt

Các bài tập mắt có thể giúp giảm thiểu mỏi mắt. Từ từ đảo mắt sang trái, phải, lên và xuống. Lặp lại bao nhiêu lần nếu cần.

Bài tập cho mắt



(1) Giữ cho cơ thể và đầu thẳng đứng. Di chuyển mắt lên để nhìn lên trần nhà, sau đó quay xuống để nhìn xuống sàn.

(2) Di chuyển mắt le và phải từ từ để nhìn vào các vật thể ở hai bên.

(3) Di chuyển mắt để nhìn vào các vật thể ở direcon trên bên phải và sau đó là direcon dưới bên phải. Lặp lại cho le trên và le dưới direcons.

Bài tập cổ

Các bài tập cổ cũng có thể giúp giảm thiểu mỏi mắt. Thư giãn cánh tay của bạn và để chúng treo ở hai bên, hơi cúi người về phía trước để kéo căng cổ, quay đầu sang phải và sang trái. Lặp lại bao nhiêu lần nếu cần.

Cài đặt hệ thống

Khi màn hình đang ở nguồn đầu vào ViewBoard, nhấn **MENU** ( ) trên điều khiển từ xa hoặc chạm vào biểu tượng cài đặt ( ) để vào menu Cài đặt.

Network & internet (Mạng & Internet)

Kiểm tra trạng thái kết nối mạng hiện tại và thiết lập cũng như quản lý Wi-Fi, Ethernet, Wireless Hotspot, Bluetooth và VPN.



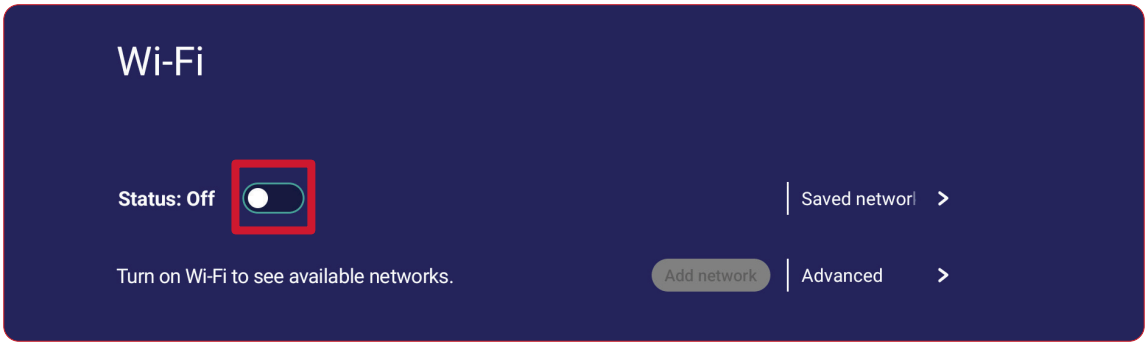
LƯU Ý:

- Ethernet sẽ tự động tắt khi Wi-Fi được bật. Wi-Fi sẽ tự động tắt khi Ethernet được bật. Wi-Fi sẽ bị tắt khi điểm phát sóng không dây được bật.
- Thiết bị không thể kết nối với Internet khi Hotspot không dây được bật.

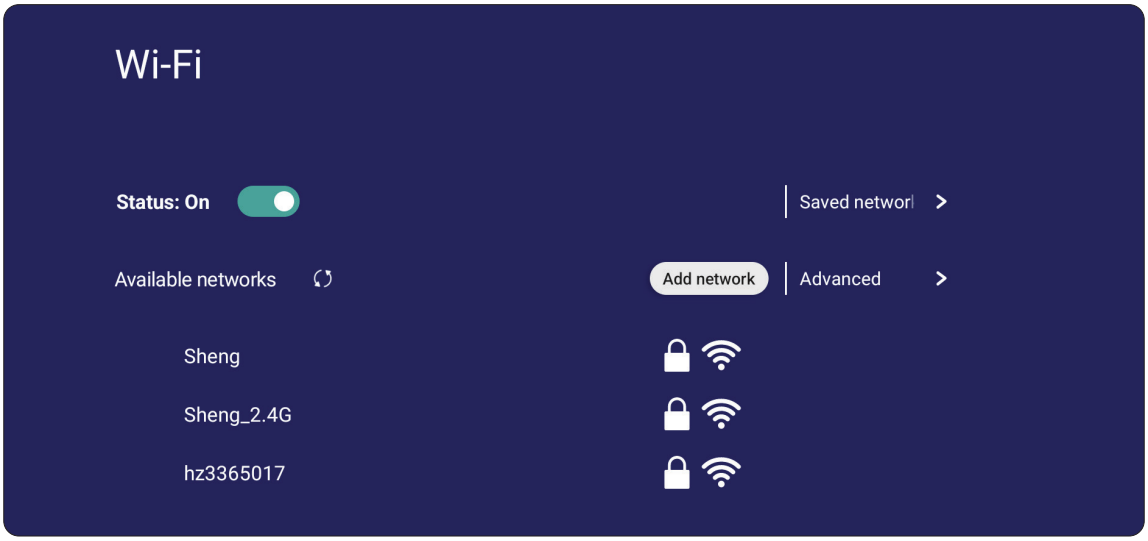
Wi-Fi

Thiết lập và quản lý các điểm truy cập không dây.

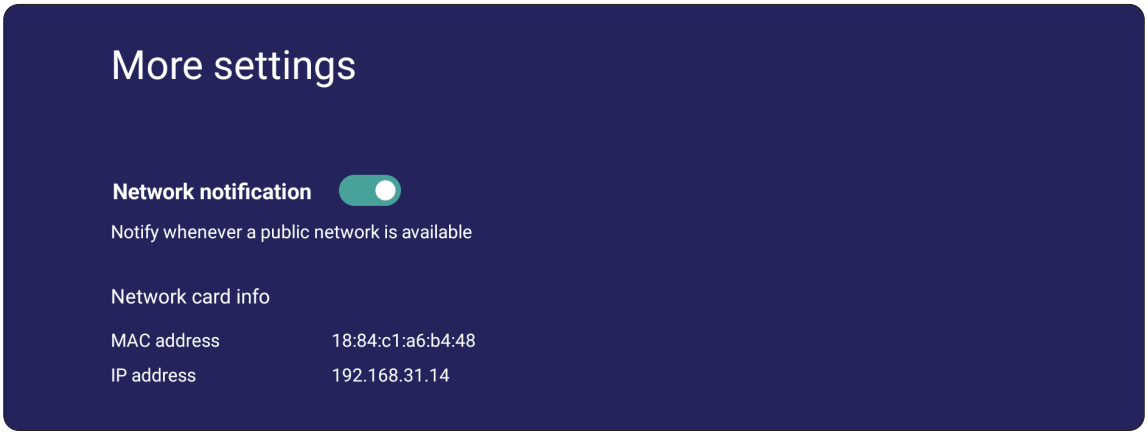
- Nhấn nút chuyển đổi để bật hoặc tắt Wi-Fi.



- Khi đã bật, bạn có thể: Thêm một Mạng, xem các Mạng đã Lưu, Làm mới danh sách mạng, hoặc xem Cài đặt Nâng cao.



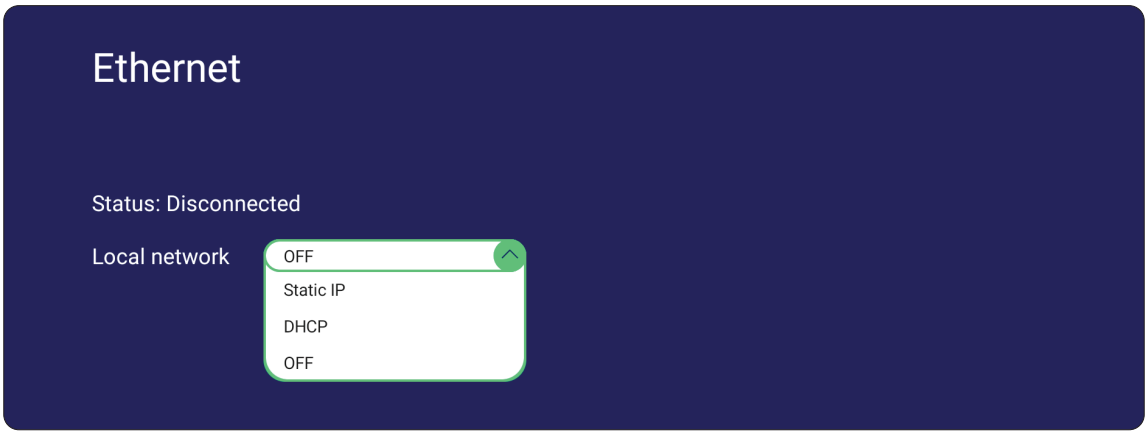
- Trong cài đặt nâng cao, bạn có thể bật hoặc tắt thông báo mạng và xem thông tin thẻ mạng.



Ethernet

Cài đặt mạng cục bộ và proxy.

- Nhấn vào menu thả xuống để kết nối/ngắt kết nối Ethernet.



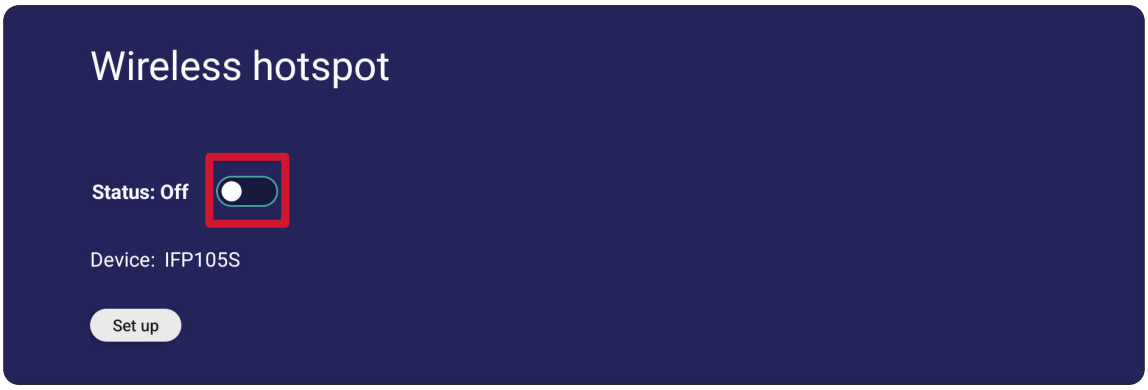
- Bạn cũng có thể điều chỉnh cài đặt Mạng cục bộ và Proxy.



Điểm phát sóng không dây

Chia sẻ và kết nối internet của bạn với các thiết bị khác.

- Nhấn nút chuyển đổi để bật hoặc tắt điểm phát sóng không dây.



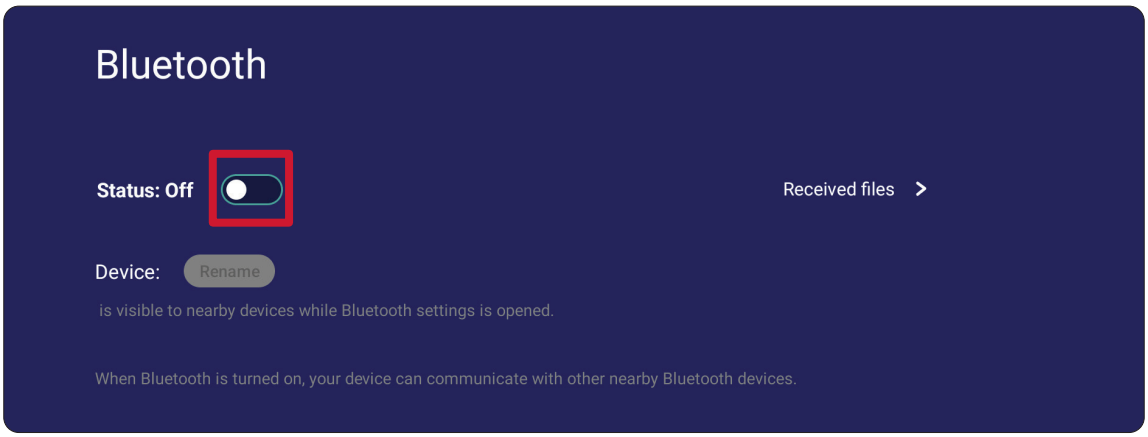
- Nhấn vào Cài đặt để thiết lập Tên mạng, Bảo mật và Mật khẩu.



Bluetooth

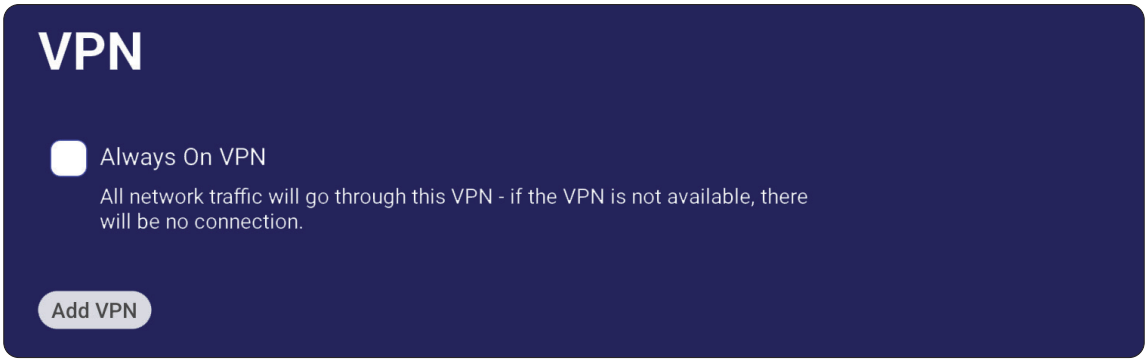
Quản lý kết nối Bluetooth, đặt tên thiết bị và khả năng phát hiện.

- Chạm vào công tắc để bật hoặc tắt Bluetooth. Khi đã bật, người dùng có thể chọn một thiết bị trong danh sách để ghép nối và kết nối, đổi tên thiết bị của họ, xóa một thiết bị hoặc nhận tệp.



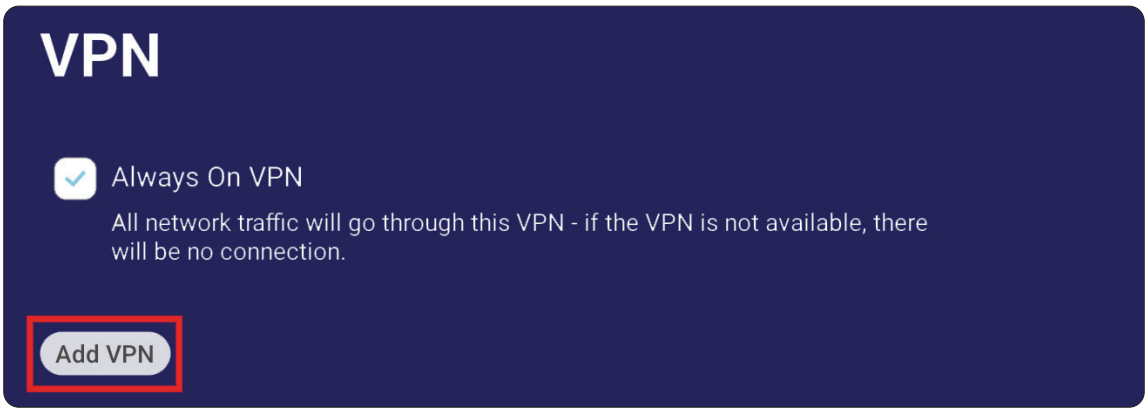
VPN

Thiết lập và quản lý Mạng Riêng Ảo.

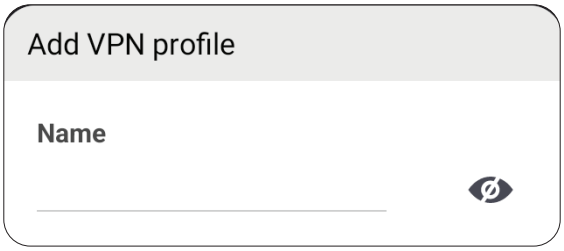


Để tạo một hồ sơ VPN:

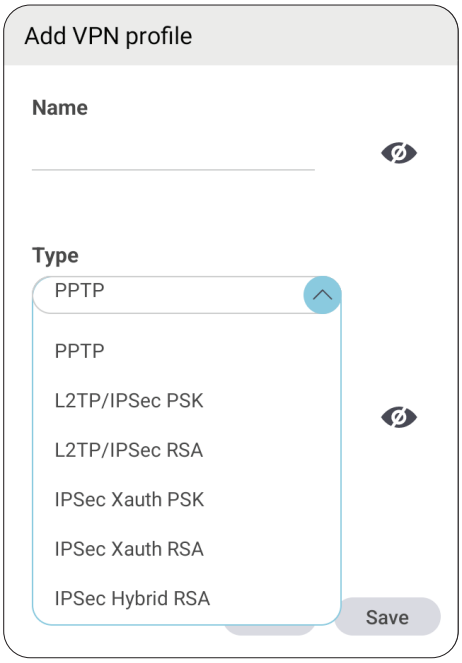
1. Đi đến: Cài đặt > Mạng & Internet > VPN và chạm Thêm VPN.



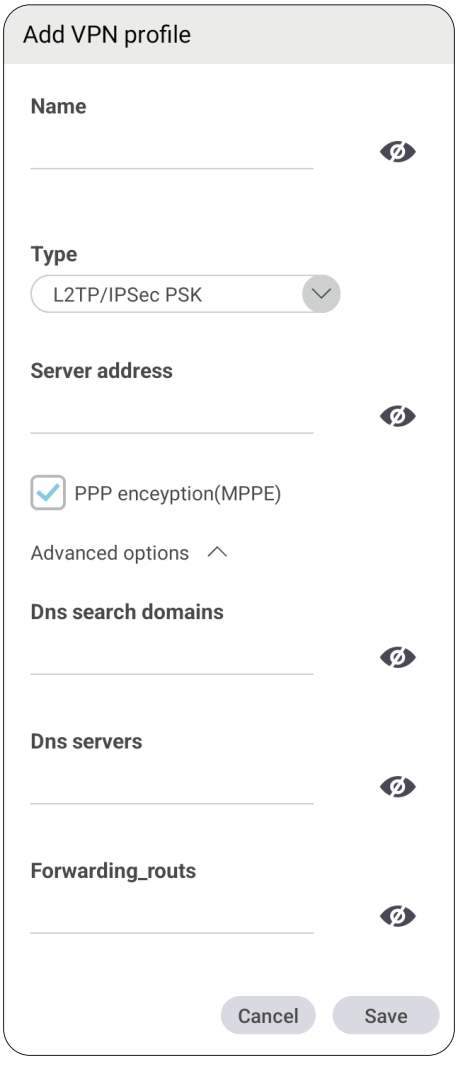
2. Nhập tên.



3. Chọn loại VPN.



4. Chọn để bật/tắt mã hóa PPP (MPPE) và/hoặc hiển thị Tùy chọn Nâng cao.



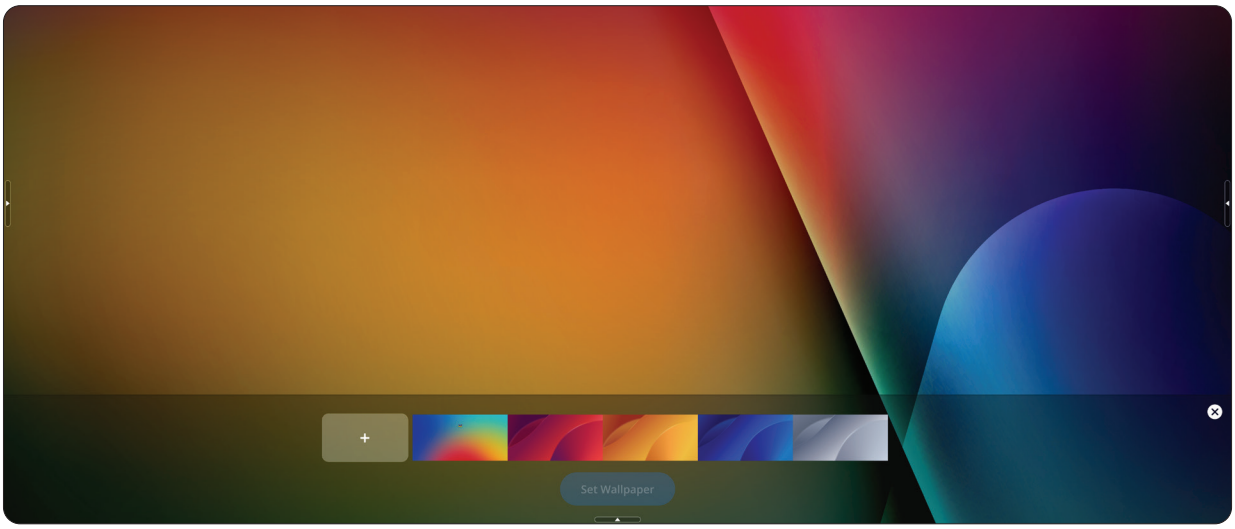
Display (Höôùng)

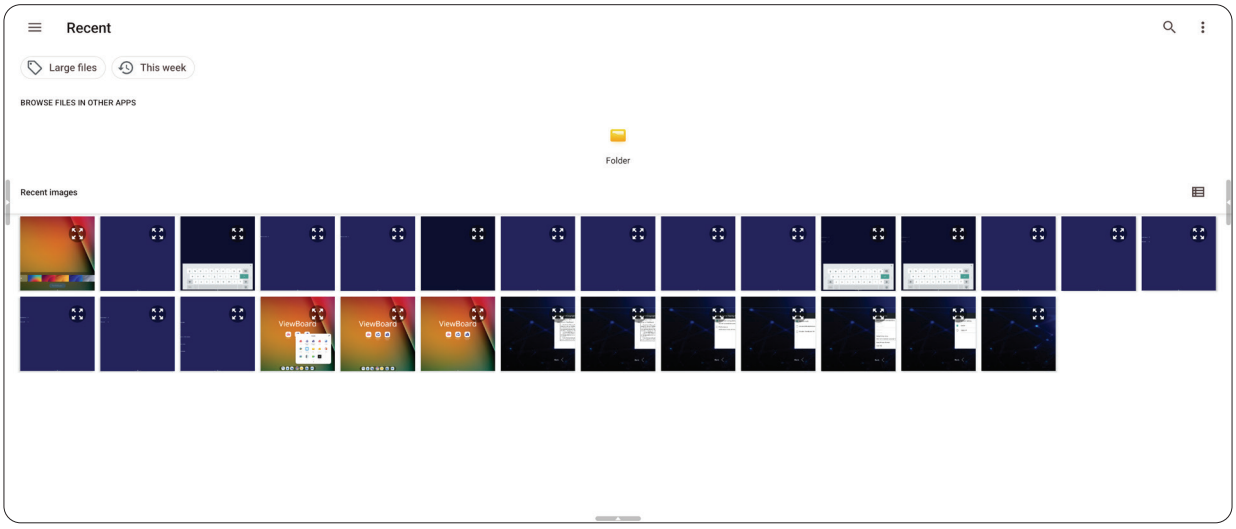
Điều chỉnh cài đặt Hình nền, Bảo vệ và HDMI Out.



Hình nền

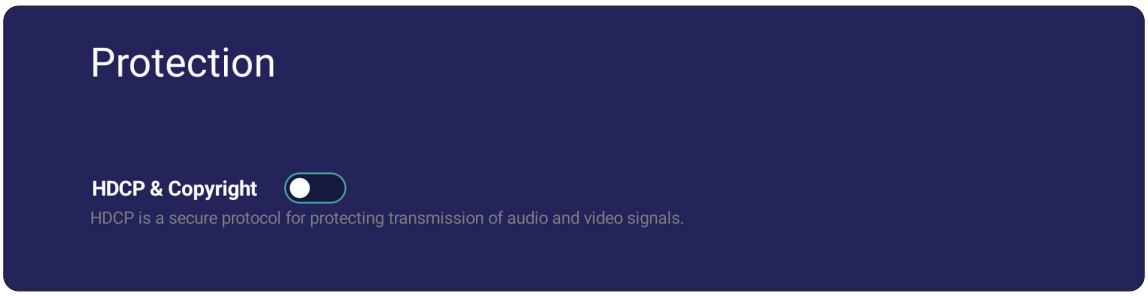
Người dùng có thể thay đổi hình nền của họ bằng cách sử dụng hình ảnh mặc định, hoặc sử dụng hình ảnh của riêng họ bằng cách chạm vào biểu tượng thêm (+) và chọn tệp hình ảnh.





Bảo vệ

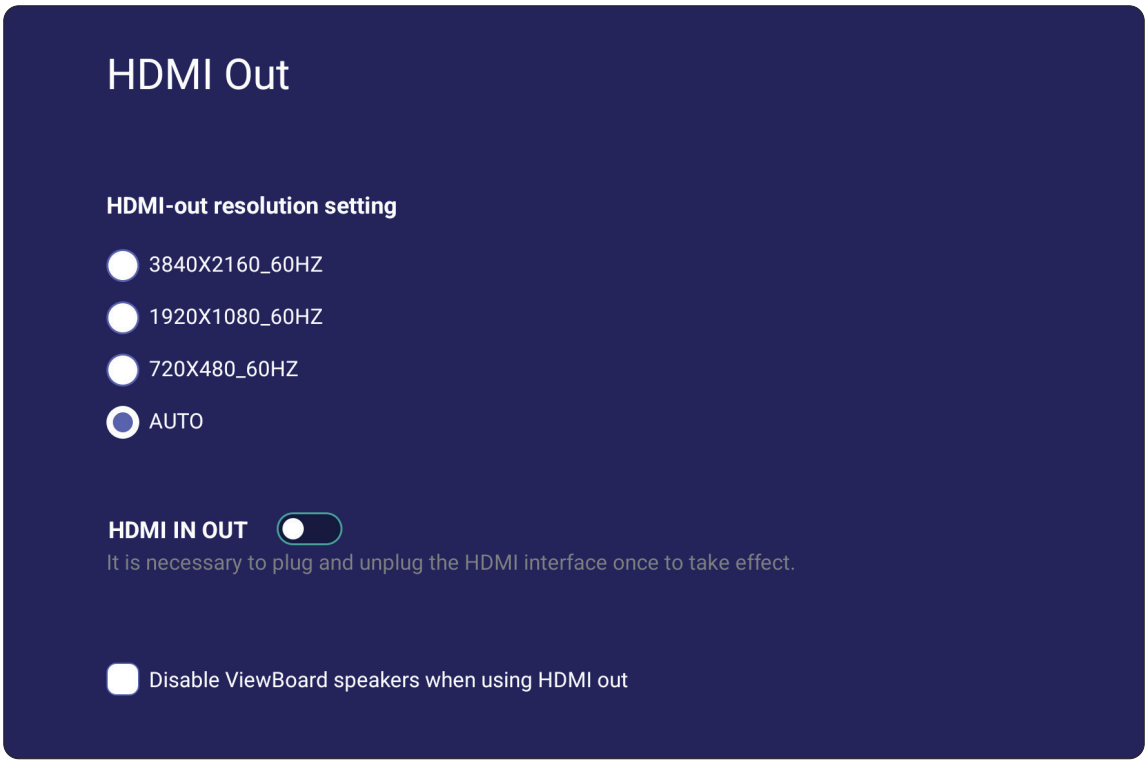
Bật hoặc tắt HDCP & Bản quyền.



Cổng ra HDMI

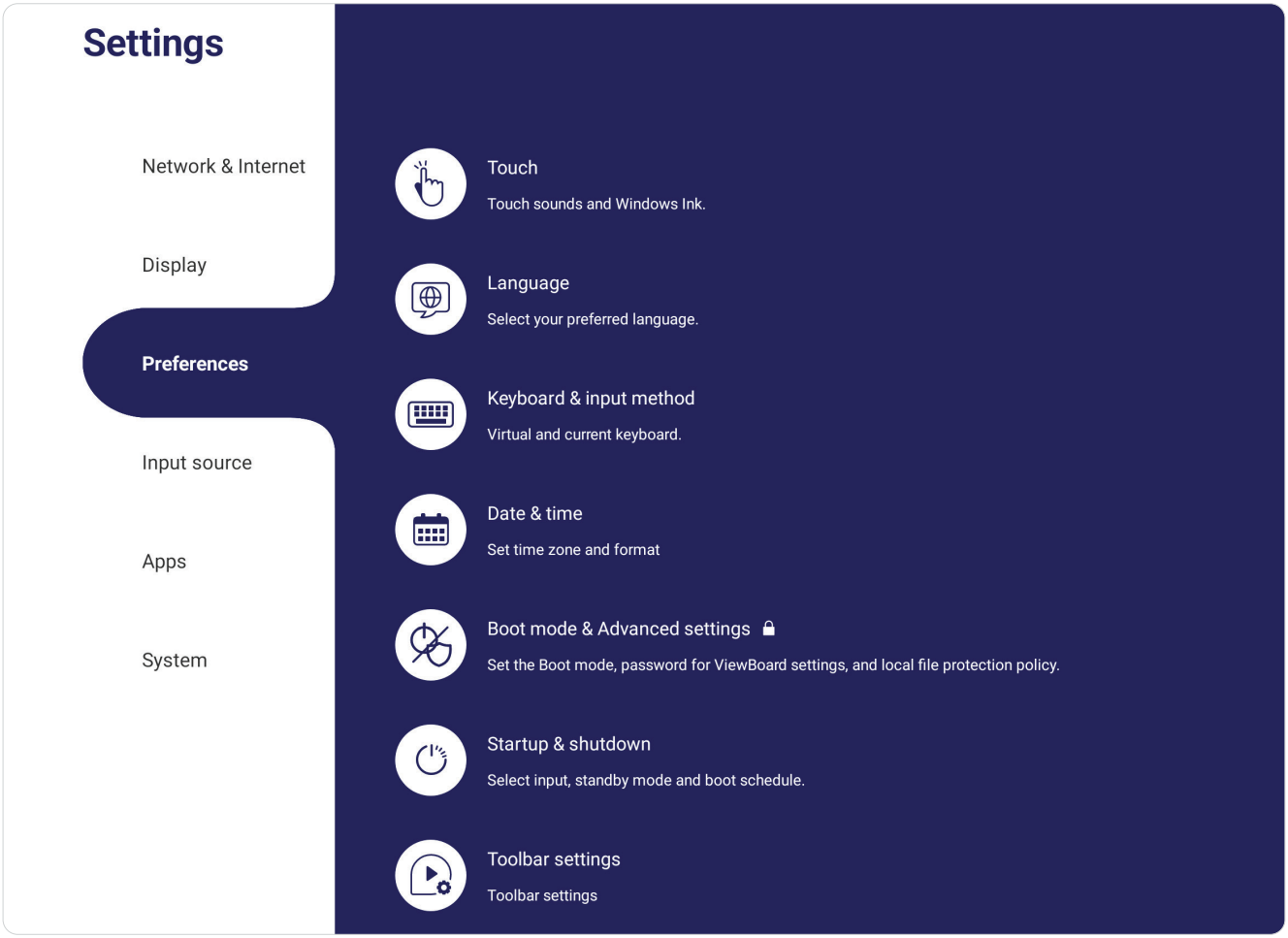
Điều chỉnh cài đặt độ phân giải HDMI Out, bật đầu ra video và tắt/mở tiếng loa hiển thị khi kết nối qua HDMI Out.

LƯU Ý: Hộp tùy chọn tắt loa ViewBoard không được chọn theo mặc định.



Sở thích

Xem và điều chỉnh Cảm ứng, Ngôn ngữ, Bàn phím & Nhập liệu, Ngày & Giờ, Chế độ khởi động & Nâng cao, Khởi động & Tắt máy, Thanh công cụ, Chế độ đa cửa sổ, và cài đặt Âm thanh.



Chạm

Điều chỉnh Cài đặt Chạm và bật/tắt Âm thanh Chạm và Windows Ink.



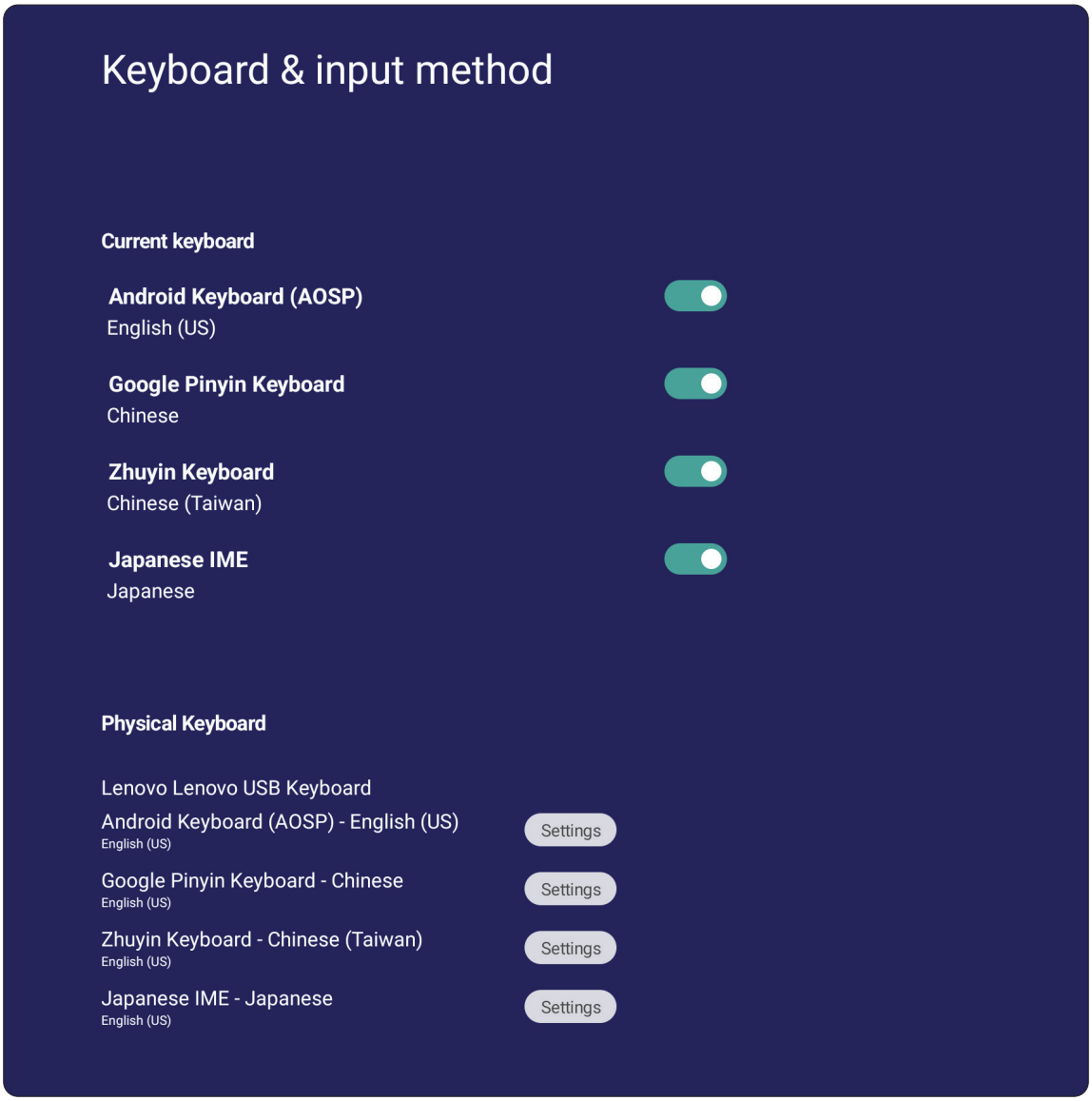
Ngôn ngữ

Điều chỉnh và chọn ngôn ngữ ưa thích từ các ngôn ngữ có sẵn.



Bàn phím & Phương thức nhập

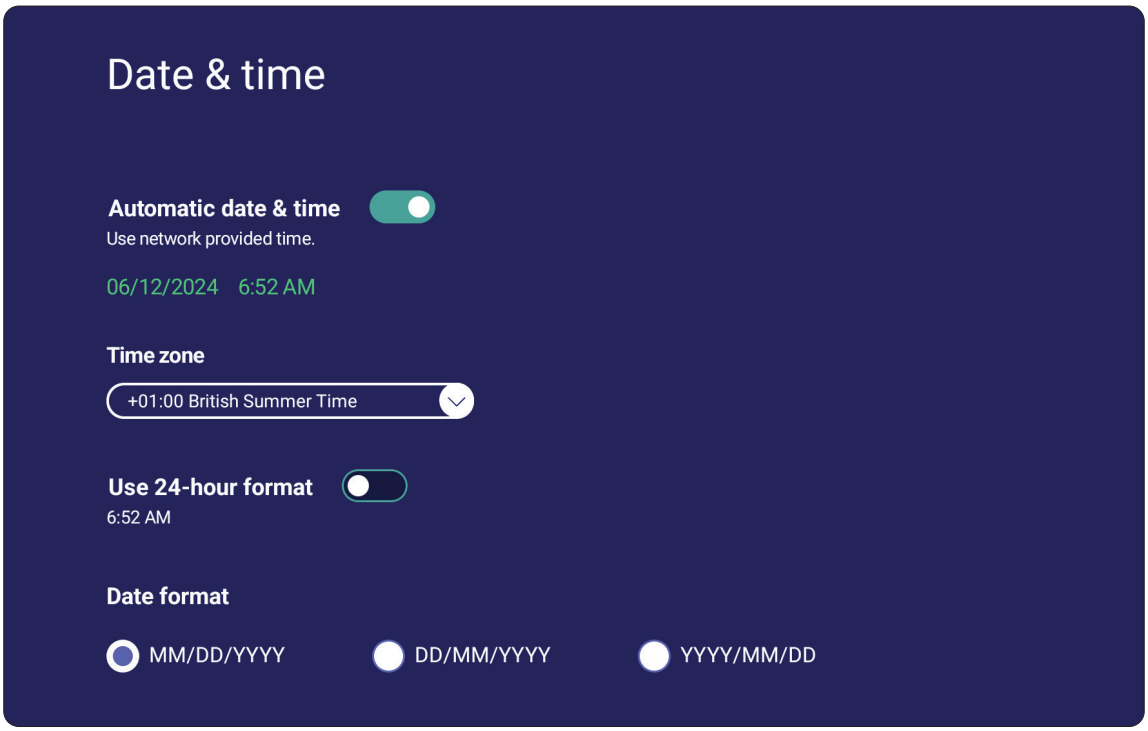
Bật/tắt bàn phím hình ảnh và/hoặc thay đổi phương thức nhập mặc định. Nhấn vào Cài đặt để điều chỉnh các cài đặt bàn phím nâng cao.



LƯU Ý: Khi một bàn phím USB bên ngoài được kết nối, menu sẽ hiển thị tùy chọn cài đặt bàn phím vật lý.

Ngày & Giờ

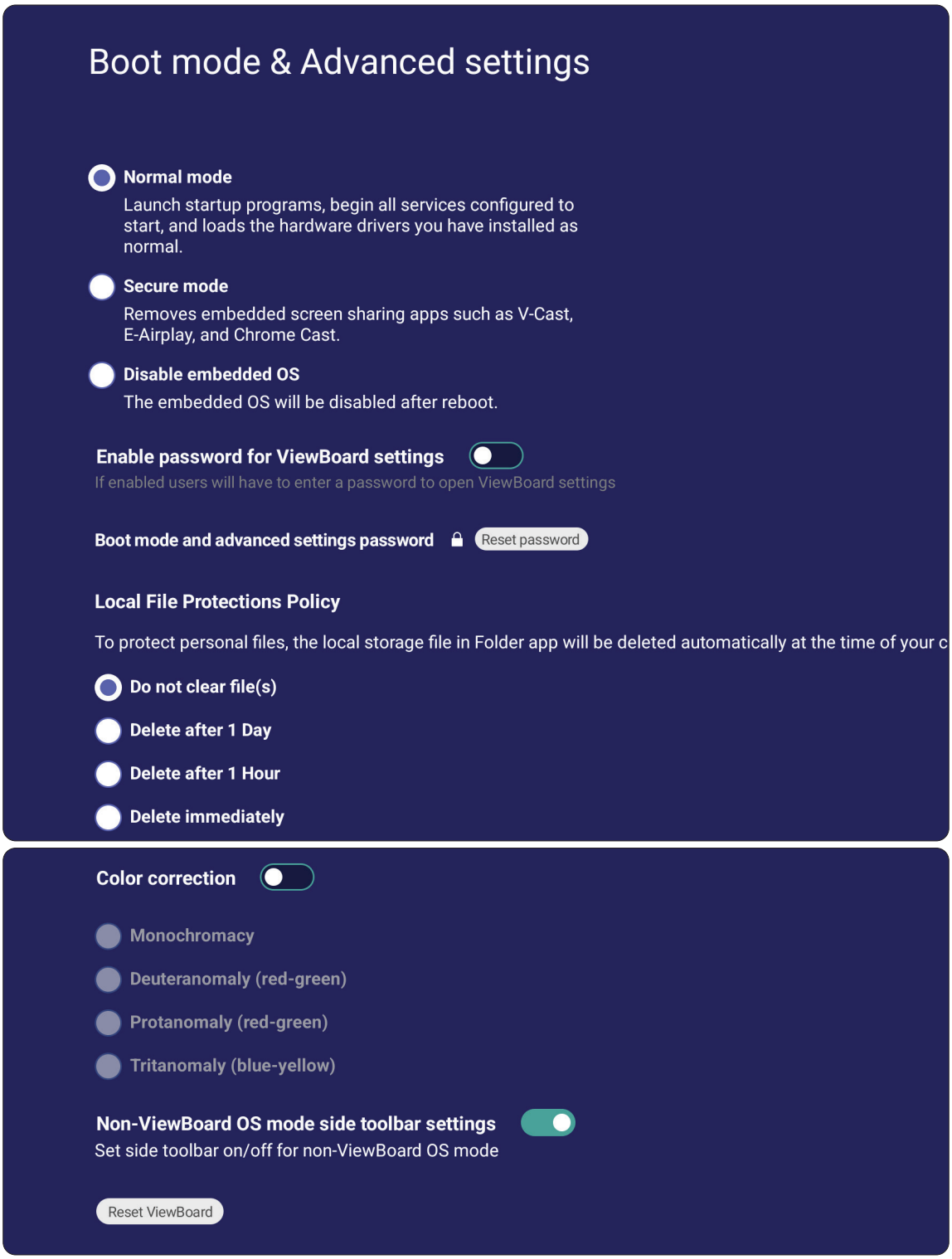
Đặt thời gian và định dạng hệ thống.



Mục	Mô tả
Ngày & Giờ Tự Động	Khi được kích hoạt, ViewBoard sẽ tự động đồng bộ hóa ngày và giờ qua Internet.
Time Zone (Múi giờ)	Chọn múi giờ phù hợp.
Định dạng thời gian	Chọn giữa định dạng thời gian 12 giờ hoặc 24 giờ. Chỉ cần bật/tắt định dạng 24 giờ.
Định dạng ngày	Chọn từ các định dạng ngày có sẵn.

Chế độ khởi động & Cài đặt nâng cao

Điều chỉnh chế độ khởi động ưa thích và đặt/đặt lại mật khẩu.

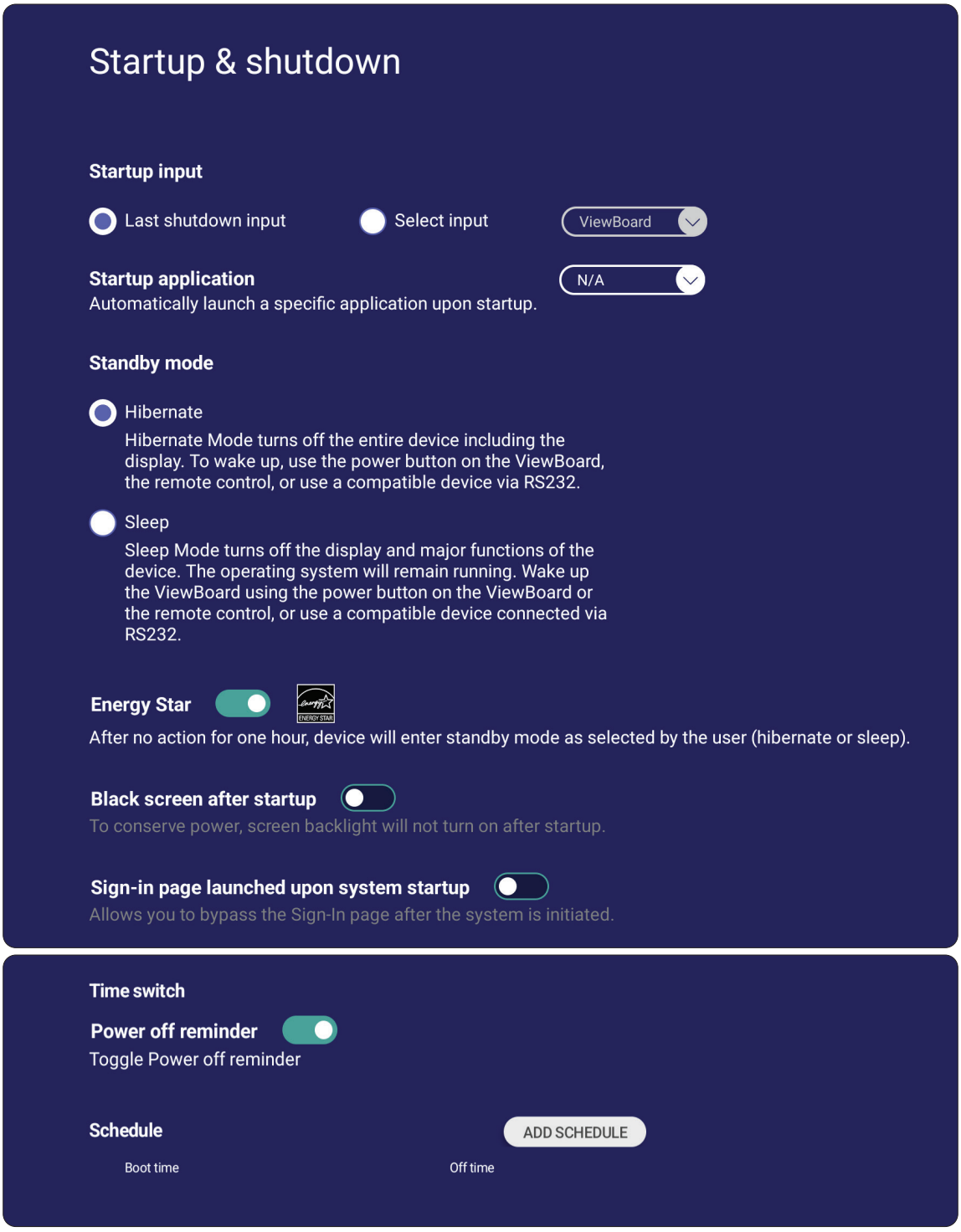


Mục	Mô tả
Chế độ bình thường	Các ứng dụng chia sẻ màn hình nhúng sẽ hoạt động bình thường.
Chế độ bảo mật	Các ứng dụng chia sẻ màn hình nhúng sẽ bị xóa.
Vô hiệu hóa Hệ điều hành nhúng	Hệ thống sẽ tự động khởi động lại, và sau đó Hệ điều hành nhúng sẽ không xuất hiện.

Mục	Mô tả
Mật khẩu truy cập cài đặt ViewBoard	Chuyển đổi để khóa/mở khóa Cài đặt ViewBoard.
Mật khẩu để bảo vệ	Thay đổi mật khẩu mục Chế độ khởi động và Cài đặt ViewBoard.
Chính sách bảo vệ tệp cục bộ	Chọn thời gian lưu trữ các tệp tin cục bộ trong ứng dụng Thư mục.
Chỉnh sửa màu sắc	Chỉnh sửa màu sắc màn hình hiển thị ViewBoard.
Đặt lại Bảng Hiển Thị	Đặt lại ViewBoard về cài đặt mặc định của nhà máy.

Khởi động & Tắt máy

Đặt đầu vào khởi động, chế độ chờ, chế độ EnergyStar, màn hình đen sau khi khởi động, hẹn giờ nhắc nhở tắt nguồn và cài đặt lịch trình.



Mục	Mô tả
Đầu vào khởi nghiệp	Điều chỉnh sở thích đầu vào khởi động.
Ứng dụng Khởi nghiệp	Tự động khởi động một ứng dụng khi khởi động.

Mục	Mô tả
Chế độ chờ	Quyết định những gì xảy ra khi bạn nhấn nút Nguồn trong khi ViewBoard đang Bật.
Năng lượng sao	Kích hoạt để tự động khởi động Chế độ Ngủ khi màn hình không hoạt động trong một giờ.
Màn hình đen sau khi khởi động	Khi được bật, ViewBoard sẽ tự động tắt đèn nền sau khi khởi động.
Trang đăng nhập được khởi động khi hệ thống khởi động	Chọn để bỏ qua trang Đăng nhập sau khi khởi động.
Tiến trình	Lên lịch thời gian khởi động và tắt.

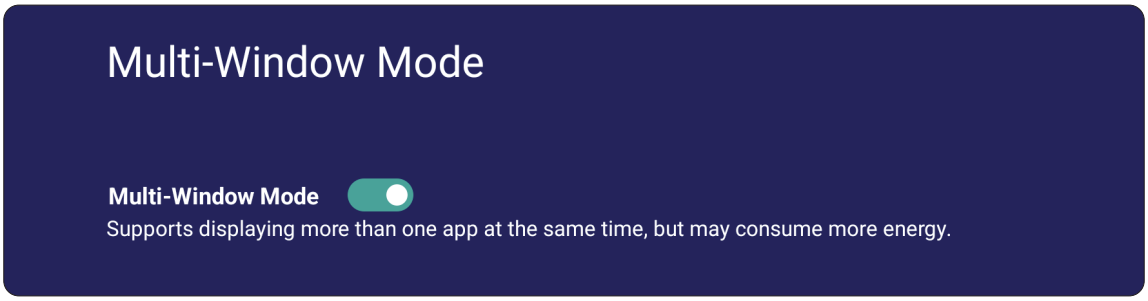
Cài đặt thanh công cụ

Điều chỉnh cài đặt thanh công cụ bên.



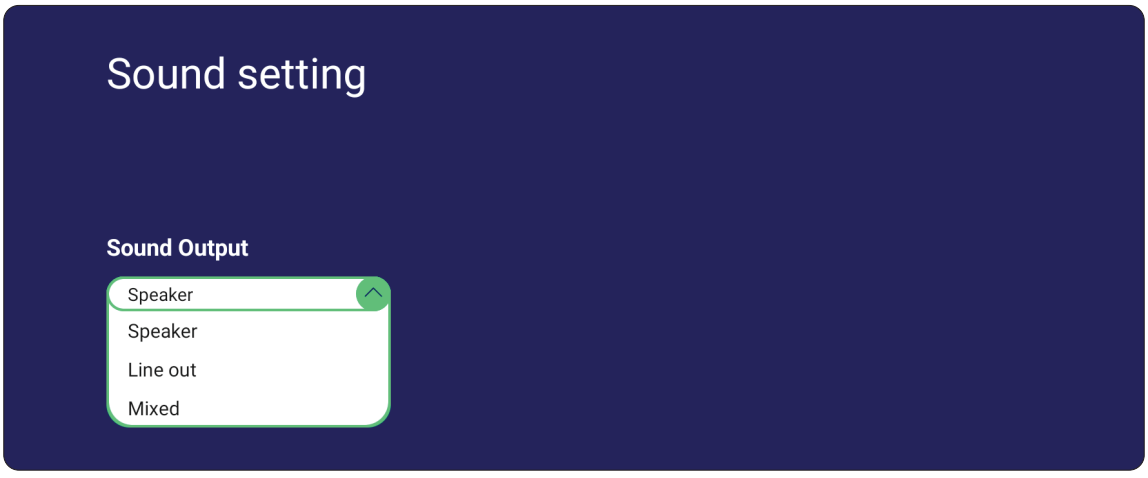
Chế độ đa cửa sổ

Hiển thị nhiều ứng dụng cùng một lúc trên màn hình khi được bật.



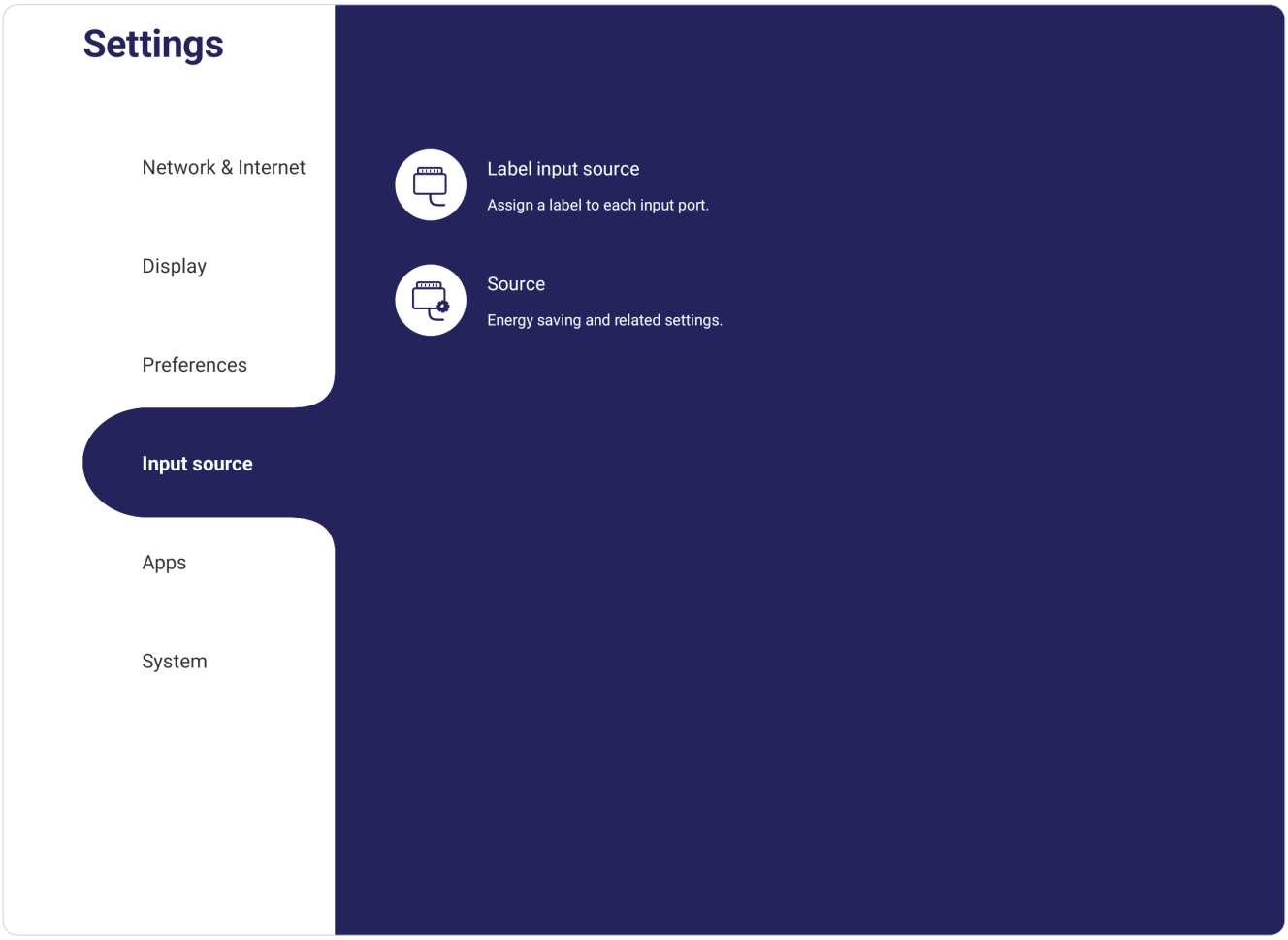
Cài đặt âm thanh

Điều chỉnh cài đặt âm thanh đầu ra khi chạm.



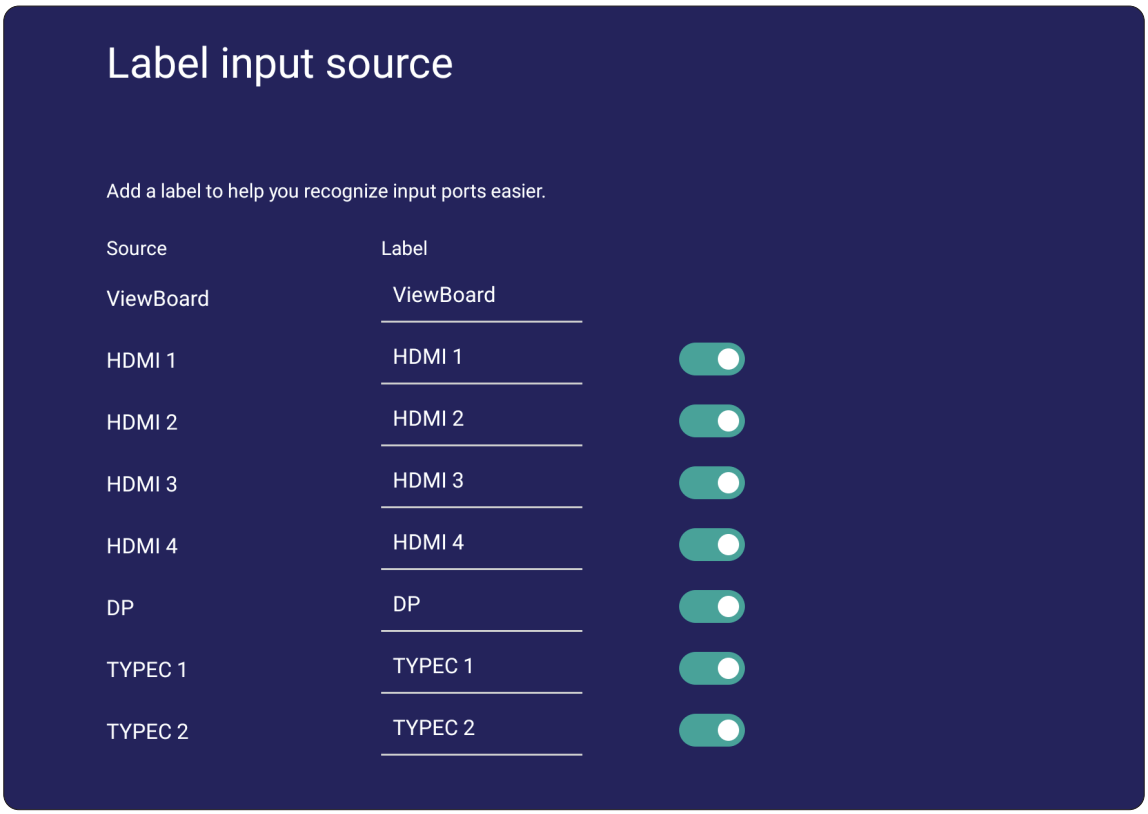
Nguồn đầu vào

Điều chỉnh tên nguồn đầu vào và cài đặt, cũng như cài đặt thanh công cụ bên.



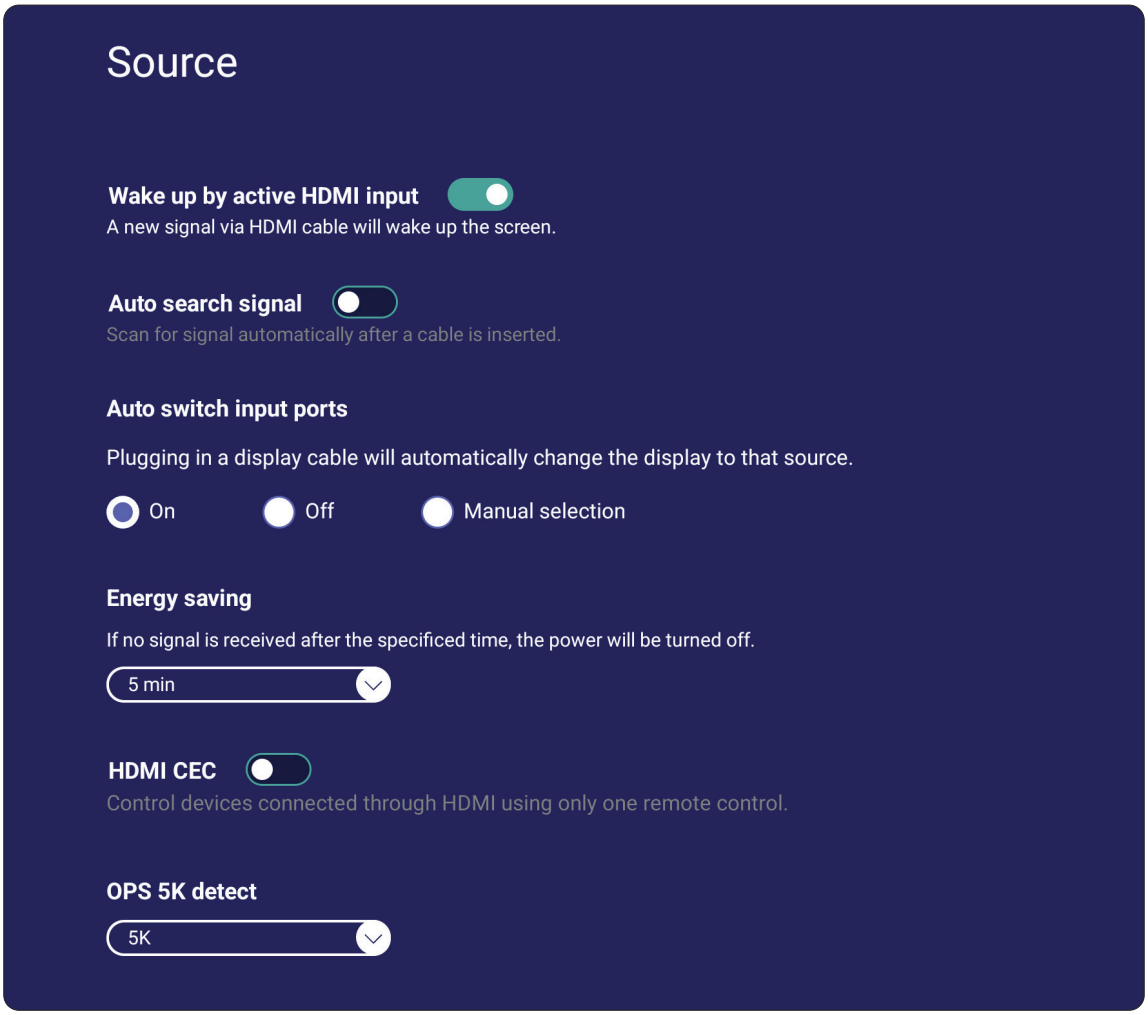
Nhãn Nhập Nguồn

Đặt nhãn cho mỗi nguồn đầu vào mà sẽ dễ dàng nhận biết khi hiển thị.



Nguồn tín hiệu

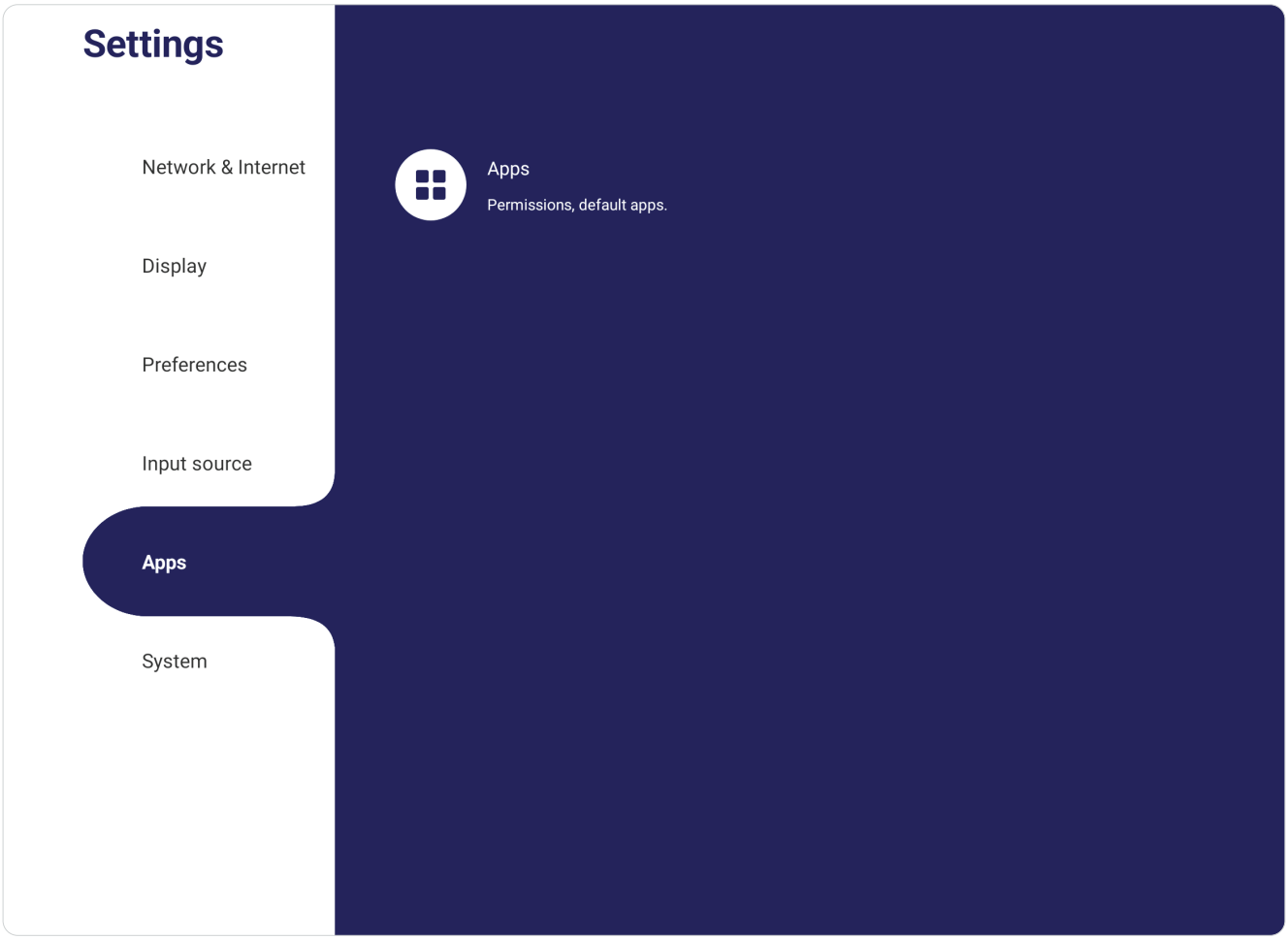
Chuyển đổi Wake up bằng đầu vào HDMI hoạt động, Tìm kiếm tự động tín hiệu, và HDMI CEC và chọn cổng đầu vào chuyển đổi tự động, Tiết kiệm năng lượng, và sở thích phát hiện OPS 5K.



Mục	Mô tả
Thức dậy bằng đầu vào HDMI hoạt động	Màn hình sẽ tự động bật lên sau khi cắm cáp HDMI khi màn hình tắt.
Tín hiệu tìm kiếm tự động	Khi được bật, nếu nguồn hiện tại không có tín hiệu, ViewBoard sẽ tự động tìm kiếm một nguồn đầu vào.
Tự động chuyển đổi cổng đầu vào	Tín hiệu gốc sẽ tự động chuyển sang cáp mới sau khi được cắm vào.
Tiết kiệm năng lượng	Đặt một khoảng thời gian để tắt nguồn nếu không phát hiện tín hiệu.
HDMI CEC	Bật/tắt chức năng HDMI CEC.
OPS 5K Phát hiện	Đặt độ phân giải hỗ trợ OPS. **LƯU Ý: Vui lòng xác nhận độ phân giải được hỗ trợ bởi OPS và chọn tùy chọn độ phân giải tương ứng, nếu không có thể xảy ra tình huống không thể hiển thị.**

Các ứng dụng

Người dùng có thể xem thông tin ứng dụng và buộc dừng, gỡ cài đặt, di chuyển đến bộ nhớ USB, xóa dữ liệu, xóa bộ nhớ cache và xóa mặc định.

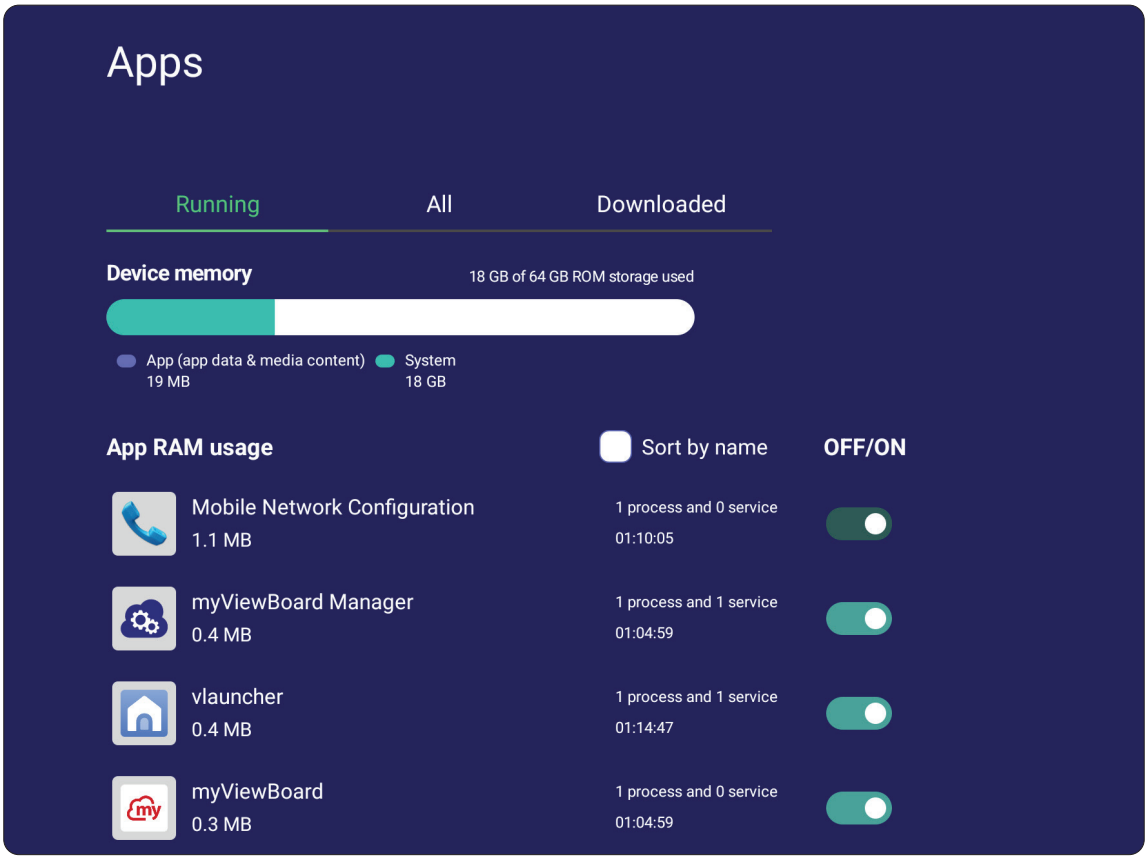


LƯU Ý:

- Các ứng dụng đã được tải trước không thể gỡ cài đặt.
- Không phải tất cả các ứng dụng đều hỗ trợ tính năng chuyển sang bộ nhớ USB.
- Không phải tất cả các ứng dụng đều hỗ trợ Xóa Mặc định.

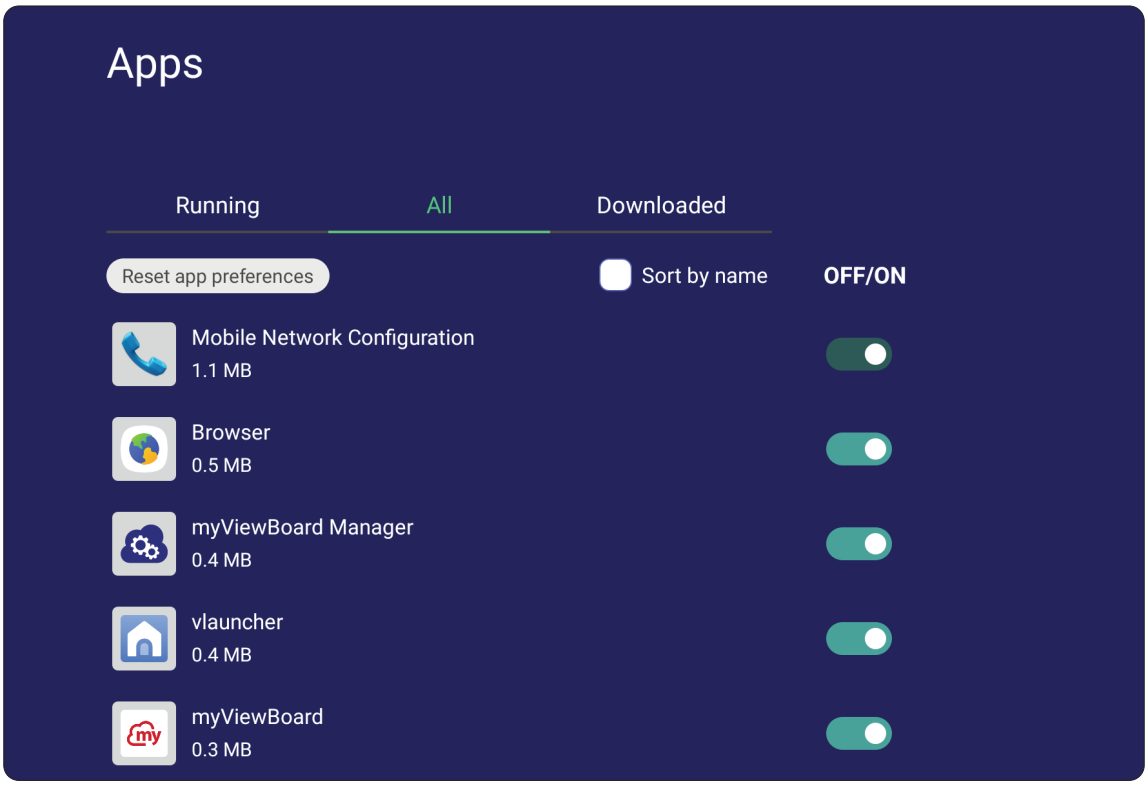
Các ứng dụng

Xem bất kỳ ứng dụng nào đang chạy hoặc đã cài đặt. Nhấn vào chúng để biết thêm thông tin chi tiết và các tùy chọn.



- Bằng cách chạm vào một ứng dụng đang chạy, bạn có thể xem thêm thông tin, dừng lại hoặc báo cáo ứng dụng.

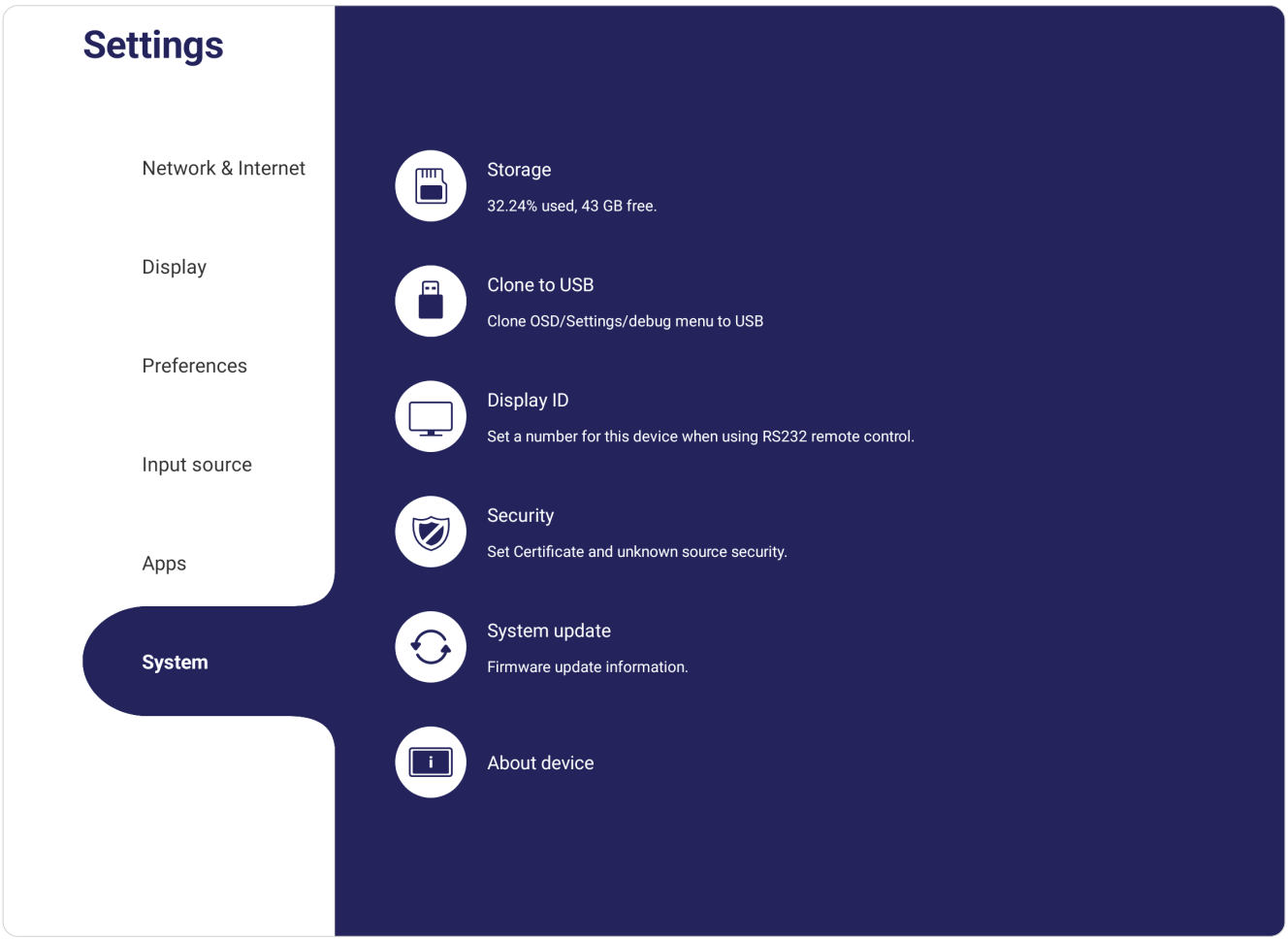
- Chọn Tất cả sẽ liệt kê tất cả các ứng dụng đã cài đặt.



- Nhấn vào bất kỳ ứng dụng nào sẽ hiển thị thêm thông tin và tùy chọn.
- Chọn Tải xuống sẽ liệt kê tất cả các ứng dụng đã cài đặt có thể gỡ cài đặt.

Hệ thống

Xem và điều chỉnh cài đặt Lưu trữ, Nhân bản sang USB, Hiển thị ID, Bảo mật, Cập nhật hệ thống và Thông tin thiết bị.



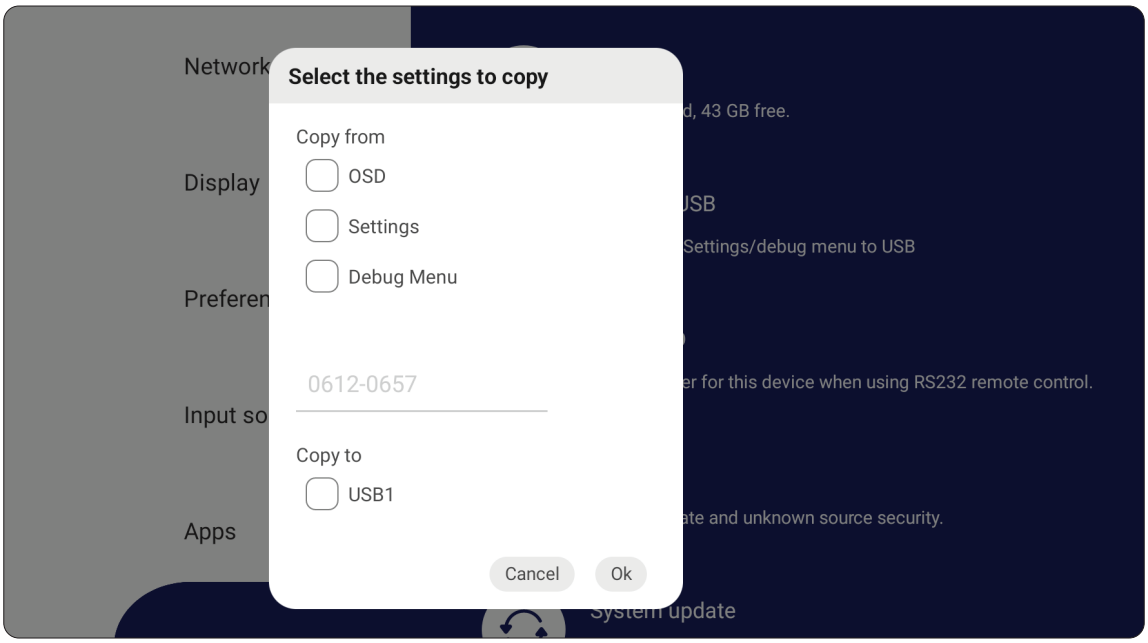
Lưu trữ

Kiểm tra trạng thái không gian lưu trữ của màn hình (nội bộ) và bất kỳ thiết bị lưu trữ bên ngoài nào được kết nối.



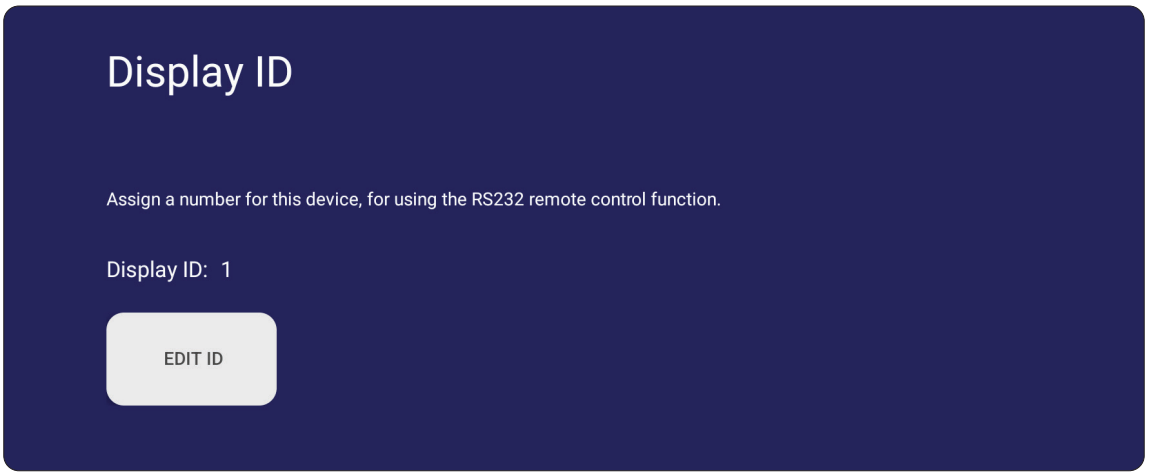
Sao chép vào USB

Sao chép cài đặt vào ổ USB bên ngoài.



Display ID (Höôùng ID)

Gán một số để điều khiển từ xa màn hình qua RS-232.

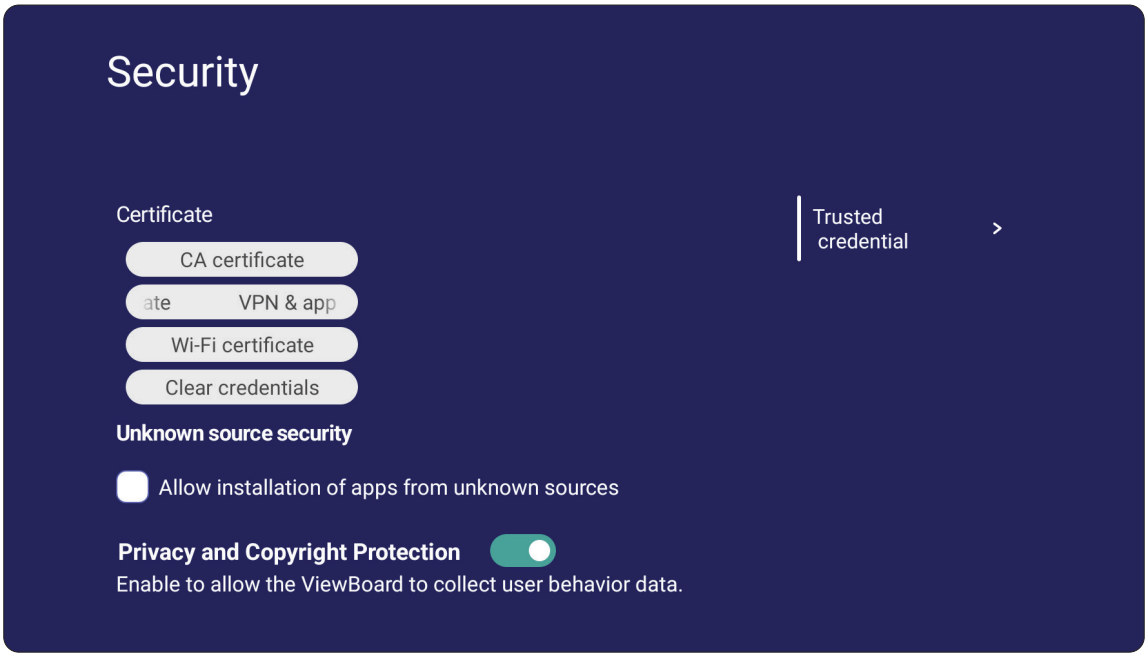


- Để gán hoặc thay đổi ID hiển thị, hãy chạm vào Chỉnh sửa ID và nhập một số.

  LƯU Ý: Mã hiển thị dành cho người dùng RS-232, và phạm vi là 01~98.

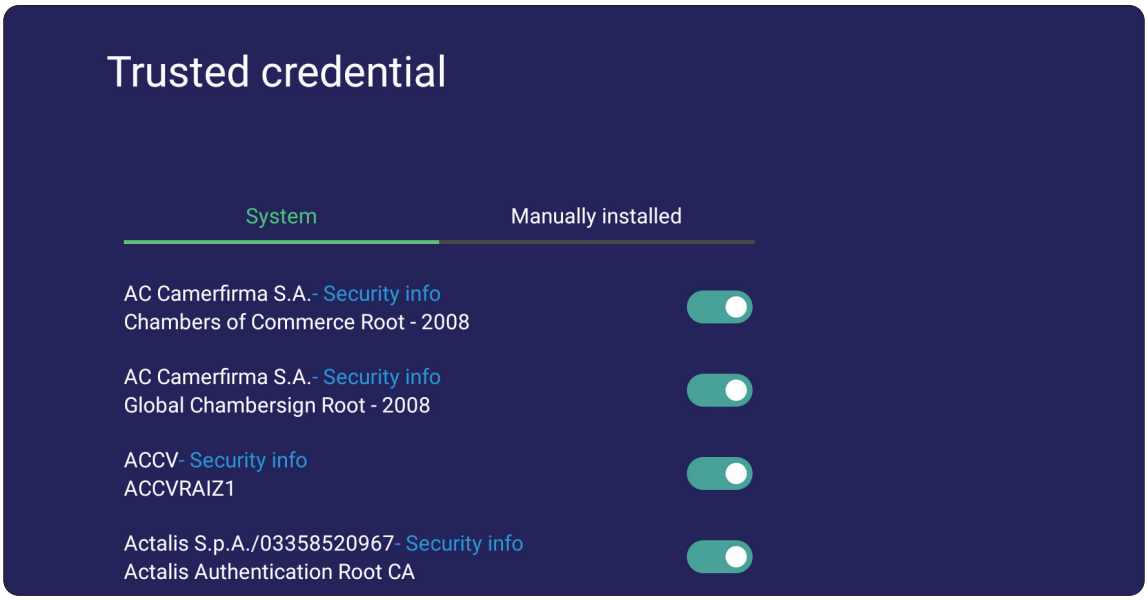
Security (Bảo mật)

Xem xét Chứng chỉ, lưu trữ Thông tin xác thực đáng tin cậy và cài đặt nguồn không xác định.



- Nhấn vào Cài đặt chứng chỉ từ bộ nhớ để thêm chứng chỉ bổ sung.
- Chọn Xóa Thông Tin Đăng Nhập sẽ xóa tất cả thông tin đăng nhập được cài đặt thủ công.

  LƯU Ý: Thông tin đăng nhập đã được tải trước không thể bị xóa.
- Trong phần Xem và Chỉnh sửa Chứng chỉ Tin cậy, hãy xem và chỉnh sửa tất cả các chứng chỉ CA đã tin cậy và đã cài đặt.



- Nhấn vào một thông tin xác thực sẽ cung cấp thông tin chi tiết hơn.

- Cho phép cài đặt ứng dụng từ các nguồn không xác định bằng cách chọn ô dưới bảo mật nguồn không xác định.



LƯU Ý: Các ứng dụng từ các nguồn không xác định có thể không tương thích hoặc hoạt động đúng cách.

Cập nhật hệ thống

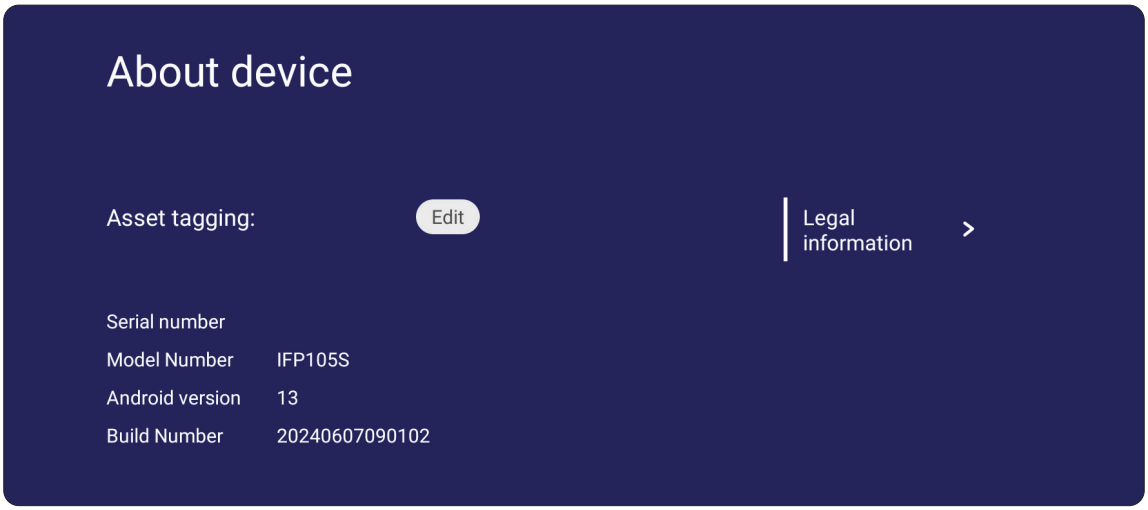
Bảng điều khiển tự động tìm kiếm các bản cập nhật phần mềm mỗi khi được kết nối với Internet (OTA). Chỉ với một cú nhấp chuột, người dùng có thể cập nhật phiên bản phần mềm ViewBoard của họ.



Mục	Mô tả
Cập nhật trực tuyến	Kiểm tra trực tuyến thủ công để tìm phiên bản phần mềm mới.
Cập nhật địa phương	Cập nhật phần mềm bằng tay với một tệp cục bộ.
Nâng cấp phiên bản Android	Kiểm tra phiên bản Android mới một cách thủ công.
Cập nhật tự động	Khi màn hình tắt, hệ thống sẽ tự động kiểm tra phiên bản mới. Nếu một phiên bản mới được tìm thấy, hệ thống sẽ tự động cập nhật. Sau khi cập nhật hoàn tất, hệ thống sẽ tắt.
Tiến trình	Đặt thời gian cập nhật.

Về thiết bị

Hiển thị thông tin Người chơi nhúng, thông tin Pháp lý và Gán Tài sản.



- Bằng cách chọn Chỉnh sửa, thông tin tài sản có thể được điều chỉnh.
- Nhấn vào thông tin pháp lý để kiểm tra giấy phép mã nguồn mở.

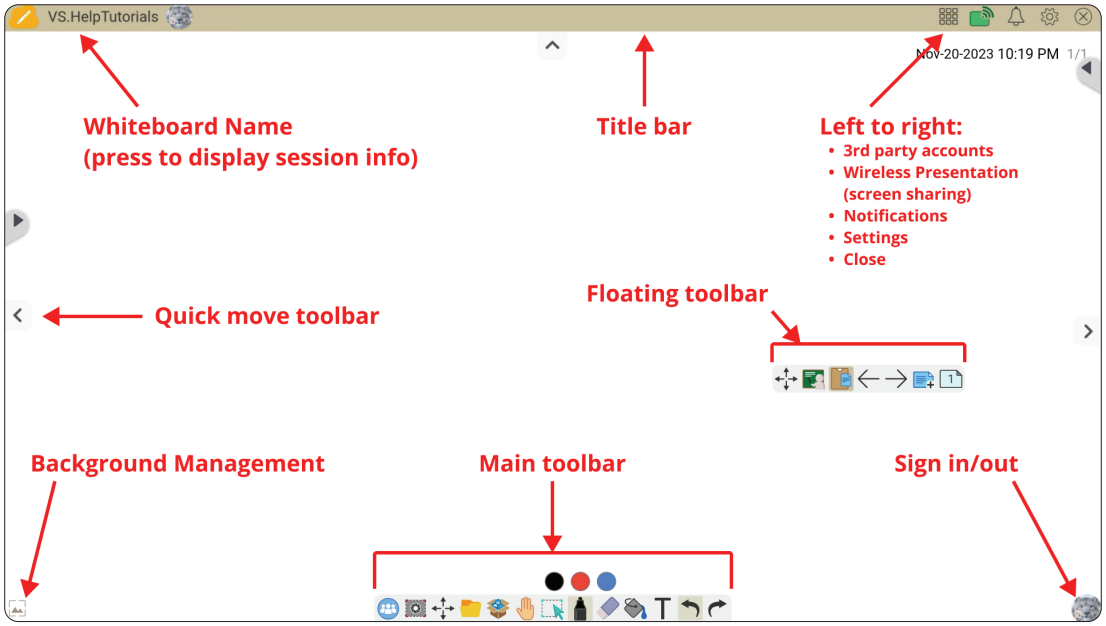
Ứng dụng và cài đặt được cài đặt sẵn

LƯU Ý: Các ứng dụng đã cài đặt có thể thay đổi (cài đặt, gỡ cài đặt, cập nhật) mà không cần thông báo trước khi hệ thống được cập nhật. Vui lòng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng tại địa phương nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào.

myViewBoard

Một ứng dụng bảng trắng kỹ thuật số.

LƯU Ý: Để tìm hiểu thêm về bảng trắng myViewBoard, hãy truy cập: https://myviewboard.com/kb/getting-started-whiteboard/overview-whiteboard.



FThanh công cụ nổi

Khoản		Sự miêu tả
	Chuyển	Di chuyển thanh công cụ nổi.
	Chế độ hiện tại	Chuyển đổi giữa chế độ trình bày và chuẩn bị.
	Dán từ khay nhớ tạm	Chèn nội dung khay nhớ tạm hiện tại vào canvas.
	Trang trước	Chuyển đến trang trước (nếu canvas có nhiều trang).
	Trang tiếp theo	Chuyển đến trang tiếp theo (nếu canvas có nhiều trang).
	Trang mới	Thêm một canvas mới.
	Các trang trong bảng trắng	Tạo, chọn, sắp xếp lại, sao chép và xóa các trang.

Thanh công cụ chính

Khoản		Sự miêu tả
	**Trình bày không dây**	Bật và quản lý bản trình bày không dây bằng cách truyền phiên của bạn đến các thiết bị khác hoặc nhận nguồn cấp dữ liệu từ các thiết bị khác.
	**Chụp màn hình**	Ảnh chụp màn hình, video và ghi âm.
	**Chuyển**	Chọn và giữ để di chuyển thanh công cụ sang bên trái, bên phải hoặc cuối màn hình.
	**Quản lý tệp**	Mở, lưu, xuất và in các tệp bảng trắng.
	**Hộp ma thuật**	Nhập tài nguyên (hình ảnh, video, âm thanh, v.v.) vào bảng trắng.
	**Trình duyệt nhúng**	Mở trình duyệt tích hợp để truy cập tài nguyên internet, có thể kéo tài nguyên này vào canvas.
	**Canvas vô hạn**	Kéo để di chuyển canvas. Sử dụng hai tay để phóng to / thu nhỏ. Chọn lại để xem tổng quan.
	**Công cụ lựa chọn**	Chọn đối tượng, văn bản và các yếu tố khác trên canvas.
	**Bút**	Công cụ viết và tùy chọn tùy chỉnh.
	**Tẩy**	Xóa đối tượng hoặc xóa trang.
	**Hình dạng và đường nét**	Vẽ hình dạng, mũi tên và thêm bảng.
	**Nhắn tin**	Thêm hộp văn bản.
	**Hoàn tác**	Hoàn tác hành động trước đó.
	**Redo**	Làm lại hành động trước đó.

Quản lý nền

Khoản		Sự miêu tả
	**Đăng nhập**	Đăng nhập vào tài khoản myViewBoard.
	**Quản lý nền**	Thay đổi nền canvas.
	**Cài đặt FollowMe**	Hiển thị hình ảnh tùy chỉnh được tải lên tài khoản lưu trữ đám mây.
	**Bảng màu**	Chọn từ các màu đồng nhất hoặc màu gradient làm nền.
	**Được cài đặt sẵn**	Chọn hình nền được cài đặt sẵn với Whiteboard.
	**Bản gốc myViewBoard**	Hiển thị nội dung gốc do myViewBoard tạo ra.
	**Ổ cứng cục bộ**	Sử dụng hình ảnh từ ổ cứng cục bộ.

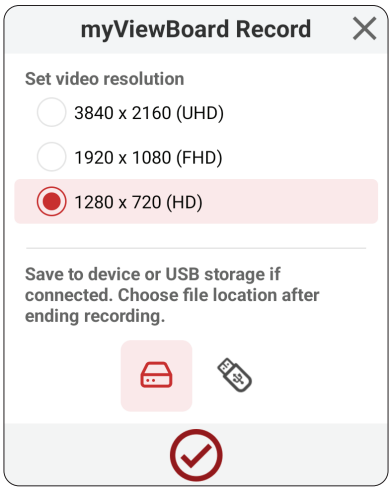
Trình ghi màn hình

Ghi lại mọi thứ được hiển thị trên màn hình ở định dạng video.



Để khởi chạy ứng dụng Screen Recorder:

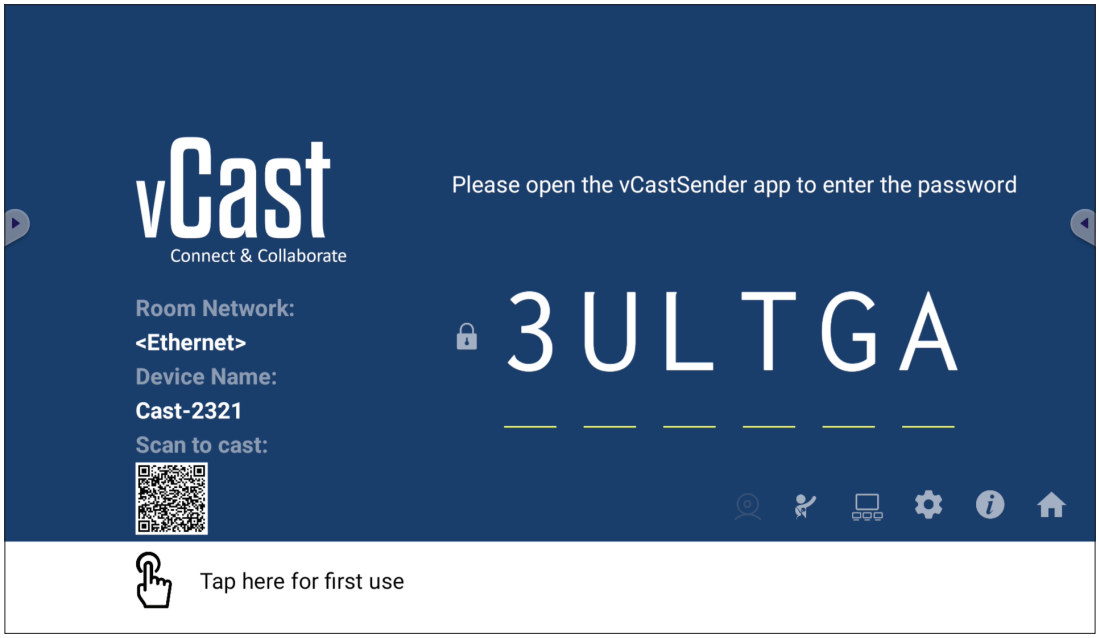
1. Chọn Screen Recorder biểu tượng trong ngăn kéo ứng dụng.
2. Nhấn vào biểu tượng ghi và chọn cấu hình ghi ưa thích. Sau đó nhấn vào dấu kiểm.



3. Lựa *Bắt đầu ngay* và đếm ngược ba giây sẽ bắt đầu. Quá trình quay màn hình sẽ bắt đầu ngay sau khi đếm ngược.
4. Sau khi dừng quay, bạn sẽ có thể xem trước video, lưu hoặc loại bỏ video.

vCast

Làm việc với phần mềm ViewBoard® Cast (vCast, vCast Pro và vCastSender), ứng dụng vCast sẽ cho phép ViewBoard nhận màn hình máy tính xách tay (Windows/ Mac/Chrome) và màn hình, ảnh, video, chú thích và (các) máy ảnh của người dùng di động (iOS/Android) đang sử dụng ứng dụng vCastSender.

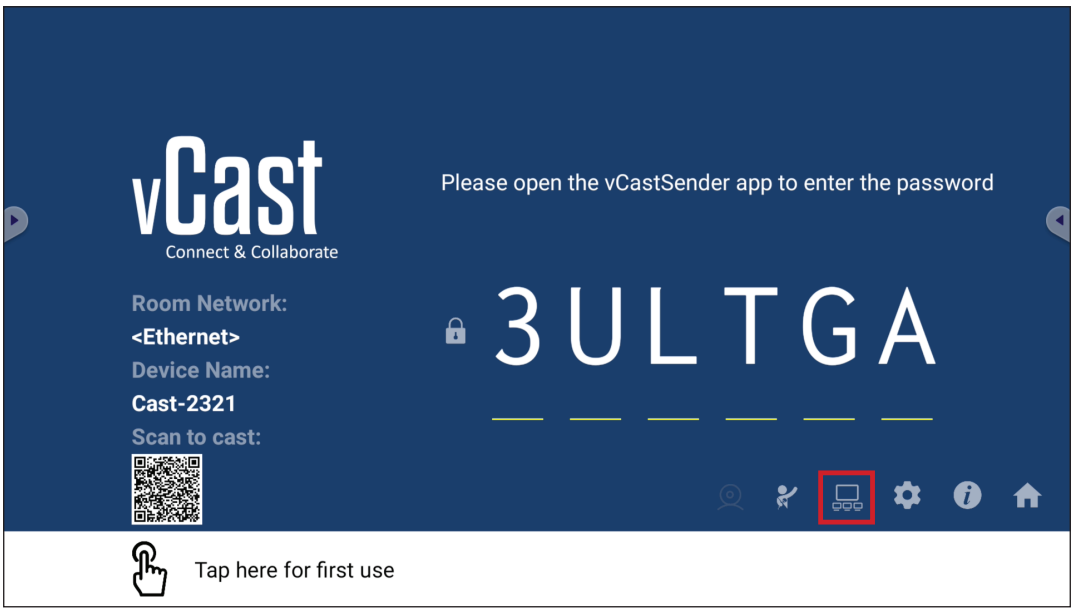


Thông tin mạng

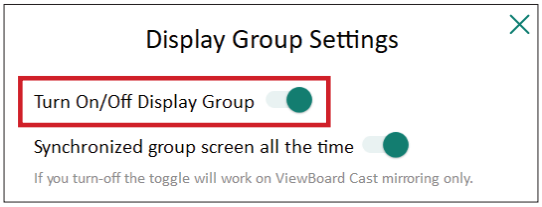
- Phần mềm ViewBoard® Cast, máy tính xách tay và thiết bị di động có thể kết nối với cả cùng một mạng con và mạng con chéo bằng cách nhập mã PIN trên màn hình.
- Các thiết bị được kết nối sẽ hiển thị trong **Danh sách thiết bị** trên cùng một kết nối mạng con.
- Nếu thiết bị không hiển thị trong **Danh sách thiết bị**, người dùng sẽ cần nhập mã PIN trên màn hình.
- **Cổng:**
  - » TCP 56789, 25123, 8121 & 8000 (Điều khiển cổng tin nhắn & truyền âm thanh thiết bị khách)
  - » TCP 8600 (BYOM)
  - » TCP 53000 (Yêu cầu chia sẻ màn hình)
  - » TCP 52020 (Điều khiển ngược)
  - » TCP 52025 (Điều khiển ngược cho ViewBoard Cast Button)
  - » TCP 52030 (Đồng bộ hóa trạng thái)
  - » TCP 52040 (Chế độ điều hành)
  - » UDP 48689, 25123 (Tìm kiếm thiết bị và truyền âm thanh thiết bị khách hàng)
  - » UDP 5353 (Giao thức thiết bị tìm kiếm đa hướng)
- **Cổng và DNS để kích hoạt**:
  - » Cảng: 443
  - » DNS: https://vcastactivate.viewsonic.com
- **Dịch vụ OTA**
  - » Cổng máy chủ: TCP 443
  - » Server FQDN Name: https://vcastupdate.viewsonic.com

Cài đặt nhóm hiển thị

Để điều chỉnh Cài đặt nhóm hiển thị, hãy chọn biểu tượng Nhóm hiển thị () nằm ở góc dưới bên phải của màn hình.

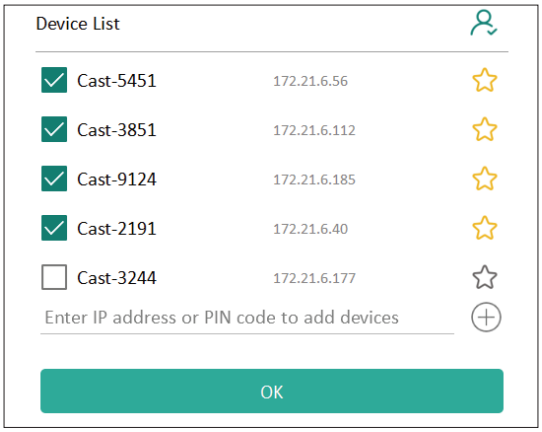


1. BẬT "Bật / Tắt Nhóm hiển thị" để bật tính năng Nhóm hiển thị.



LƯU Ý: Các thiết bị ViewBoard Cast được cài đặt sẵn khác trong cùng một mạng sẽ được liệt kê.

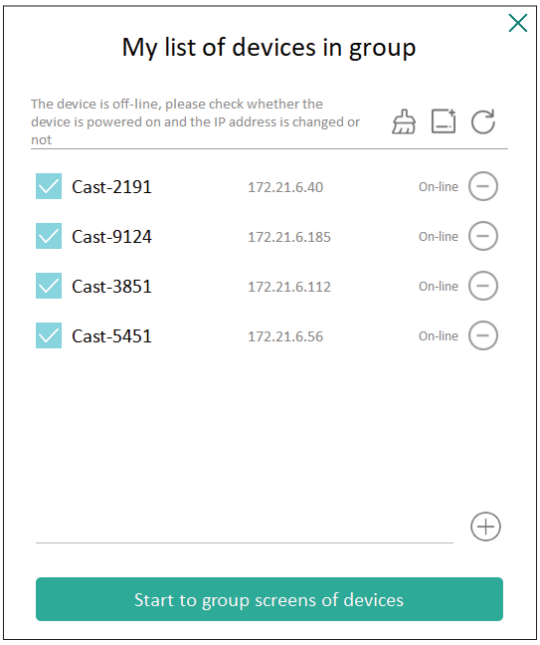
2. Chọn thiết bị bạn muốn tham gia nhóm hiển thị và chọn **OK** để lưu cài đặt.



LƯU Ý:

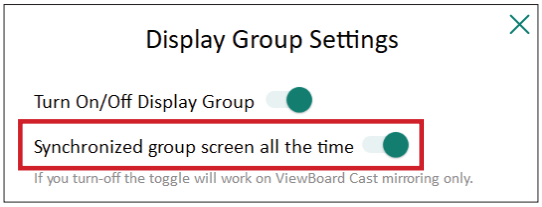
- Nếu các thiết bị bạn muốn nhóm không được liệt kê, bạn có thể nhập địa chỉ IP tương ứng của chúng hoặc mã PIN kết nối.
- Giới hạn thiết bị tối đa của Nhóm hiển thị là sáu thiết bị.

3. Nếu bạn thường xuyên kết nối với cùng một thiết bị, bạn có thể chọn biểu tượng Ngôi sao (☆) bên cạnh thiết bị để thêm thiết bị vào danh sách thiết bị được kết nối thường xuyên của bạn, “Danh sách thiết bị của tôi trong nhóm”, để thiết lập và quản lý Nhóm hiển thị dễ dàng hơn.



Màn hình nhóm được đồng bộ hóa mọi lúc

Khi chức năng “Màn hình nhóm được đồng bộ hóa mọi lúc” được BẬT, nó sẽ hiển thị màn hình nhóm được đồng bộ hóa liên tục. Nếu nó được TẮT, nó sẽ chỉ hoạt động trên phản chiếu vCast.



LƯU Ý: Chọn các thiết bị để nhóm trước, sau đó BẬT chức năng “Màn hình nhóm được đồng bộ hóa mọi lúc” để tránh bị gián đoạn.

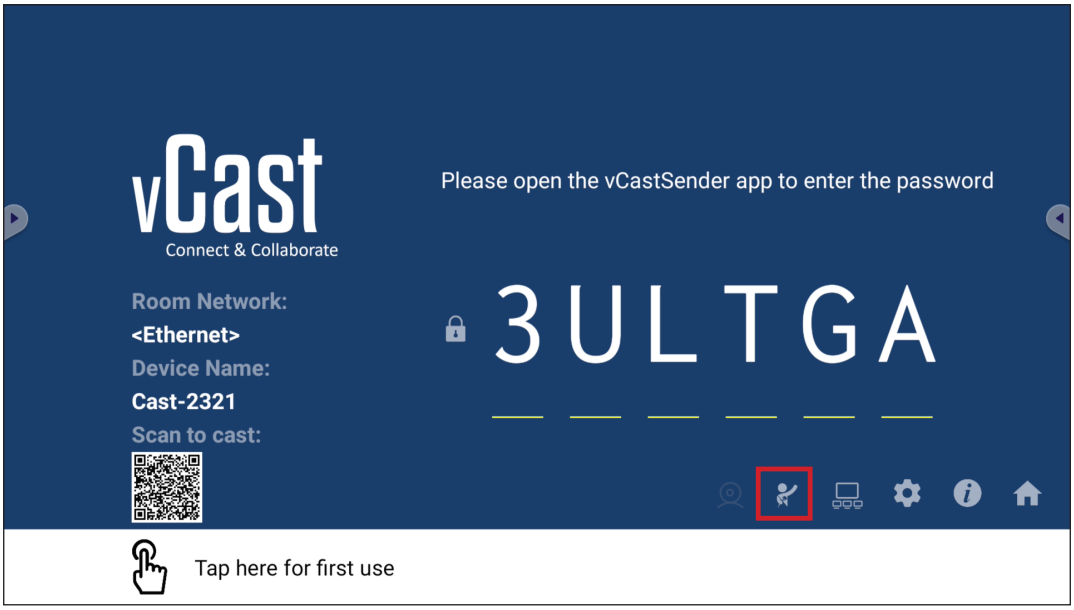
Chia sẻ màn hình với nhóm hiển thị (Truyền một đến nhiều)

Sau khi xác nhận các cài đặt trên, bạn có thể chia sẻ màn hình của mình với màn hình chính, sau đó các thiết bị khách được nhóm sẽ được đồng bộ hóa với màn hình của bạn.



Chế độ điều hành

Chế độ kiểm duyệt cho phép người kiểm duyệt kiểm soát các thiết bị được kết nối với ViewBoard hoặc màn hình. Để vào Chế độ người kiểm duyệt, hãy chọn biểu tượng Chế độ người kiểm duyệt ( ) nằm ở góc dưới bên phải của màn hình.

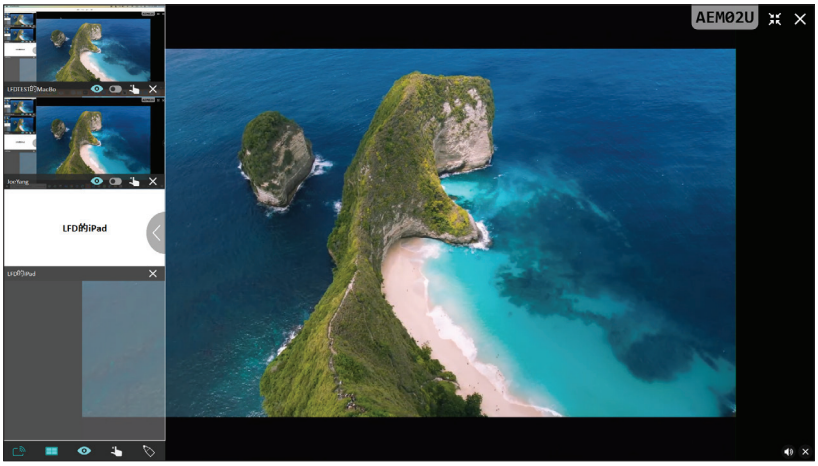


Khi được bật, người điều hành có thể xem danh sách tất cả các màn hình được kết nối trong cửa sổ nổi bên trái và có thể xem trước màn hình của từng người tham gia, sau đó chọn bất kỳ màn hình nào của người tham gia và truyền đến màn hình chính của ViewBoard hoặc màn hình để trình bày. Người điều hành cũng có thể điều khiển màn hình của từng người tham gia, chú thích trên ViewBoard hoặc màn hình và xóa những người tham gia không mong muốn bằng cách chọn biểu tượng đóng (X).



Phát sóng

Khi được bật, màn hình của ViewBoard sẽ được phát đồng thời đến tất cả các màn hình được kết nối của người tham gia. Những người tham gia chỉ có thể xem nội dung bài thuyết trình cho đến khi người điều hành tắt chức năng Phát sóng.



Chia sẻ nhiều màn hình

Theo mặc định, vCast được đặt để cho phép chia sẻ nhiều màn hình, nhưng cũng có thể được đặt thành chia sẻ một màn hình. Để thực hiện việc này, người kiểm duyệt có thể chọn Chia sẻ nhiều màn hình biểu tượng để chuyển sang chia sẻ một màn hình.

Màn hình xem trước

Theo mặc định, vCast được đặt để cho phép người kiểm duyệt xem trước nội dung màn hình của người tham gia trước khi chia sẻ lên ViewBoard. Chọn biểu tượng Preview Screen, Người kiểm duyệt có thể chuyển sang chỉ xem tên của người tham gia.

Sờ

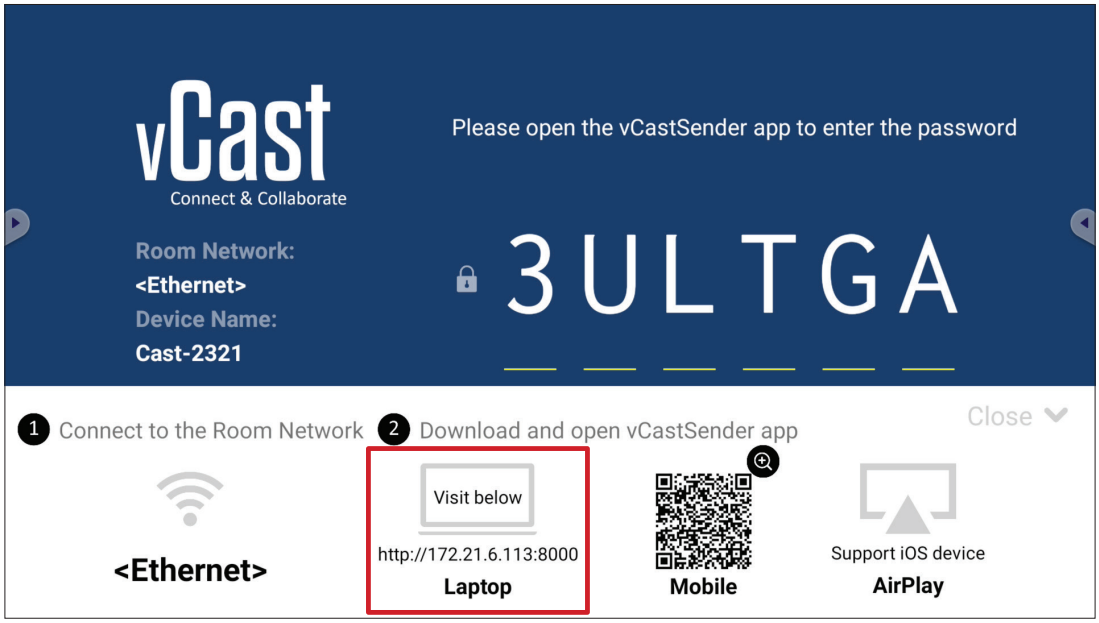
Theo mặc định, người tham gia có thể sử dụng cảm ứng để cộng tác sau khi kết nối. Người điều hành có thể bật/tắt chức năng cảm ứng của người tham gia bằng cách chọn biểu tượng Cảm ứng trong cửa sổ của họ.

LƯU Ý:

- Chế độ kiểm duyệt được hỗ trợ trên tất cả các thiết bị vCastSender và AirPlay, nhưng thiết bị di động bị giới hạn ở chức năng “trướcview”. Ngoài ra, các thiết bị Android di động không thể truyền âm thanh.
- Khi bạn truyền màn hình Windows / Mac / Chrome của mình sang ViewBoard hoặc màn hình, thiết bị toàn màn hình đã chọn sẽ không được phát lại thiết bị của bạn để tránh truyền màn hình lặp đi lặp lại.
- Người thuyết trình tích cực có thể chạm vào từng màn hình của người tham gia để điều khiển từ xa các thiết bị truyền.

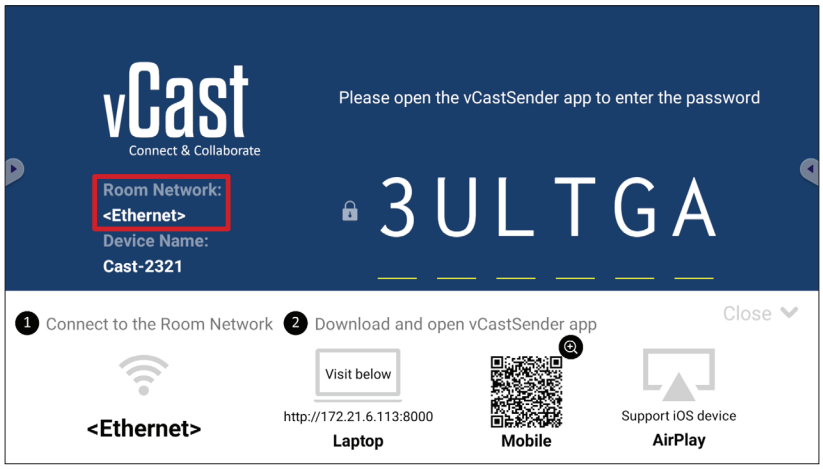
- Số lượng người thuyết trình nhiều màn hình trên màn hình phụ thuộc vào hiệu suất bộ xử lý CPU Windows và thông số kỹ thuật của bộ định tuyến.

Truyền từ các thiết bị Windows, MacBook và Chrome



1. Đảm bảo thiết bị khách (ví dụ: máy tính xách tay) được kết nối với cùng một mạng với ViewBảng.

LƯU Ý: Tên mạng có thể được tìm thấy trong **Mạng phòng**.

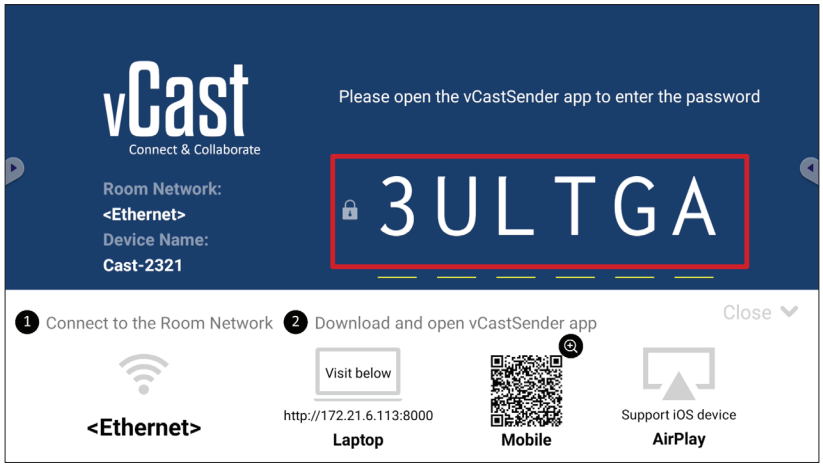


2. Trên thiết bị khách, hãy truy cập địa chỉ được hiển thị trên ViewBoard để tải xuống và cài đặt ứng dụng vCastSender.

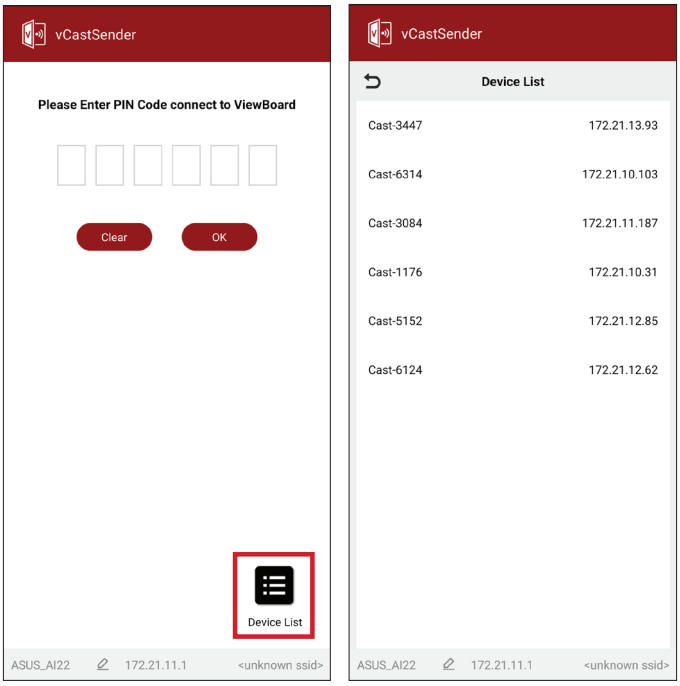
3. Sau khi cài đặt, khởi chạy ứng dụng vCastSender.

4. Để kết nối với ViewBảng, nhập mã PIN và nhấp vào OK.

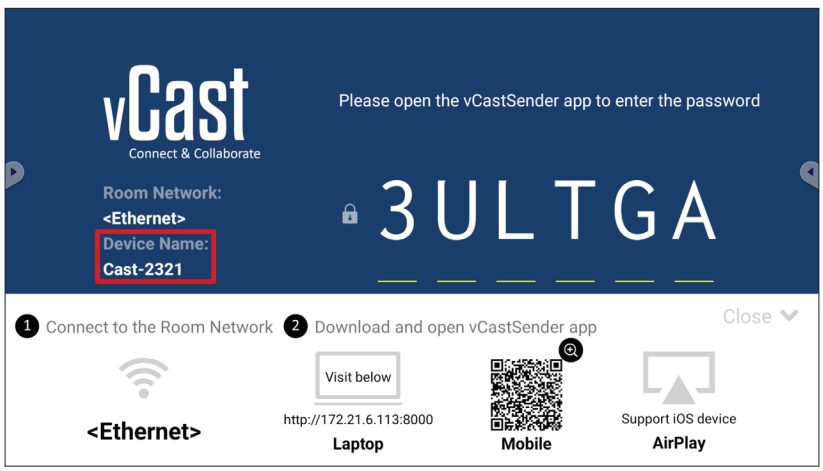
LƯU Ý: Các **Mã PIN** có thể được tìm thấy như được đánh dấu bên dưới:



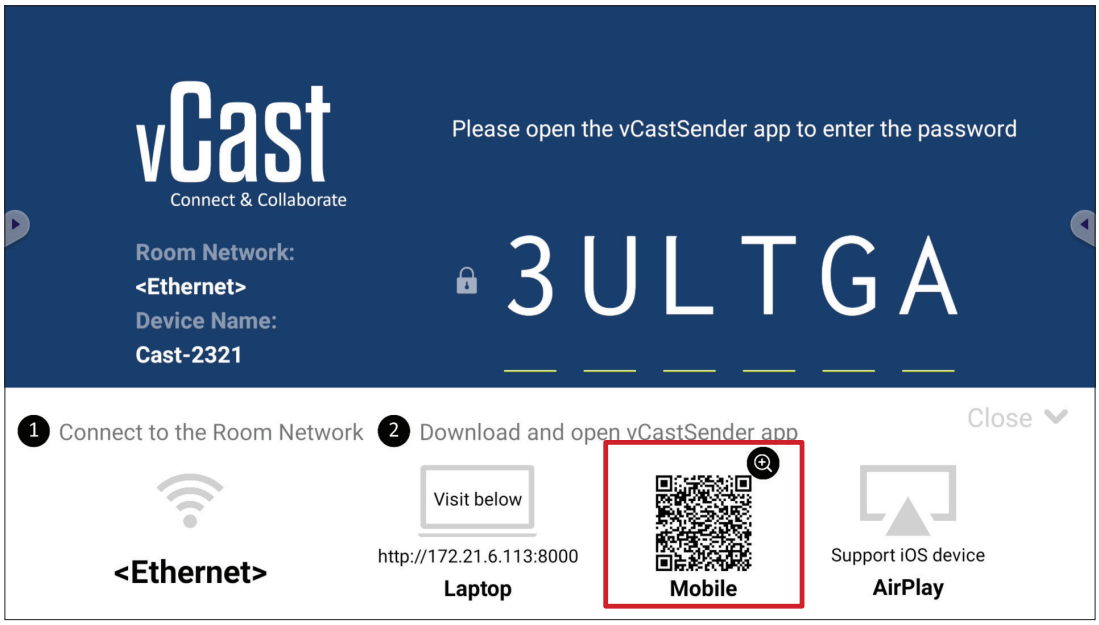
5. Ngoài ra, bạn có thể kết nối với ViewBoard bằng cách nhấp vào **Danh sách thiết bị** sau đó **Tên thiết bị** Liệt kê.



LƯU Ý: Các **Tên thiết bị** có thể được tìm thấy như được đánh dấu bên dưới:

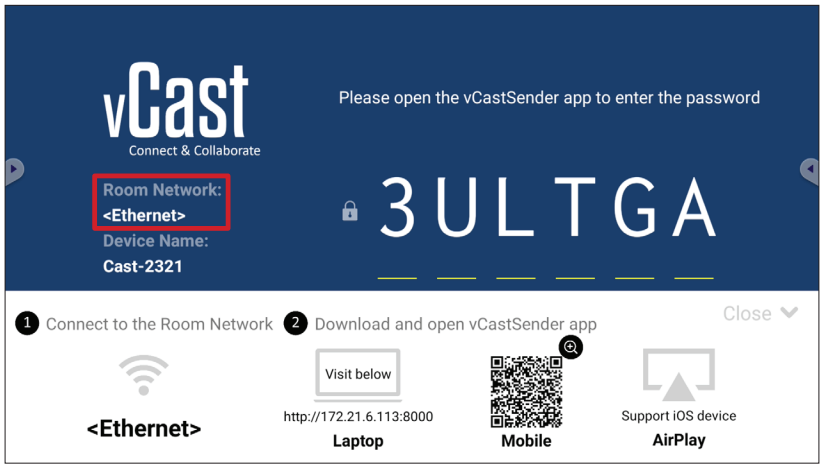


Truyền từ thiết bị Android

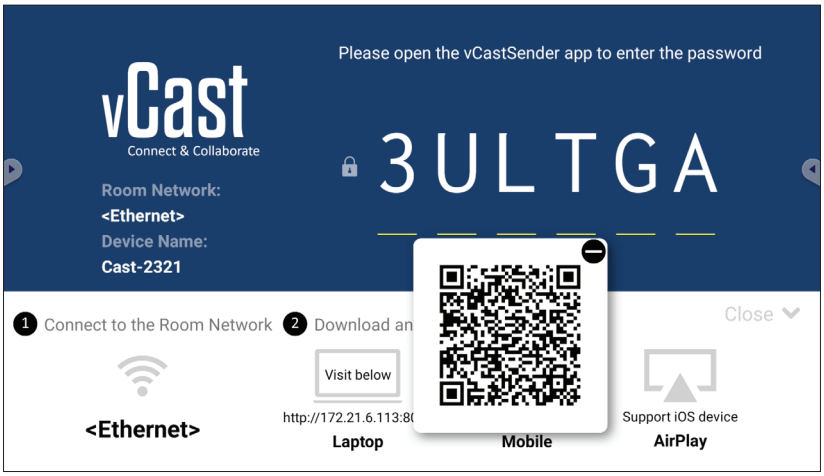


1. Đảm bảo thiết bị khách (ví dụ: điện thoại hoặc máy tính bảng Android) được kết nối với cùng một mạng với ViewBoard.

   LƯU Ý: Tên mạng có thể được tìm thấy trong **Mạng phòng**.



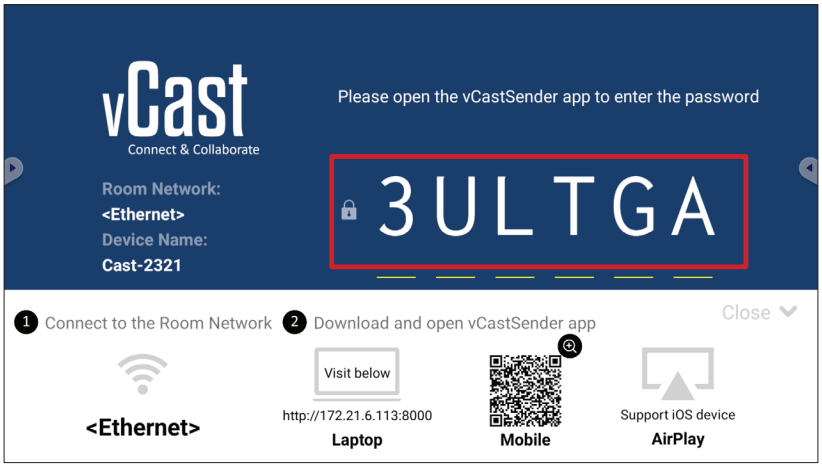
2. Trên thiết bị khách Android, quét mã QR hiển thị trên ViewBoard để tải trực tiếp ứng dụng vCastSender hoặc tải xuống ứng dụng từ Cửa hàng Google Play.



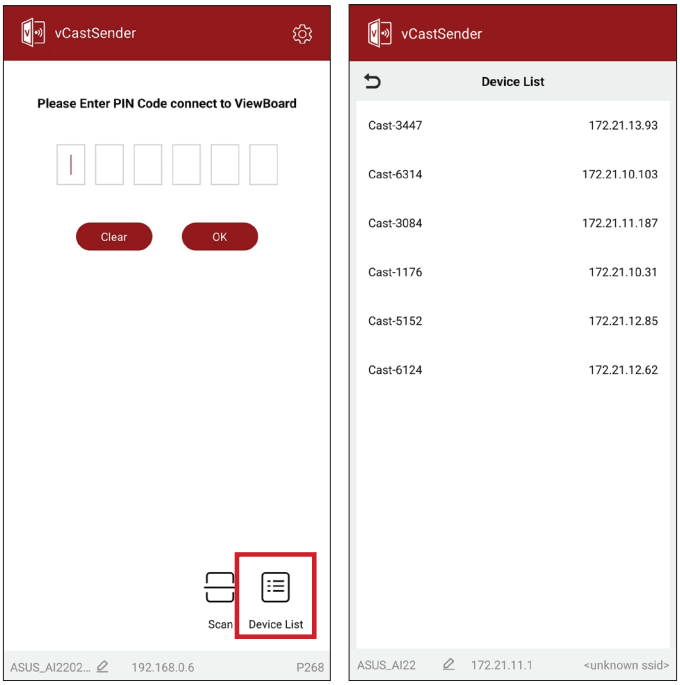
3. Sau khi cài đặt, khởi chạy ứng dụng vCastSender.

4. Để kết nối với ViewBoard, nhập mã PIN và chọn **OK**.

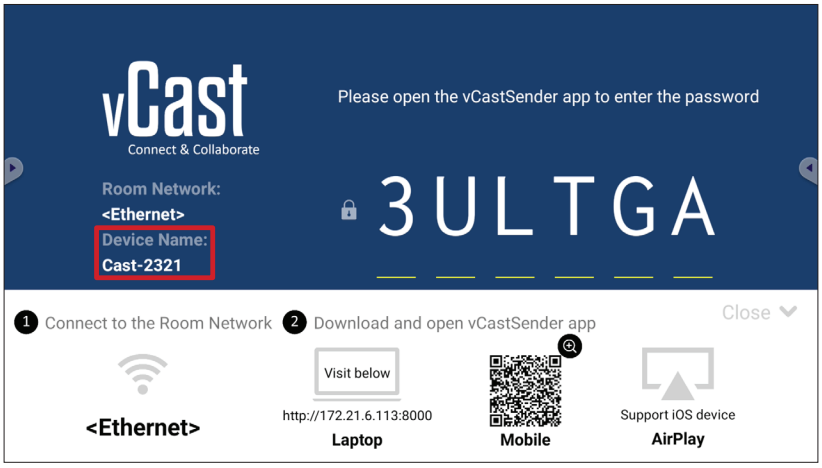
LƯU Ý: Các **Mã PIN** có thể được tìm thấy như được đánh dấu bên dưới:



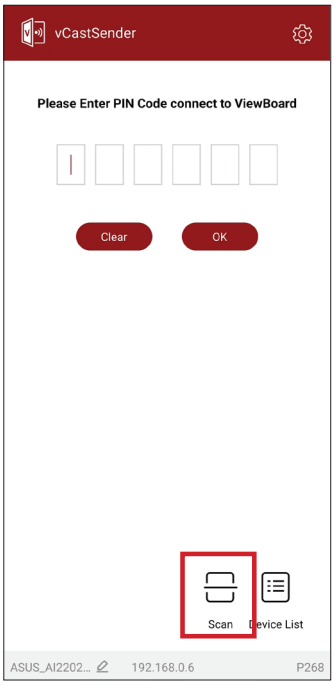
5. Bạn cũng có thể kết nối với ViewBoard bằng cách chọn **Danh sách thiết bị** sau đó **Tên thiết bị** Liệt kê.

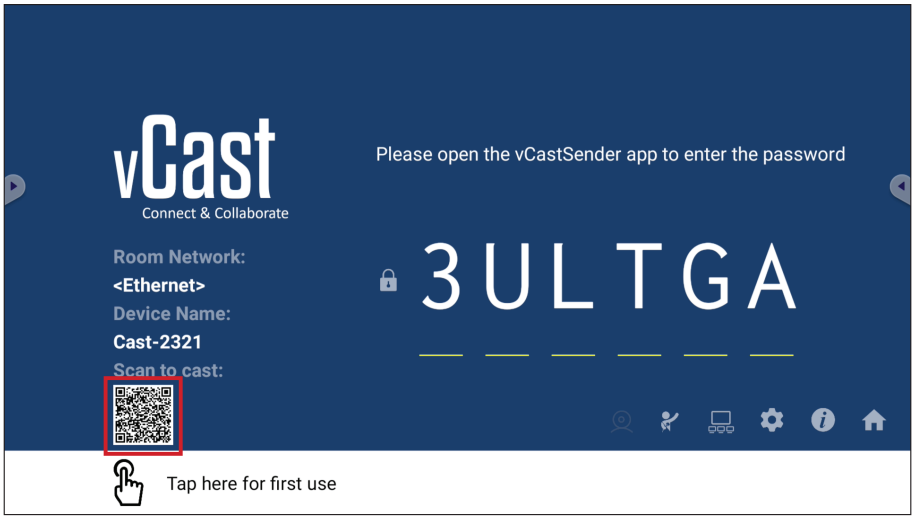


LƯU Ý: Các **Tên thiết bị** có thể được tìm thấy như được đánh dấu bên dưới:



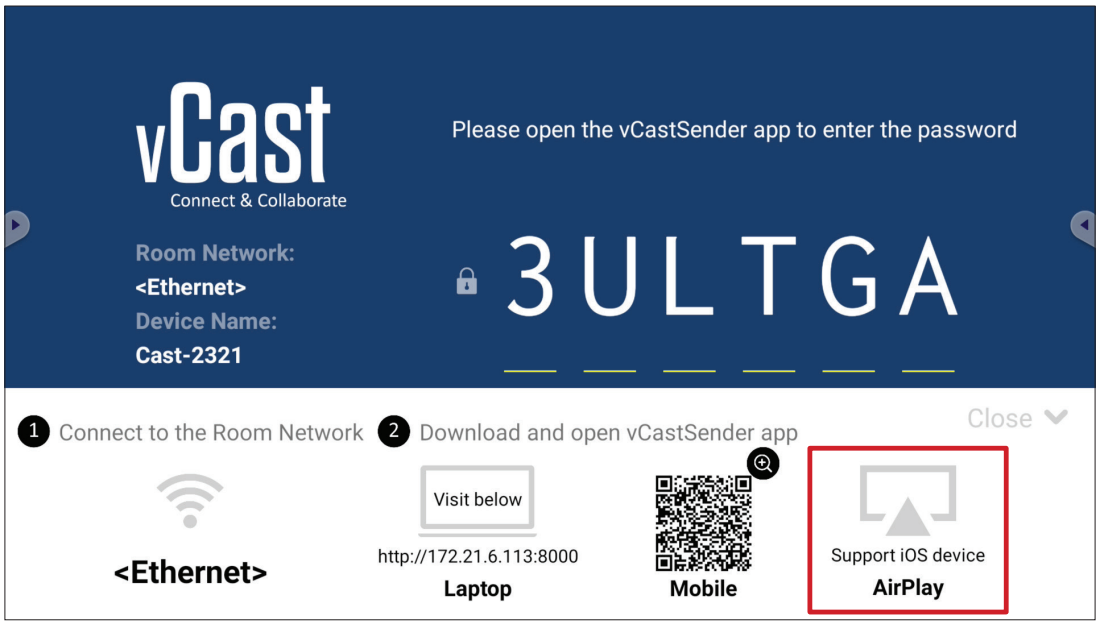
6. Ngoài ra, bạn có thể kết nối với ViewBoard hoặc bằng cách chọn **Quét** sau đó đặt mã QR trên màn hình vào hộp để tự động kết nối.





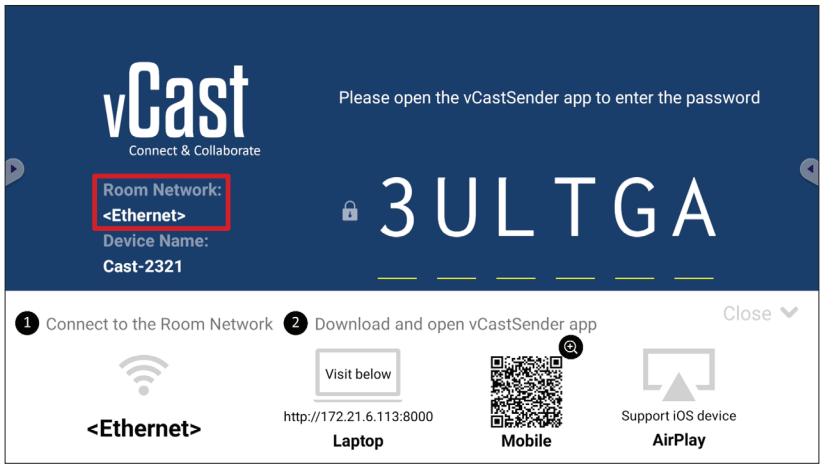
Truyền từ thiết bị Apple iOS

Apple AirPlay® chỉ tương thích với vCast để phản chiếu màn hình và phát trực tuyến nội dung trong cùng một môi trường mạng con. “Mật khẩu AirPlay” sẽ được tạo trên màn hình để kết nối khi sử dụng AirPlay để truyền đến ViewBoard.



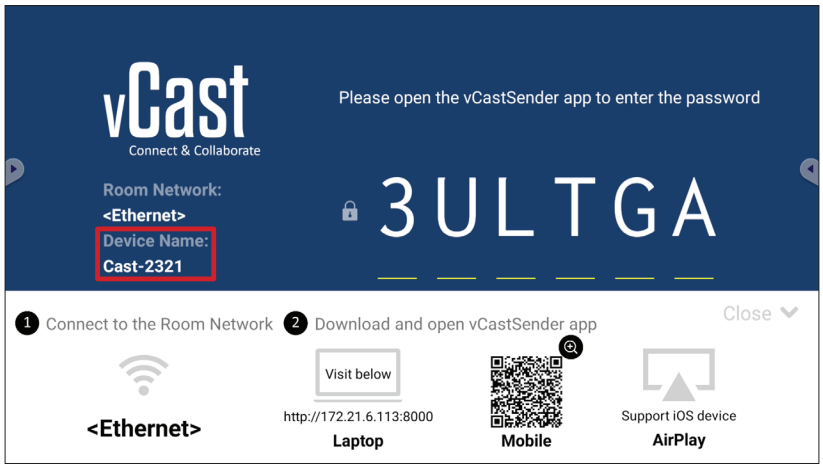
1. Đảm bảo thiết bị khách (ví dụ: iPhone hoặc iPad) được kết nối với cùng một mạng với ViewBoard.

   LƯU Ý: Tên mạng có thể được tìm thấy trong **Mạng phòng**.



2. Trên thiết bị khách iOS, mở trực tiếp AirPlay và chọn **Tên thiết bị** của ViewBoard để kết nối.

LƯU Ý: Các **Tên thiết bị** có thể được tìm thấy như được đánh dấu bên dưới:

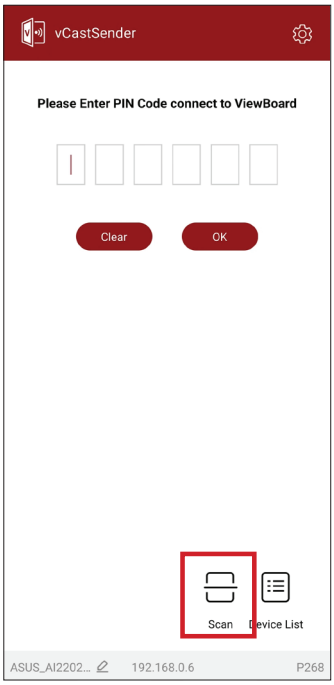


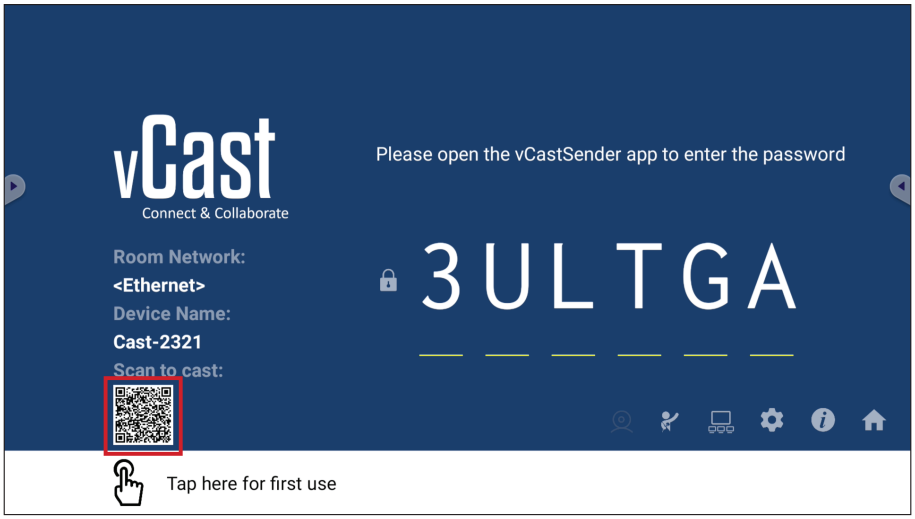
3. Nhập được tạo trên màn hình **Mật khẩu AirPlay** trên thiết bị khách để kết nối.



LƯU Ý: Trong môi trường mạng con chéo, vui lòng tải xuống và kết nối với ứng dụng vCastSender iOS từ Apple App Store.

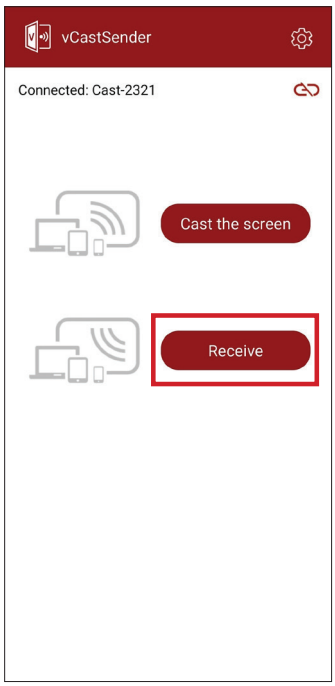
4. Bạn cũng có thể kết nối với ViewBoard bằng cách chọn **Quét** sau đó đặt mã QR trên màn hình vào hộp để tự động kết nối.

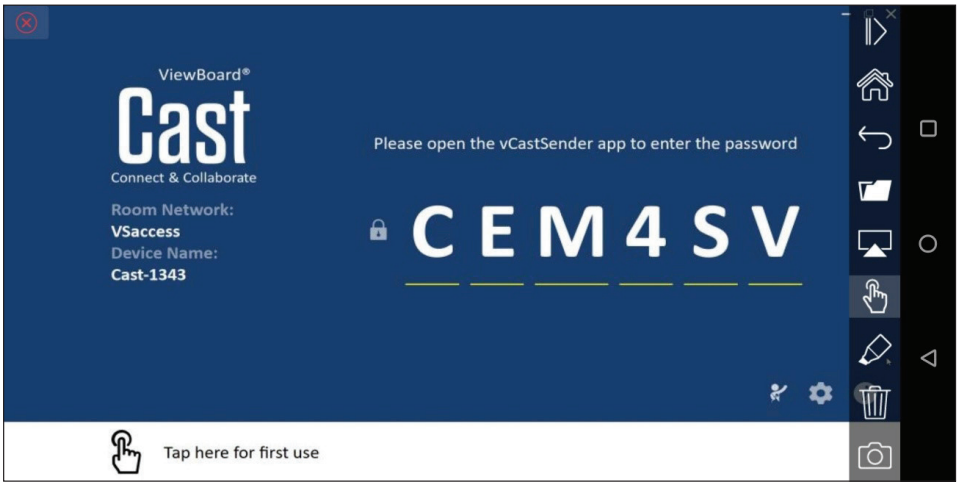




Kết nối với ViewBoard từ thiết bị di động

Sau khi kết nối, hãy chọn **Nhận**. ViewBoard sẽ xuất hiện trên thiết bị di động với thanh công cụ trên màn hình. Người dùng có thể tương tác với ViewBoard bằng chú thích, chia sẻ tệp, v.v.





Khoản		Sự miêu tả
	Chuyển đổi	Ẩn hoặc hiển thị thanh công cụ.
	Nhà	Quay lại giao diện Trang chủ.
	Về	Quay lại thao tác trước đó.
	Thư mục	Xem hoặc mở các tệp của thiết bị di động.
	Chia sẻ	Truyền màn hình của thiết bị di động đến ViewBoard hoặc màn hình được kết nối.
	Sờ	Điều khiển từ xa ViewBoard hoặc màn hình được kết nối.
	Chú thích	Tạo chú thích và điều chỉnh màu bút.
	Trong	Xóa mọi thứ trên màn hình.
	Camera	Gửi hình ảnh máy ảnh đến ViewBoard hoặc màn hình được kết nối.

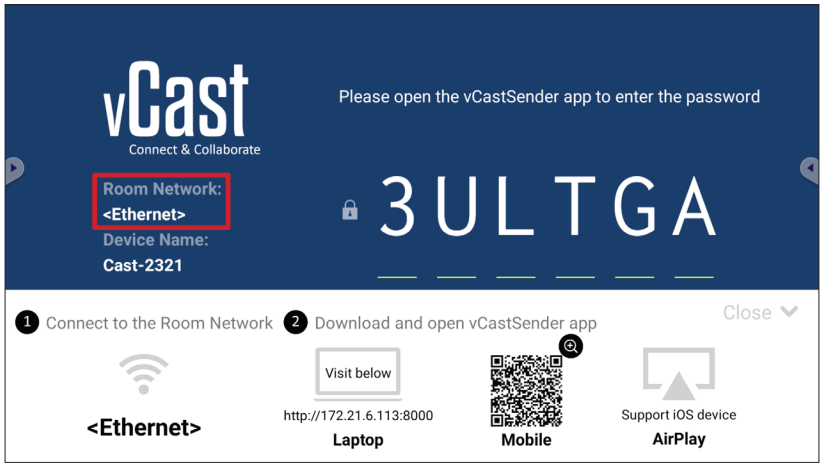
Truyền bằng Chromecast

vCast hỗ trợ chia sẻ màn hình Chromecast gốc thông qua truyền trình duyệt Chrome khi tính năng Chromecast được bật.

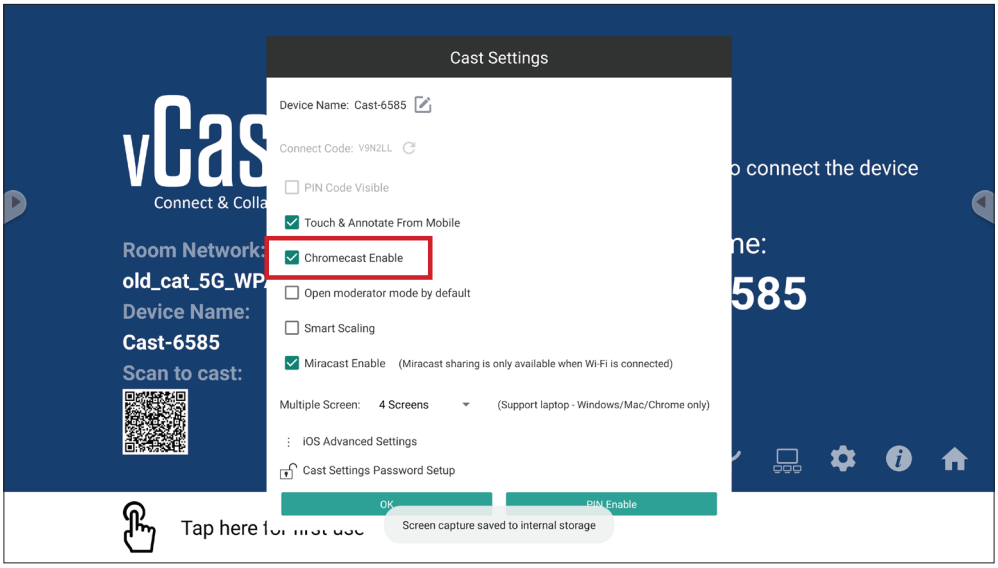
LƯU Ý: Chromecast không hỗ trợ bảo vệ bằng mật khẩu hoặc truyền nhiều màn hình.

1. Đảm bảo thiết bị khách (ví dụ: máy tính xách tay) được kết nối với cùng một mạng với ViewBảng.

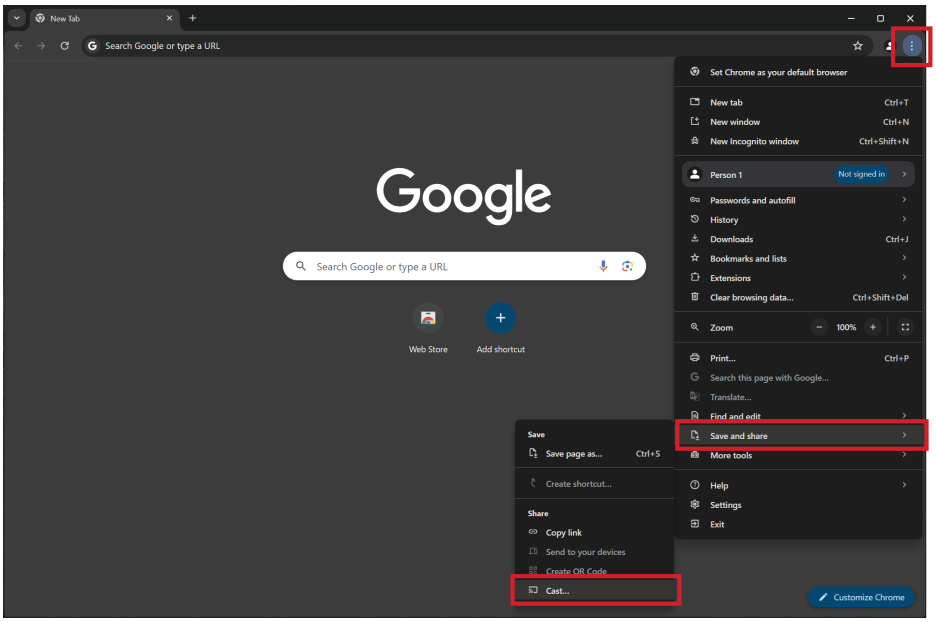
   LƯU Ý: Tên mạng có thể được tìm thấy trong **Mạng phòng**.

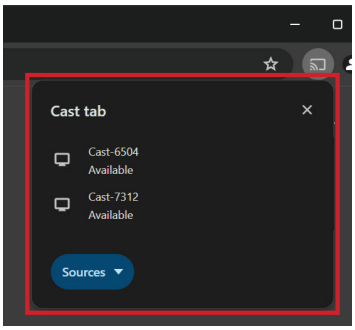


2. Đảm bảo **Kích hoạt Chromecast** hộp kiểm được chọn trong cài đặt vCast.



3. Trong trình duyệt Chrome, hãy truy cập: **Cài đặt** > **Lưu và chia sẻ** > **Ném...** > Chọn màn hình để truyền đến.





Đúc với Miracast

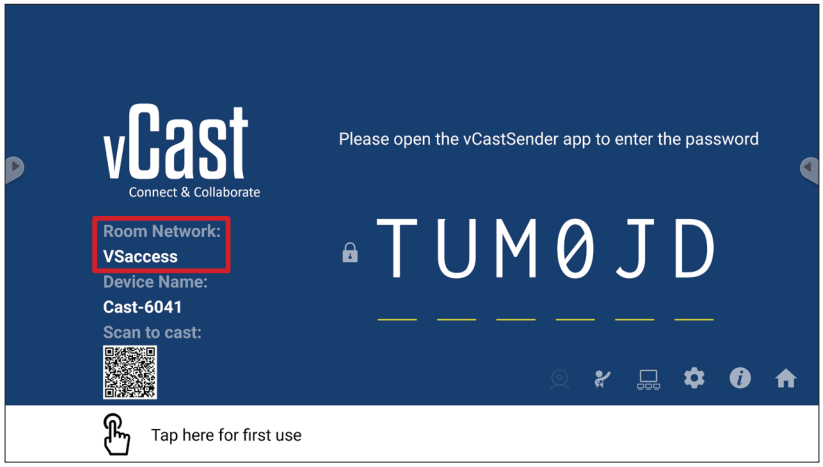
vCast hỗ trợ Miracast gốc để truyền nội dung từ các thiết bị Windows và Android sang ViewBoard khi tính năng Miracast được bật.

LƯU Ý:

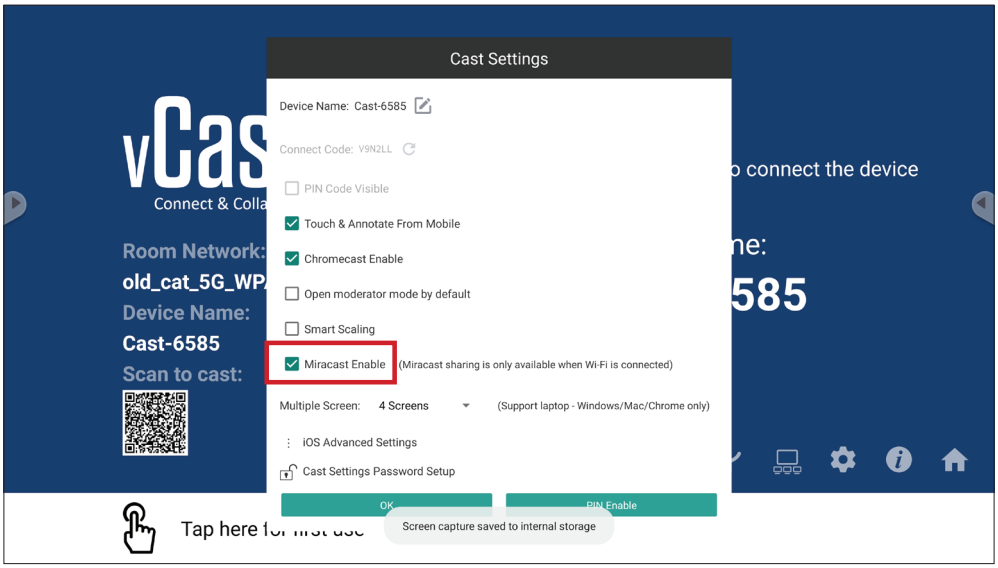
- Miracast không hỗ trợ bảo vệ bằng mật khẩu hoặc truyền nhiều màn hình.
- Chia sẻ Miracast chỉ khả dụng qua Wi-Fi.
- Miracast sẽ tự động tắt sau khi không hoạt động trong một giờ.

1. Đảm bảo thiết bị khách (ví dụ: máy tính xách tay) được kết nối với cùng một mạng với ViewBảng.

   LƯU Ý: Tên mạng có thể được tìm thấy trong **Mạng phòng**.



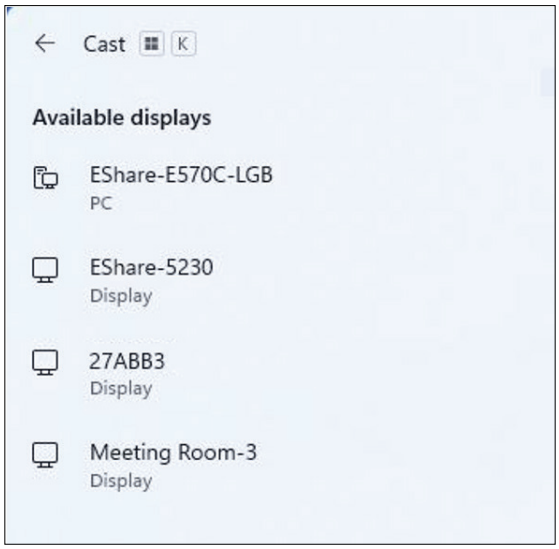
2. Đảm bảo **Kích hoạt Miracast** hộp kiểm được chọn trong cài đặt vCast.



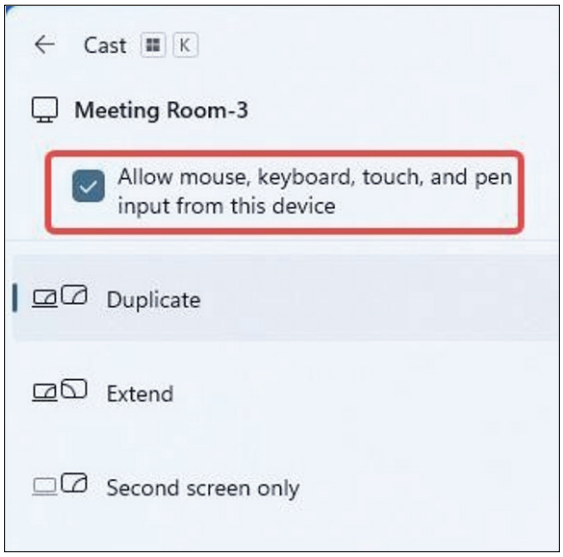
3. Vui lòng làm theo các bước dưới đây để truyền:

Đối với thiết bị Windows:

1. Trên thiết bị Windows, nhấn Win + K và chọn màn hình để truyền đến.



2. Chọn hộp kiểm "Cho phép nhập chuột, bàn phím, cảm ứng và bút từ thiết bị" để bật tính năng phản hồi cảm ứng.



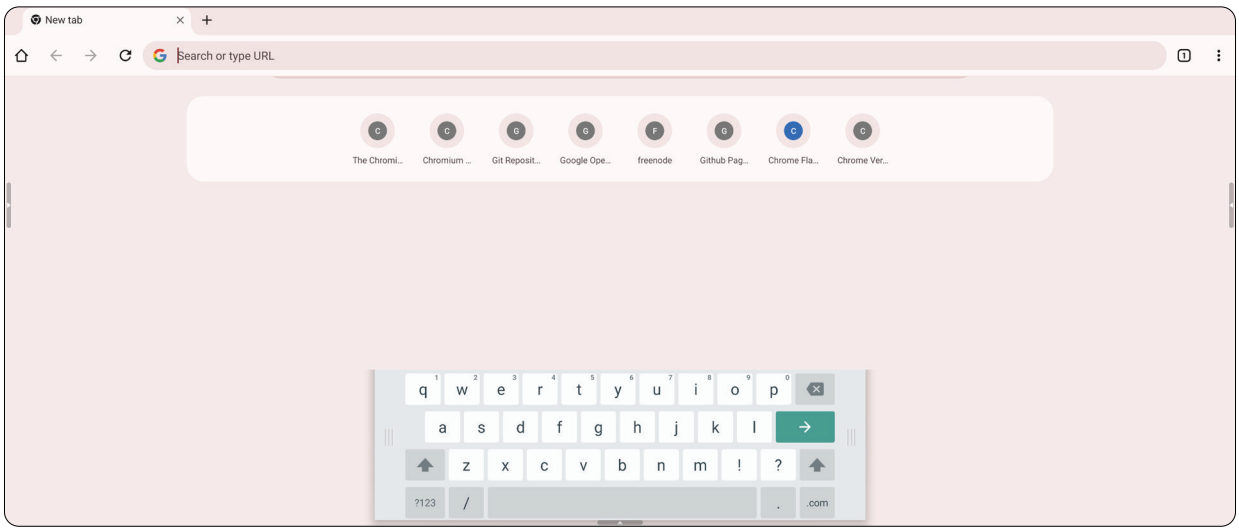
Đối với thiết bị Android:

Trên thiết bị Android, chọn trực tiếp Cast / Smart View / Wireless Projection sau đó chọn màn hình để truyền.

Các ứng dụng mặc định khác

Trình duyệt

Trình duyệt web để lướt Internet.



Finder

Quản lý tệp và thư mục.



1. Hiển thị thiết bị lưu trữ

Chọn thiết bị lưu trữ thích hợp.

2. Biểu tượng

Khoản		Sự miêu tả
	Lưới	Hiển thị tệp theo lưới
	Danh sách	Hiển thị tệp theo danh sách
	Sắp xếp	Sắp xếp các tệp
	Lựa	Chọn một tệp
	Tạo	Tạo thư mục mới
	Bản sao	Sao chép tệp
	Dán	Dán tệp đã sao chép hoặc cắt
	Cắt	Cắt tệp
	Xóa	Xóa tệp
	Rename	Đổi tên tệp
	Gửi	Chia sẻ tệp

3. Thông tin tệp

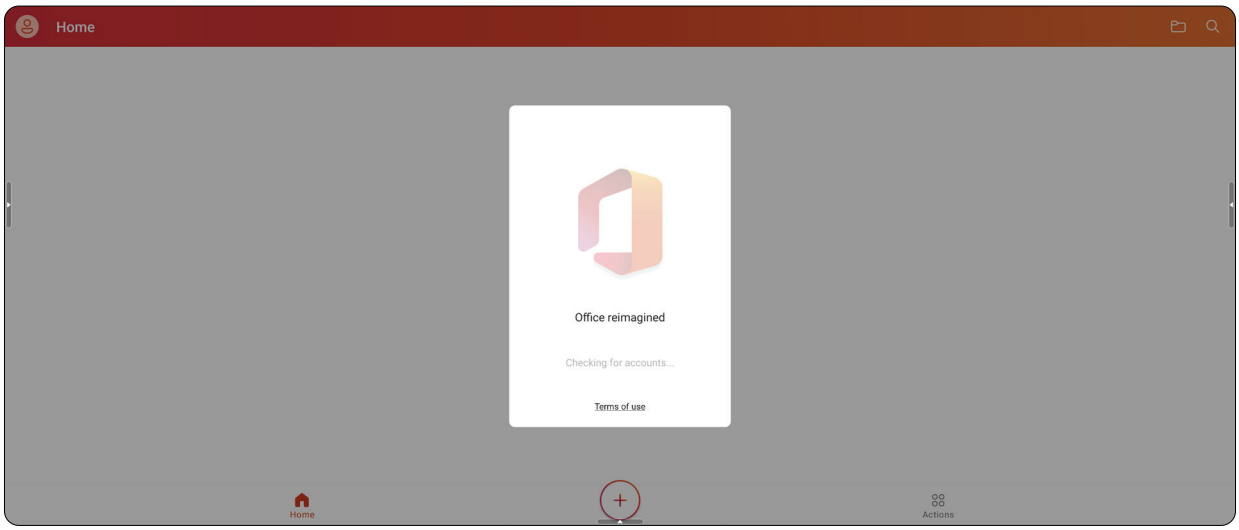
Xem trước tệp, hiển thị tên, kích thước, độ phân giải và ngày tạo của tệp.

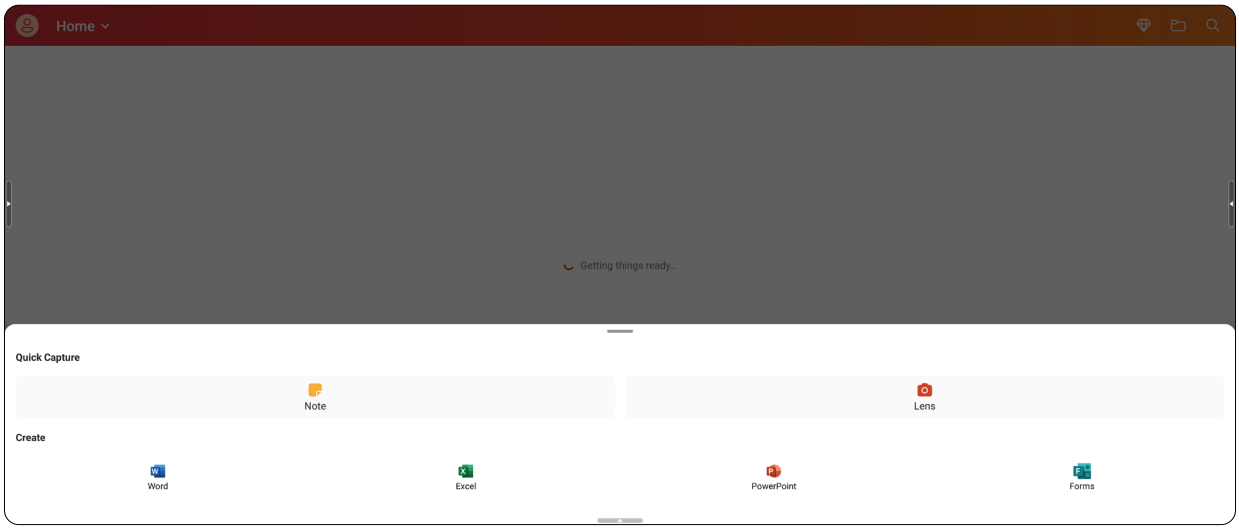
4. Khu vực hiển thị chính

Các tệp được hiển thị ở đây.

Chức

Tạo, chỉnh sửa và xem tài liệu, bảng tính, bản trình bày và PDF.



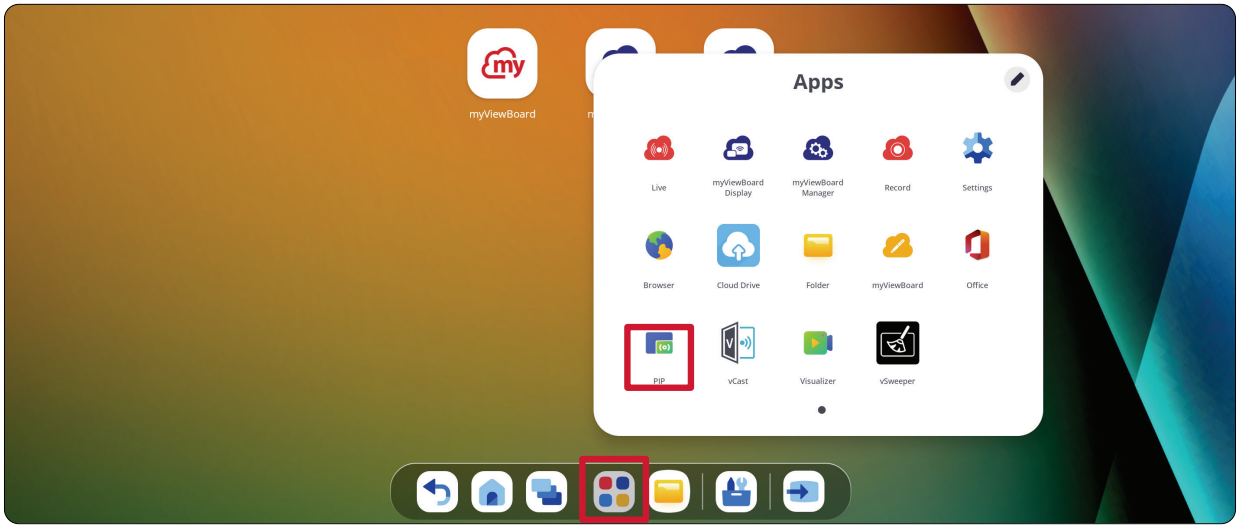


PIP (Hình trong Ảnh)

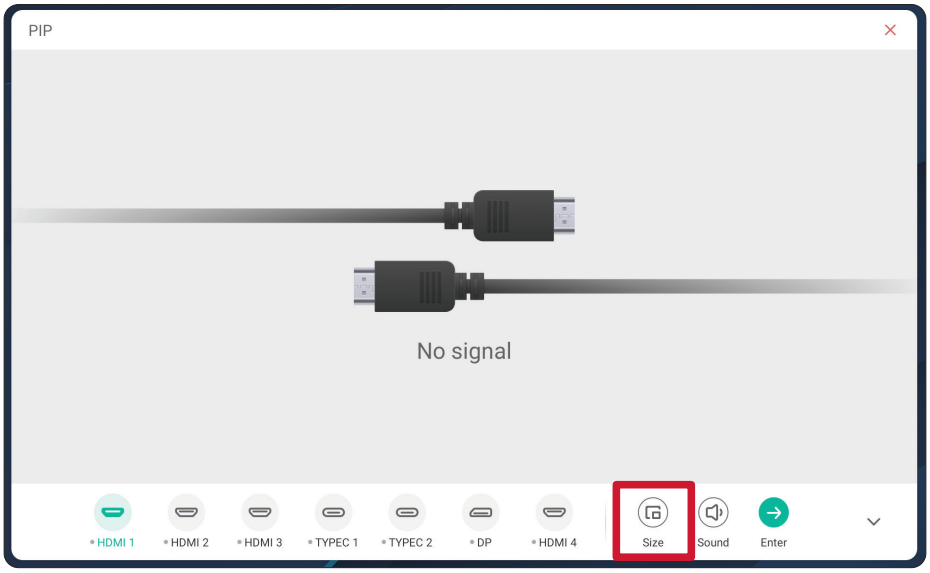
Chia màn hình thành hai phần, một cửa sổ chính và một cửa sổ lồng vào.

LƯU Ý: PIP chỉ hoạt động giữa ứng dụng Android (trình duyệt, trình phát đa phương tiện, vCast) và nguồn bên ngoài.

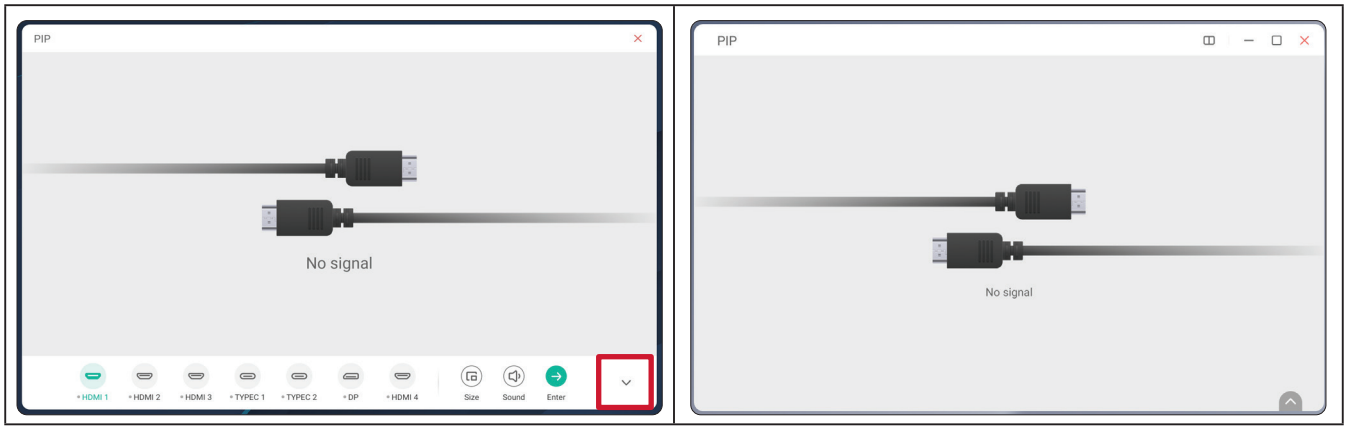
- Để mở PIP, hãy chọn: **Tất cả ứng dụng** > **PIP**.



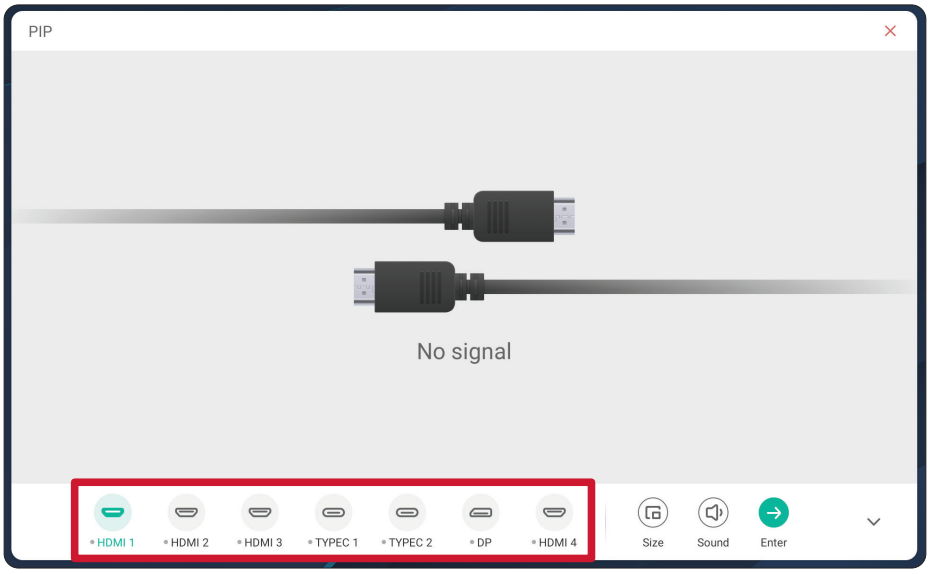
- Để điều chỉnh kích thước của cửa sổ lồng vào, hãy chọn **Kích thước**.



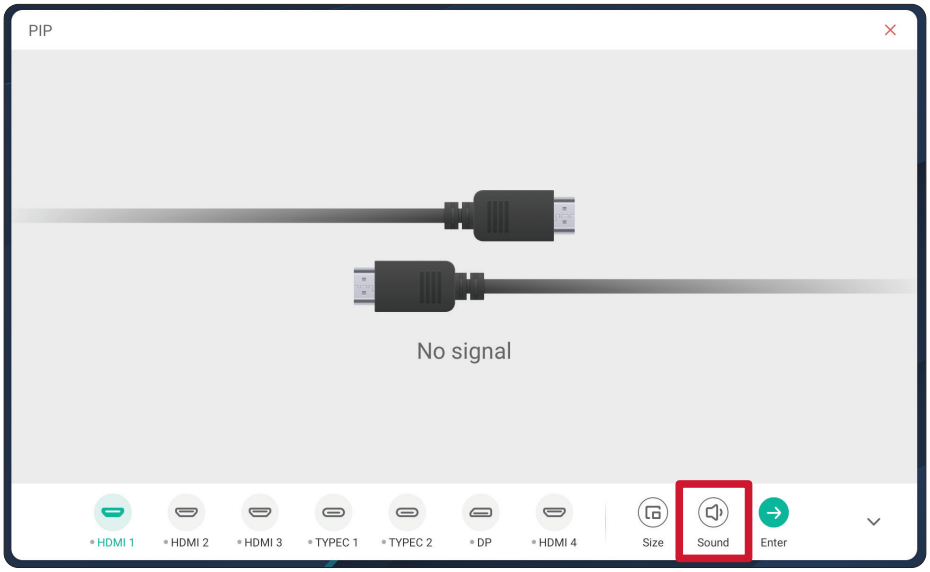
LƯU Ý: Thanh công cụ có thể được ẩn bằng cách chạm vào mũi tên xuống.



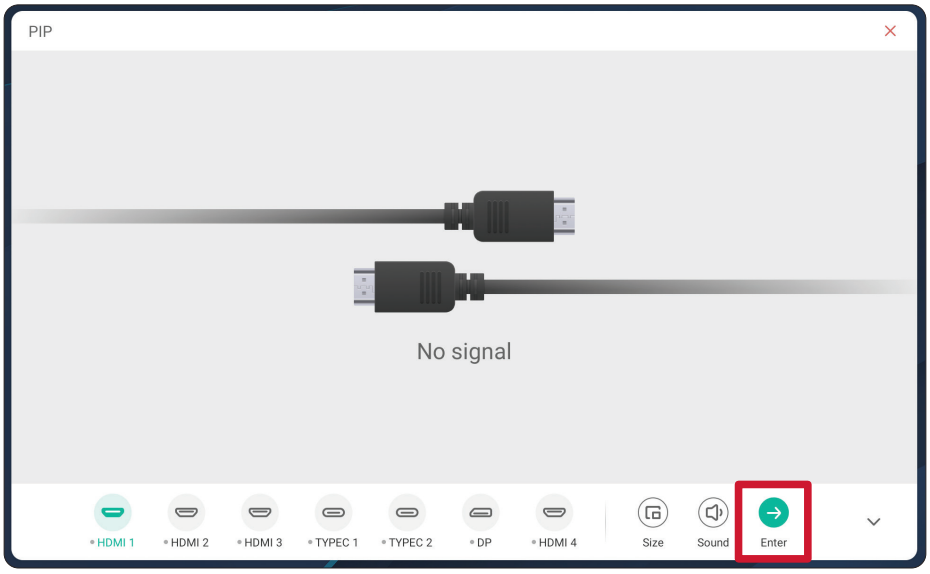
- Để thay đổi nguồn đầu vào PIP, hãy chọn **Cổng HDMI 1**, **HDMI 2**, **HDMI 3**, **Cổng HDMI 4**, **Loại C 1**, **Loại C 2**hoặc **DP**.



- Để điều khiển âm lượng của thiết bị bên ngoài được kết nối, hãy chọn **Âm thanh**.

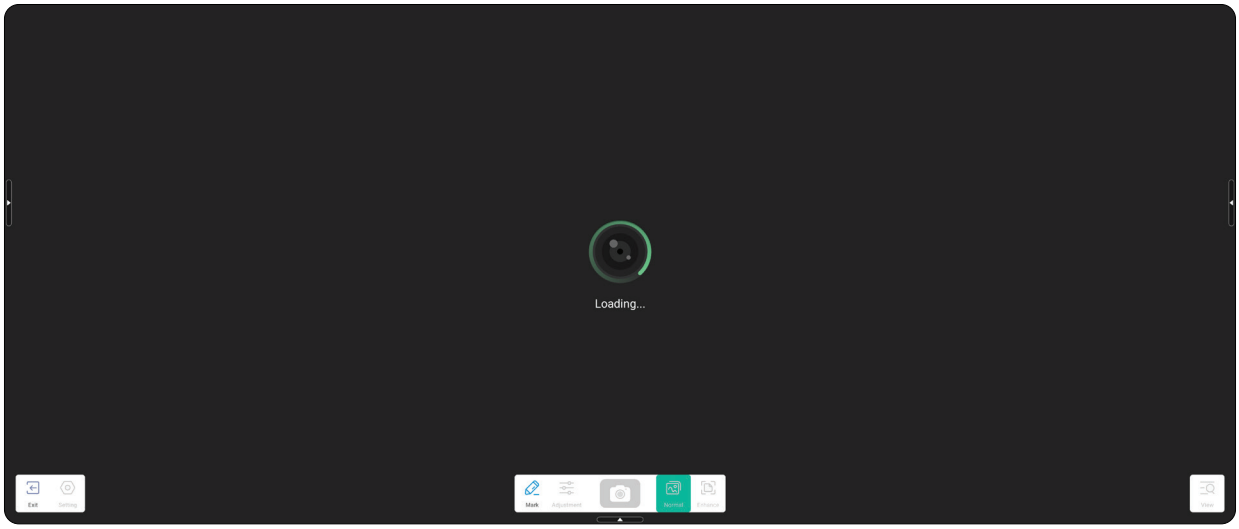


- Lựa **Vào** để chuyển sang nguồn đầu vào PIP.



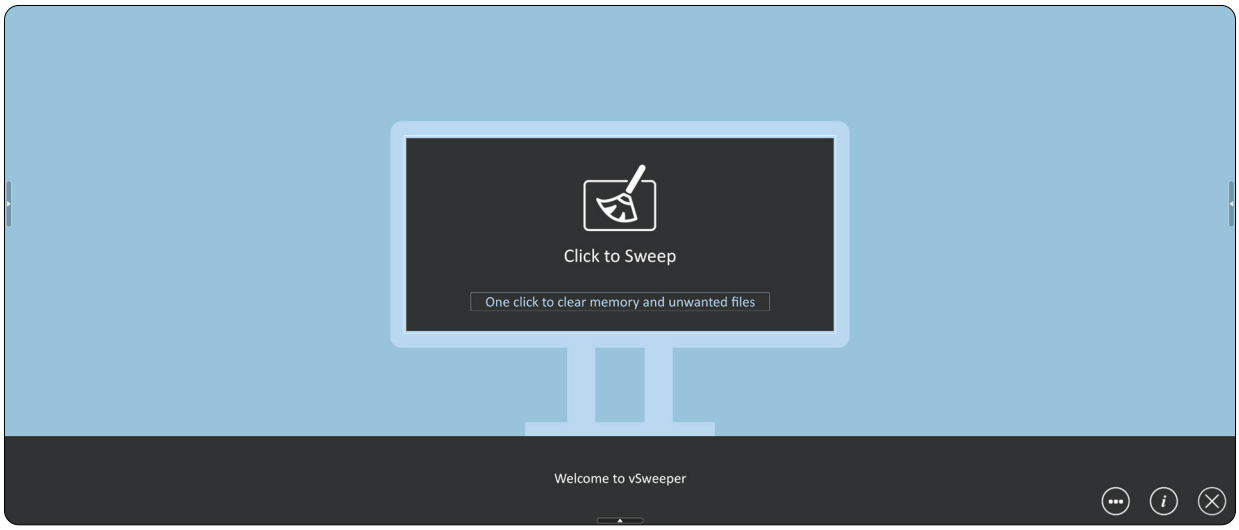
Trình hiển thị

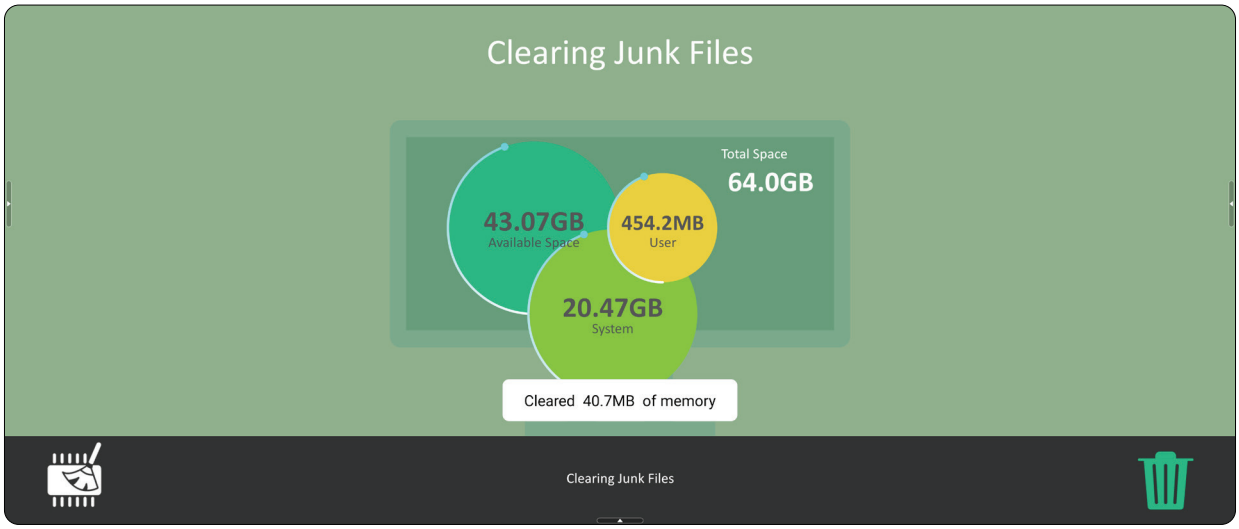
Hiển thị video từ máy ảnh được kết nối.



vSweeper (Máy quét rác)

Xóa dữ liệu không cần thiết và các tệp không mong muốn.





Giao thức RS-232

Tài liệu này mô tả thông số kỹ thuật giao diện phần cứng và các giao thức phần mềm của giao tiếp giao diện RS-232 giữa ViewSonic LFD và PC hoặc các thiết bị điều khiển khác có giao thức RS-232.

Giao thức chứa ba phần lệnh:

- Chức năng thiết lập
- Chức năng lấy
- Chế độ truyền qua điều khiển từ xa

LƯU Ý: Bên dưới, "PC" đại diện cho tất cả các đơn vị điều khiển có thể gửi hoặc nhận lệnh giao thức RS-232.

Sự miêu tả

Thông số kỹ thuật phần cứng RS-232

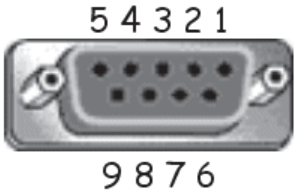
Cổng giao tiếp ViewSonic LFD ở mặt sau:

1. Loại kết nối: DSUB Nam 9 chân (hoặc đầu nối thùng 3.5 mm)

2. Sử dụng cáp chéo (modem rỗng) để kết nối

3. Gán ghim:

Nữ DSUB 9-Pin



Nam DSUB 9-Pin



Ghim #	Tín hiệu	Bình luận
1	NC	
2	RXD	Đầu vào để hiển thị
3	TXD	Đầu ra từ màn hình
4	NC	
5	GND	
6	NC	
7	NC	
8	NC	
9	NC	Cung cấp nguồn + 5V / 2A cho dongle cụ thể bên ngoài * 3.0
khung	GND	

Đầu nối thùng 3,5 mm (thay thế cho không gian hạn chế)



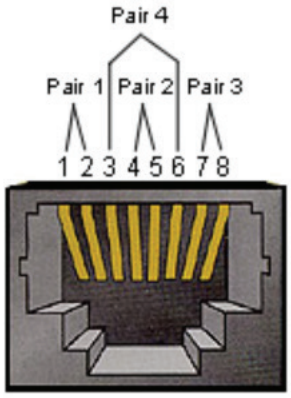
Khoản	Tín hiệu	Bình luận
Mẹo	TXD	Đầu ra từ màn hình
Nhẫn	RXD	Đầu vào để hiển thị
Tay áo	GND	

Đặc điểm kỹ thuật phần cứng LAN

Cổng giao tiếp ViewSonic LFD ở mặt sau:

1. Loại kết nối: 8P8C RJ45

2. Gán ghim:



Ghim #	Tín hiệu	Bình luận
1	TX+	Đầu ra từ màn hình
2	TX-	Đầu ra từ màn hình
3	RX+	Đầu vào để hiển thị
4	BI_D3+	Đối với trường hợp 1G
5	BI_D3-	Đối với trường hợp 1G
6	RX-	Đầu vào để hiển thị
7	BI_D4+	Đối với trường hợp 1G
8	BI_D4-	Đối với trường hợp 1G
khung	GND	

Cài đặt giao tiếp RS232

- Chọn tốc độ truyền: 9600bps (cố định)
- Bit dữ liệu: 8 bit (cố định)
-Tính chẵn lẻ: Không có (cố định)
- Bit dừng: 1 (cố định)

Cài đặt giao tiếp mạng LAN

-Kiểu: Ethernet
-Protocol: TCP/IP
-Cảng: 5000 (cố định)
- Mạng con chéo: Không
- Thông tin đăng nhập: Không

Tham khảo thông báo lệnh

PC gửi đến gói lệnh LFD theo sau là “CR”. Mỗi khi PC gửi lệnh điều khiển đến Hiển thị, Màn hình sẽ phản hồi như sau:

1. Nếu tin nhắn được nhận chính xác, nó sẽ gửi “+” (02Bh) theo sau là “CR” (00Dh)

2. Nếu tin nhắn được nhận không chính xác, nó sẽ gửi “-” (02Dh) theo sau là “CR” (00Dh)

Protocol

Liệt kê chức năng tập hợp

PC có thể điều khiển Màn hình cho các hành động cụ thể. Lệnh Set-Function cho phép bạn kiểm soát hành vi Hiển thị tại một trang web từ xa thông qua cổng RS-232. Định dạng gói Set-Function bao gồm 9 byte.

Mô tả chức năng thiết lập:

Chiều dài: Tổng số byte của tin nhắn không bao gồm "CR"

LFD ID Nhận dạng cho từng Màn hình (01 ~ 98; mặc định là 01)
ID "99" có nghĩa là áp dụng lệnh đặt cho tất cả các màn hình được kết nối. Trong những trường hợp như vậy, chỉ hiển thị ID#1 phải trả lời.
ID LFD có thể được đặt thông qua menu OSD cho mỗi Màn hình.

Loại lệnh Xác định loại lệnh,
"S" (0x73h): Đặt lệnh
“+” (0x2Bh): Lệnh hợp lệ Trả lời
“-“ (0x2Dh): Trả lời lệnh không hợp lệ

Lệnh: Mã lệnh chức năng: Mã ASCII một byte.

Giá trị [1 ~ 3]: Ba byte ASCII xác định giá trị.

CR 0x0D

Định dạng chức năng đặt

Gửi: (Loại lệnh=“s”)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Lệnh	Giá trị1	Giá trị2	Giá trị3	CR
Byte Count	1 Byte	2 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte
Bytes order	1	2~3	4	5	6	7	8	9

Trả lời: (Loại lệnh = “+” hoặc “-”)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	CR
Byte Count	1 Byte	2 Byte	1 Byte	1 Byte
Bytes order	1	2~3	4	5

LƯU Ý: Khi PC áp dụng lệnh cho tất cả các màn hình (ID = 99), chỉ bộ # 1 cần trả lời bằng tên ID = 1.

Ví dụ 1: Đặt Độ sáng là 76 cho Màn hình (# 02) và lệnh này hợp lệ

Gửi (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Lệnh	Giá trị1	Giá trị2	Giá trị3	CR
Hex	0x38	0x30 0x32	0x73	0x24	0x30	0x37	0x36	0x0D

Trả lời (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	CR
Hex	0x34	0x30 0x32	0x2B	0x0D

Ví dụ 2: Đặt Độ sáng là 75 cho Màn hình (# 02) và lệnh này KHÔNG hợp lệ

Gửi (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Lệnh	Giá trị1	Giá trị2	Giá trị3	CR
Hex	0x38	0x30 0x32	0x73	0x24	0x30	0x37	0x35	0x0D

Trả lời (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	CR
Hex	0x34	0x30 0x32	0x2D	0x0D

Bảng chức năng thiết lập

A. Chức năng cơ bản

Đặt chức năng	Chiều dài	ID	Lệnh	Lệnh	Phạm vi giá trị	Ý kiến	Comments
			Type (ASCII)	Code (ASCII)	Code (Hex)	(Three ASCII bytes)	
Power on/ off (standby)	8		s	!	21	000: STBY 001: ON	1. The Power-on via LAN control may works only under specific mode. To see display UG for details. *3.1.1 2. “WOL by MAC address” may available as alternative.*3.2.1
Input Select	8		s	“	22	000: TV 001: AV 002: S-Video 003: YPbPr 004: HDMI1 014: HDMI2 024: HDMI3 034: HDMI4 005: DVI 006: VGA1 016: VGA2 026: VGA3 007: Slot-in PC (OPS/ SDM)/HDBT 008: Internal memory 009: DP 00A: Embedded/ Main (Android)	1. No need for USB 2. For the case of two more same sources, the 2nd digital is used to indicate the extension. 3. The HEX of 00A is 30 30 41.
Brightness	8		s	$	24	000 ~ 100 900: Bright down (-1) 901: Bright up (+1) *3.1.1	
Backlight*3.2.0	8		A	B	42	000 ~ 100	1. For Android platform whose main mode is controlled by backlight and the other sources are controlled by brightness. 2. Derived from Color calibration. *3.2.0
Power lock	8		s	4	34	000: Unlock 001: Lock	*See note in details
Volume	8		s	5	35	000 ~ 100 900: Volume down(-1) 901:Volume up(+1)	
Mute	8		s	6	36	000: OFF 001: ON (mute)	
Button lock	8		s	8	38	000: Unlock 001: Lock	*See note in details

Menu lock	8		s	>	3E	000: Unlock 001: Lock	*See note in details
Number *3.1.1	8		s	@	40	000~009	
Key Pad *3.1.1	8		s	A	41	000: UP 001: DOWN 002: LEFT 003: RIGHT 004: ENTER 005: INPUT 006: MENU/(EXIT) 007: EXIT	
Remote Control	8		s	B	42	000: Disable 001: Enable 002: Pass through	**Disable**: RCU will be no function **Enabled**: RCU controls normally **Pass through**: Display will bypass the RC code to connected device via the RS232 port, but not react itself.
Restore default	8		s	~	7E	000	Recover to factory setting

LƯU Ý:

1. Hành vi ở chế độ khóa

Chế độ khóa	Hành vi
Khóa nút	1. Khóa tất cả các nút trên bảng điều khiển phía trước và RCU, ngoại trừ "Nguồn" 2. Tất cả các chức năng SET sẽ có thể hoạt động được thông qua RS-232, ngay cả những chức năng có phím nóng trong RCU như Tắt tiếng,... v.v.
Khóa MENU	1. Khóa phím "MENU" của bảng điều khiển phía trước và RCU 2. Không nên chặn các chế độ Factory và Hospitality đối với mô hình bằng cách sử dụng phím kết hợp MENU để vào hai chế độ này. Cách tiếp cận thay thế sẽ được chỉ ra riêng nếu có bất kỳ hạn chế nào theo mô hình.
Khóa POWER	1. Khóa phím "POWER" ở mặt trước và RCU. 2. Bật/tắt SET_POWER có thể thực hiện được thông qua RS-232, nhưng không có nghĩa là khóa POWER sẽ được nhả ra trong trường hợp này. 3. Không thể mở khóa bằng cách đặt lại trong cài đặt OSD 4. Sẽ tự động bật nguồn AC trong khóa nguồn 5. Khi khóa nguồn, thiết bị sẽ không chuyển sang chế độ tiết kiệm năng lượng khi không có tín hiệu PC và cũng không tắt khi không có tín hiệu video nào khác sau 15 phút.
Tắt điều khiển từ xa	Khóa các phím RCU, nhưng giữ cho các nút bảng điều khiển phía trước hoạt động được.

2. Đánh thức trên mạng LAN bằng địa chỉ MAC thay thế cho SET Power on

(Độ dài = 126 byte)

6 Byte	6 Byte (#1)	6 Byte (#2)	...	6 Byte (# 16)	24 Byte
0xFF FF ... FF	MAC address	MAC address	...	MAC address	0x00 00 ... 00

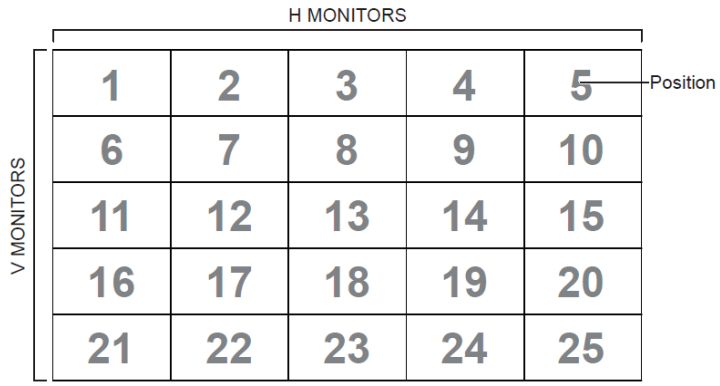
B. Chức năng tùy chọn

Đặt chức năng	Chiều dài	ID	Lệnh	Lệnh	Phạm vi giá trị	Ý kiến	Comments
			Type (ASCII)	Code (ASCII)	Code (Hex)	(Three ASCII bytes)	
Contrast	8		s	#	23	000 ~ 100	
Sharpness	8		s	%	25	000 ~ 100	
Color	8		s	&	26	000 ~ 100	
Tint	8		s	‘	27	000 ~ 100	
Backlight On_Off	8		s	(	29	000: Off 001: On	
Color mode	8		s	)	29	000: Normal 001: Warm 002: Cold 003: Personal	
Surround sound	8		s	-	2D	000: OFF 001: ON	
Bass	8		s	.	2E	000 ~ 100	
Treble	8		s	/	2F	000 ~ 100	
Balance	8		s	0	30	000 ~ 100	050 is central
Picture Size	8		s	1	31	000: FULL (16:9) 001: NORMAL (4:3) 002: REAL (1:1) *3.1.0	
OSD language	8		s	2	32	000: English 001: French 002: Spanish	Could be extended for more supported languages by model
PIP-Mode	8		s	9	39	000: OFF 001: PIP(POP) 002: PBP	
PIP-Sound select	8		s	:	3A	000: Main 001: Sub	
PIP-Position	8		s	;	3B	000: Up 001: Down 002: Left 003: Right	
PIP-Input	8		s	7	37 *2.9	000: TV 001: AV 002: S-Video 003: YPbPr 004: HDMI1 014: HDMI2 024: HDMI3 034: HDMI4 005: DVI 006: VGA1 016: VGA2 026: VGA3 007: Slot-in PC (OPS/ SDM)/HDBT 008: Internal memory 009: DP 00A: Embedded/Main (Android)	Value range is same as SET-Input select

Tiling-Mode	8		s	P	50	000: OFF 001: ON	(for video wall)
Tiling-Compensation	8		s	Q	51	000: OFF 001: ON	(for video wall) Bezel width compensation
Tiling-H by V Monitors	8		s	R	52	01x~09x: H 0x1~0x9: V	(for video wall) 1. 2nd digital for H monitors 2. 3rd digital for V monitors
Tiling-Position	8		s	S	53	001~025	(for Video wall) Copy the screen of Position# to identified display
Date: Year	8		s	V	56	Y17~Y99	Last 2 digits (20)17~(20)99
Date: Month	8		s	V	56	M01~M12	2 digits
Date: Day	8		s	V	56	D01~D31	2 digits
Time: Hour	8		s	W	57	H00~H23	24-hr format. 2 digits.
Time: Min	8		s	W	57	M00~M59	2 digits
Time: Sec	8		s	W	57	S00~S59	2 digits

LƯU Ý:

1. Định nghĩa lát gạch của Màn hình H, Màn hình V và Vị trí



2. Ví dụ về Đặt Ngày

Ngày: 2017-3/15

Gửi: 0x 38 30 31 73 56 59 31 37 0D (“Y17”)

Gửi: 0x 38 30 31 73 56 4D 30 33 0D (“M03”)

Gửi: 0x 38 30 31 73 56 44 31 35 0D (“D15”)

3. Đặt thời gian ví dụ

Thời gian: 16:27:59

Gửi: 0x 38 30 31 73 57 48 31 36 0D (“H16”)

Gửi: 0x 38 30 31 73 57 4D 32 37 0D (“M27”)

Gửi: 0x 38 30 31 73 57 53 35 39 0D (“S59”)

Liệt kê Get-Function

PC có thể thẩm vấn LFD để biết thông tin cụ thể. Định dạng gói Get-Function bao gồm 9 byte tương tự như cấu trúc gói Set-Function. Lưu ý rằng byte “Giá trị” luôn là = 000.

Mô tả chức năng Get:

Chiều dài: Tổng số byte của tin nhắn không bao gồm "CR".

TV/DS ID Nhận dạng cho từng TV / DS (01 ~ 98; mặc định là 01).

Loại lệnh Xác định loại lệnh,
"g" (0x67h): Nhận lệnh
"R" (0x72h): Lệnh hợp lệ Trả lời
“-“ (0x2Dh) : Trả lời lệnh không hợp lệ

Lệnh: Mã lệnh chức năng: Mã ASCII một byte.

Giá trị [1 ~ 3]: Ba byte ASCII xác định giá trị.

CR 0x0D

Định dạng Get-Function

Gửi: (Loại lệnh = “g”)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Lệnh	Giá trị1	Giá trị2	Giá trị3	CR
Byte Count	1 Byte	2 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte
Bytes order	1	2~3	4	5	6	7	8	9

Trả lời: (Loại lệnh=”r” hoặc “-”)

Nếu Lệnh hợp lệ, Loại lệnh = “r”

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Lệnh	Giá trị1	Giá trị2	Giá trị3	CR
Byte Count	1 Byte	2 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte
Bytes order	1	2~3	4	5	6	7	8	9

Nếu Lệnh KHÔNG hợp lệ, Loại lệnh = “-”

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	CR
Byte Count	1 Byte	2 Byte	1 Byte	1 Byte
Bytes order	1	2~3	4	5

Ví dụ 1: Nhận Độ sáng từ TV-05 và lệnh này hợp lệ. Giá trị Độ sáng là 67.

Gửi (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Lệnh	Giá trị1	Giá trị2	Giá trị3	CR
Hex	0x38	0x30 0x35	0x67	0x62	0x30	0x30	0x30	0x0D

Trả lời (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Lệnh	Giá trị1	Giá trị2	Giá trị3	CR
Hex	0x38	0x30 0x35	0x72	0x62	0x30	0x36	0x37	0x0D

Ví dụ 2: Lấy màu từ màn hình (#05), nhưng lệnh Màu không được hỗ trợ bởi mô hình này.

Gửi (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Lệnh	Giá trị1	Giá trị2	Giá trị3	CR
Hex	0x38	0x30 0x35	0x67	0x26	0x30	0x30	0x30	0x0D

Trả lời (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	CR
Hex	0x34	0x30 0x35	0x2D	0x0D

Bảng Get-Function

A. Chức năng cơ bản

Lấy chức năng	Chiều dài	ID	Lệnh	Lệnh	Phạm vi đáp ứng	Ý kiến	Comments
			Type (ASCII)	Code (ASCII)	Code (Hex)	(Three ASCII bytes)	
Get-Brightness	8		g	b	62	000 ~ 100	
Get-Backlight*3.2.0	8		a	B	42	000 ~ 100	1. For Android platform whose main mode is controlled by backlight and the other sources are controlled by brightness. 2. Derived from Color calibration. *3.2.0
Get-Volume	8		g	f	66	000 ~ 100	
Get-Mute	8		g	g	67	000: Off 001: On (muted)	
Get-Input select	8		g	j	6A	000~ 100~	1. 1st digit for signal detection: 0 means “no signal”; 1 means “signal detected” 2. 2nd &3rd digit: See Set-function table
Get-Power status: ON/ STBY	8		g	l	6C	001: ON 000: STBY	
Get-Remote control	S		g	n	6E	000: Disable 001: Enable 002: Pass through	Get RCU mode status
Get-Power lock	8		g	o	6F	000: Unlock 001: Lock	
Get-Button lock	8		g	p	70	000: Unlock 001: Lock	
Get-Menu lock	8		g	l	6C	000: Unlock 001: Lock	
Get-ACK	8		g	z	7A	000	This command is used to test the communication link
Get-Thermal	8		g	0	30	000~100: 0~+100 deg C -01~-99: -1~-99 deg C	
Get-Operation time*3.2.0	8		g	1	31	000	1. Accumulated hours in 6-digit integer (000,001~ 999,999)*3.2.0 2. Can not be reset when FW update and Factory initiation*3.2.2 3. Reply in new 32-byte format*3.2.0
Get-Device name	8		g	4	34	000	Reply in new 32-byte format *3.2.0
Get-MAC address	8		g	5	35	000	(for the model with LAN) Reply in new 32-byte format*3.2.0

Get-IP address *3.2.0	8		g	6	36	000	(for the model with LAN) Reply in new 32-byte format*3.2.0
Get-Serial number *3.2.0	8		g	7	37	000	Reply in new 32-byte format *3.2.0
Get-FW version *3.2.0	8		g	8	38	000	Reply in new 32-byte format *3.2.0

LƯU Ý:

1. Nhận ví dụ về Giờ hoạt động

Giả sử giờ hoạt động tích lũy là 123.456 giờ

Gửi: 0x 38 30 31 67 31 30 30 30 0D (Nhận giờ hoạt động)

Trả lời: 0x 32 30 31 72 31 31 32 33 34 35 36 00 00 … 00 00 0D

2. Lấy ví dụ về Tên thiết bị

Giả sử tên thiết bị là CDE-5500

Gửi: 0x 38 30 31 67 34 30 30 30 0D (Nhận tên thiết bị)

Trả lời: 0x 32 30 31 72 34 43 44 45 2D 35 35 30 30 00 00 … 00 00 0D

Giả sử tên thiết bị là “NMP-302 # 1”

Gửi: 0x 38 30 31 67 34 30 30 30 0D (Nhận tên thiết bị)

Trả lời: 0x 32 30 31 72 34 4E 4D 50 2D 33 30 32 23 31 00 00 …00 00 0D

3. Nhận ví dụ về địa chỉ MAC

Giả sử địa chỉ MAC là 00:11:22:aa:bb:cc

Gửi: 0x 38 30 31 67 35 30 30 30 0D (Nhận MAC thêm)

Trả lời: 0x 32 30 31 72 35 30 30 31 31 32 32 61 61 62 62 63 63 00 00…00 00 0D

4. Nhận ví dụ về địa chỉ IP

Giả sử địa chỉ IP là 192.168.100.2

Gửi: 0x 38 30 31 67 36 30 30 30 0D (Nhận địa chỉ IP)

Trả lời: 0x 32 30 31 72 36 31 39 32 2E 31 36 38 2E 31 30 30 2E 32 00 00... 00 00 0D

5. Nhận ví dụ về số sê-ri

Giả sử số sê-ri là ABC180212345

Gửi: 0x 38 30 31 67 37 30 30 30 0D (Nhận số sê-ri)

Trả lời: 0x 32 30 31 72 37 41 42 43 31 38 30 32 31 32 33 34 35 00 00…00 00 0D

6. Nhận ví dụ về phiên bản FW

Giả sử phiên bản FW là 3.02.001

Gửi: 0x 38 30 31 67 38 30 30 30 0D (Nhận phiên bản FW)

Trả lời: 0x 32 30 31 72 38 33 2E 30 32 2E 30 30 31 00 00... 00 00 0D

B. Chức năng tùy chọn

Lấy chức năng	Chiều dài	ID	Lệnh	Lệnh	Phạm vi đáp ứng	Ý kiến	Comments
			Type (ASCII)	Code (ASCII)	Code (Hex)	(Three ASCII bytes)	
Get-Contrast	8		g	a	61	000 ~ 100	
Get-Sharpness	8		g	c	63	000 ~ 100	
Get-Color	8		g	d	64	000 ~ 100	
Get-Tint	8		g	e	65	000 ~ 100	
Get-Backlight On_Off	8		g	h	68	000: Off 001: On	
Get-PIP mode	8		g	t	74	000: OFF 001: PIP (POP) 002: PBP	
Get-PIP input	8		g	u	75	000 ~	See Set-input select
Get-Tiling Mode	8		g	v	76	000: OFF 001: ON	(for Video wall)
Get-Tiling Compensation	8		g	w	77	000: OFF 001: ON	(for Video wall) Bezel width compensation
Get-Tiling H by V monitors	8		g	x	78	01x~09x: H monitors 0x1~0x9: V monitors	(for Video wall) 1. 2nd digital for H monitors 2. 3rd digital for V monitors
Get-Tiling position	8		g	y	79	000: OFF 001~025	(for Video wall) Copy the screen of Position# to identified display
Get-Date: Year	8		g	2	32	Y00~Y00	Last 2 digits (20)17~(20)99
Get-Date: Month	8		g	2	32	M00~M00	2 digits
Get-Date: Day	8		g	2	32	D00~M00	2 digits
Get-Time: Hour	8		g	3	33	H00~H00	24-hr format. 2 digits
Get-Time: Min	8		g	3	33	M00~M00	2 digits
Get-Time: Sec	8		g	3	33	S00~S00	2 digits

LƯU Ý:

1. Ví dụ về lấy ngày

Giả định ngày hiển thị hiện tại # 01 như sau:

Ngày: 2017-3/15

Gửi: 0x 38 30 31 67 32 59 30 30 0D (Nhận ngày: Năm)
Trả lời: 0x 38 30 31 72 32 59 31 37 0D (“Y17”)

Gửi: 0x 38 30 31 67 32 4D 30 30 0D (Nhận ngày: Tháng)
Trả lời: 0x 38 30 31 72 32 4D 30 33 0D (“M03”)

Gửi: 0x 38 30 31 67 32 44 30 30 0D (Nhận ngày: Ngày)
Trả lời: 0x 38 30 31 72 32 44 31 35 0D (“D15”)

2. Ví dụ về Get Time

Giả định thời gian hiện tại của hiển thị # 01 như sau:

Thời gian: 16:27:59

Gửi: 0x 38 30 31 67 33 48 30 30 0D (Nhận thời gian: Giờ)

Trả lời: 0x 38 30 31 72 33 48 31 36 0D (“H16”)

Gửi: 0x 38 30 31 67 33 4D 30 30 0D (Nhận thời gian: Tối thiểu)

Trả lời: 0x 38 30 31 72 33 4D 32 37 0D (“M27”)

Gửi: 0x 38 30 31 67 33 53 30 30 0D (Nhận thời gian: Giây)

Trả lời: 0x 38 30 31 72 33 53 35 39 0D (“S59”)

3. Nhận ví dụ về phiên bản RS232

Giả sử phiên bản là 3.0.1

Gửi: 0x 38 30 31 67 36 30 30 30 0D (Nhận phiên bản RS232)

Trả lời: 0x 38 30 31 72 36 33 30 31 0D (“301”)

C. Trả lời tự động * 3.2.1

Màn hình sẽ tự động gửi dữ liệu / trạng thái cập nhật mà không cần nhận được truy vấn từ máy chủ bất cứ khi nào người dùng thay đổi dữ liệu / trạng thái sau thông qua bất kỳ cách nào có sẵn như: thiết bị điều khiển từ xa, phím trước hoặc màn hình cảm ứng.

- Bật / Tắt nguồn
- Chọn đầu vào
- Độ sáng
- Đèn nền
- Âm lượng
- Bật / Tắt tiếng

Chế độ truyền qua điều khiển từ xa

Khi PC đặt Màn hình thành chế độ Truyền qua điều khiển từ xa, Màn hình sẽ gửi một gói 7 byte (theo sau là "CR") để đáp ứng việc kích hoạt nút thiết bị điều khiển từ xa (RCU). Ở chế độ này, điều khiển từ xa sẽ không ảnh hưởng đến chức năng Hiển thị. Chẳng hạn: "Âm lượng +" sẽ không thay đổi âm lượng của Màn hình mà thay vào đó chỉ gửi mã "Âm lượng +" đến PC qua cổng RS-232.

Định dạng IR Pass Through-Function

Trả lời: (Loại lệnh = "p")

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Mã RCU1 (MSB)	Mã RCU2 (LSB)	CR
Byte Count	1 Byte	2 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte	1 Byte
Bytes order	1	2~3	4	5	6	7

Ví dụ 1: Truyền qua điều khiển từ xa khi nhấn phím "VOL +" cho Hiển thị (# 2)

Gửi (Định dạng Hex)

Tên	Chiều dài	ID	Loại lệnh	Mã RCU1 (MSB)	Mã RCU2 (LSB)	CR
Hex	0x36	0x30 0x35	0x70	0x31	0x30	0x0D

Chìa khoá	Mã (HEX)	Basic *3.1.1	Tùy chọn *3.1.1
1	01	V	
2	02	V	
3	03	V	
4	04	V	
5	05	V	
6	06	V	
7	07	V	
8	08	V	
9	09	V	
0	0A	V	
-	0B		V
THU HỒI (CUỐI CÙNG)	0C		V
THÔNG TIN (HIỂN THỊ)	0D		V
	0E		
KHÍA CẠNH (THU PHÓNG, KÍCH THƯỚC)	0F		V
TĂNG ÂM LƯỢNG (+)	10	V	

GIẢM ÂM LƯỢNG (-)	11	V	
CÂM	12	V	
KÊNH / TRANG LÊN (+) / ĐỘ SÁNG +	13		V
KÊNH / TRANG XUỐNG (-) / ĐỘ SÁNG-	14		V
SỨC MẠNH	15	V	
NGUỒN (ĐẦU VÀO)	16	V	
	17		
	18		
NGỦ	19		V
THỰC ĐƠN	1A	V	
LÊN	1B	V	
XUỐNG	1C	V	
TRÁI (-)	1D	V	
PHẢI (+)	1E	V	
OK (NHẬP, ĐẶT)	1F	V	
THOÁT	20	V	
	21		
	22		
	23		
	24		
	25		
	26		
	27		
	28		
	29		
	2A		
	2B		
ĐỎ ■ (F1)	2C		
XANH ■ (F2)	2D		
VÀNG ■ (F3)	2E		
XANH ■ (F4)	2F		

LƯU Ý:

1. Mã truyền qua IR này khác với mã khóa RCU.
2. Trình tự điều khiển đặc biệt cho phím POWER ở chế độ truyền qua IR.

2-1. Khi Màn hình TẮT và nhận mã IR POWER: Màn hình sẽ tự bật, sau đó chuyển tiếp mã POWER đến máy chủ qua RS-232.

2-2. Khi Màn hình BẬT và nhận mã IR POWER: Màn hình sẽ chuyển tiếp mã POWER đến máy chủ qua RS-232, sau đó tự tắt.

2-3. Khi SET-POWER LOCK được bật, Màn hình sẽ không phản hồi khi nhấn phím POWER.

3. Mã VOLUME UP và VOLUME DOWN sẽ xuất nhiều lần khi bạn nhấn và giữ các phím.

Phụ lục

Chế độ hiển thị

Chế độ HDMI 1 & DisplayPort

Định giờ	Tần số quét ngang (@)
640 x 480	30 Hz, 60 Hz
720 x 480	30 Hz, 60 Hz
720 x 576	30 Hz, 50 Hz, 60 Hz
800 x 600	30 Hz, 60 Hz
1024 x 768	30 Hz, 60 Hz
1152 x 864	30 Hz, 60 Hz
1280 x 600	30 Hz, 60 Hz
1280 x 720	30 Hz, 50 Hz, 60 Hz
1280 x 768	30 Hz, 60 Hz
1280 x 800	30 Hz, 60 Hz
1280 x 960	30 Hz, 60 Hz
1280 x 1024	30 Hz, 60 Hz
1360 x 768	30 Hz, 60 Hz
1366 x 768	30 Hz, 60 Hz
1400 x 1050	30 Hz, 60 Hz
1440 x 900	30 Hz, 60 Hz
1600 x 900	30 Hz, 60 Hz
1600 x 1200	30 Hz, 60 Hz
1680 x 1050	30 Hz, 60 Hz
1792 x 1344	30 Hz, 60 Hz
1856 x 1392	30 Hz, 60 Hz
1920 x 1080	24 Hz, 30 Hz, 50 Hz, 60 Hz
1920 x 1200	30 Hz, 60 Hz
1920 x 1440	30 Hz, 60 Hz
2048 x 1152	30 Hz, 60 Hz
2048 x 1536	30 Hz, 60 Hz
2560 x 1080	30 Hz, 50 Hz, 60 Hz
2560 x 1440	30 Hz, 60 Hz
2560 x 1600	30 Hz, 60 Hz
3440 x 1440	30 Hz, 60 Hz
3840 x 2160	24 Hz, 30 Hz, 50 Hz, 60 Hz
5120 x 2160	30 Hz, 60 Hz

Chế độ HDMI 2/3/4 & Type C

Định giờ	Tần số quét ngang (@)
640 x 480	60 Hz
720 x 480	60 Hz
720 x 576	60 Hz
800 x 600	60 Hz
1024 x 768	60 Hz
1152 x 864	60 Hz
1280 x 600	60 Hz
1280 x 720	50 Hz, 60 Hz
1280 x 768	60 Hz
1280 x 800	60 Hz
1280 x 960	60 Hz
1280 x 1024	60 Hz
1360 x 768	60 Hz
1366 x 768	60 Hz
1400 x 1050	60 Hz
1440 x 900	60 Hz 60 Hz
1600 x 900	60 Hz
1600 x 1200	60 Hz
1680 x 1050	60 Hz
1792 x 1344	60 Hz
1856 x 1392	60 Hz
1920 x 1080	24 Hz, 30 Hz, 50 Hz, 60 Hz
1920 x 1200	60 Hz
1920 x 1440	60 Hz
2048 x 1152	60 Hz
2560 x 1080	30 Hz, 50 Hz, 60 Hz
2560 x 1440	60 Hz
3440 x 1440	60 Hz
3840 x 2160	24 Hz, 30 Hz, 60 Hz

Khắc phục sự cố

Phần này mô tả một số vấn đề phổ biến mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy chiếu.

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Điều khiển từ xa không hoạt động	**1.** Kiểm tra xem có điều gì đó cản trở bộ thu điều khiển từ xa của màn hình hay không. **2.** Kiểm tra xem pin trong điều khiển từ xa đã được lắp đúng cách chưa. **3.** Kiểm tra xem có cần thay pin hay không.
Thiết bị tắt đột ngột	**1.** Kiểm tra xem chế độ Ngủ đã được bật chưa. **2.** Kiểm tra xem có mất điện trong khu vực của bạn không. **3.** Bật màn hình và xem có vấn đề ở hệ thống tín hiệu và điều khiển hay không.

Chế độ PC

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Không có tín hiệu PC	**1.** Kiểm tra cài đặt hiển thị. **2.** Kiểm tra độ phân giải màn hình. **3.** Điều chỉnh cài đặt Hs & Vs (đồng bộ hóa) bằng menu OSD. **4.** Kiểm tra độ phân giải OPS. Hãy đảm bảo rằng **Phát hiện OPS 5K** cài đặt được đặt ở độ phân giải chính xác.
Vệt nền	**1.** Chọn tự động điều chỉnh. **2.** Điều chỉnh đồng hồ và pha.
Định dạng không được hỗ trợ	**1.** Chọn tự động điều chỉnh. **2.** Điều chỉnh cài đặt đồng hồ và pha.

Chức năng cảm ứng

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Chức năng cảm ứng không hoạt động	**1.** Kiểm tra xem trình điều khiển đã được cài đặt chính xác chưa. **2.** Cài đặt lại (các) trình điều khiển. **3.** Kiểm tra thiết lập và căn chỉnh nó. **4.** Kiểm tra xem bút cảm ứng có hoạt động bình thường không.

Video không hoạt động bình thường

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Không có hình ảnh / Không có âm thanh	**1.** Kiểm tra trạng thái nguồn. **2.** Kiểm tra cáp tín hiệu. **3.** Kiểm tra xem PC bên trong đã được cài đặt đúng chưa.
Hình ảnh không rõ ràng hoặc cắt vào và cắt ra	**1.** Kiểm tra cáp tín hiệu. **2.** Kiểm tra xem các thiết bị điện tử khác có làm gián đoạn tín hiệu hay không.
Hình ảnh kém	**1.** Điều chỉnh cài đặt sắc độ, độ sáng và độ tương phản trong menu. **2.** Kiểm tra cáp tín hiệu.

Âm thanh không hoạt động bình thường

Vấn đề hoặc sự cố	Giải pháp khả thi
Không có âm thanh	**1.** Nhấn nút Tắt tiếng / Bật tiếng. **2.** Điều chỉnh âm lượng. **3.** Kiểm tra cáp âm thanh.
Chỉ một loa	**1.** Điều chỉnh cân bằng âm thanh trong menu. **2.** Kiểm tra cài đặt bảng điều khiển âm thanh của máy tính. **3.** Kiểm tra cáp âm thanh.

Bảo dưỡng

Biện pháp phòng ngừa chung

- Đảm bảo rằng thiết bị đã được tắt và cáp nguồn đã được rút ra khỏi ổ cắm điện.
- Không bao giờ xịt hoặc đổ bất kỳ chất lỏng nào trực tiếp lên màn hình hoặc vỏ máy.
- Xử lý thiết bị cẩn thận, vì thiết bị có màu tối hơn, nếu bị trầy xước, có thể hiển thị các vết rõ ràng hơn thiết bị có màu sáng hơn.
- Không sử dụng hệ thống liên tục trong thời gian dài.

Làm sạch màn hình

- Lau màn hình bằng vải sạch, mềm, không xơ. Điều này loại bỏ bụi và các hạt khác.
- Nếu màn hình vẫn không sạch, hãy thoa một lượng nhỏ nước lau kính không amoniac, không cồn lên một miếng vải sạch, mềm, không xơ; sau đó lau màn hình.

Làm sạch trường hợp

- Sử dụng một miếng vải mềm và khô.
- Nếu vỏ vẫn không sạch, hãy thoa một lượng nhỏ chất tẩy rửa nhẹ không amoniac, không cồn, không mài mòn lên một miếng vải sạch, mềm, không xơ, sau đó lau bề mặt.

Khước từ trách nhiệm

- ViewSonic® không khuyến nghị sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa dựa trên amoniac hoặc cồn nào trên màn hình hiển thị hoặc vỏ máy. Một số chất tẩy rửa hóa học đã được báo cáo làm hỏng màn hình và / hoặc vỏ của thiết bị.
- ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm về thiệt hại do sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa gốc amoniac hoặc cồn nào.

LƯU Ý: Nếu hiện tượng ngưng tụ giữa kính và bảng điều khiển, hãy bật màn hình cho đến khi hơi ẩm biến mất.

Thông Tin Dịch Vụ và Quy Định

Thông tin tuân thủ

Phần này đề cập đến tất cả các yêu cầu và tuyên bố liên quan đến quy định. Các ứng dụng tương ứng đã được xác nhận sẽ đề cập đến nhãn tên và các dấu hiệu liên quan trên thiết bị.

Tuyên bố Tuân thủ FCC

Thiết bị này phù hợp với điều 15 của Quy định FCC. Hoạt động tùy thuộc vào hai điều kiện sau đây: (1) thiết bị này không được gây nhiễu có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận bất kỳ nhiễu nào nhận được, bao gồm cả nhiễu có thể gây ra hoạt động không mong muốn. Thiết bị này đã được kiểm tra và tuân thủ các giới hạn cho thiết bị kỹ thuật số Hạng B, theo Phần 15 của quy định FCC.

Các giới hạn này được thiết kế để cung cấp bảo vệ hợp lý chống lại nhiễu có hại khi lắp đặt trong khu dân cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng, và có thể phát năng lượng tần số vô tuyến, nếu không được cài đặt và sử dụng phù hợp theo hướng dẫn, có thể gây nhiễu có hại cho thông tin vô tuyến. Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng không xảy ra nhiễu ở một cài đặt cụ thể nào đó. Nếu thiết bị này gây nhiễu có hại cho việc thu sóng đài phát thanh hoặc truyền hình, có thể được xác định bằng cách bật và tắt thiết bị, khuyến khích người dùng thử sửa chữa nhiễu bằng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí của ăng-ten thu sóng.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và đầu thu.
- Kết nối thiết bị vào một ổ cắm trên mạch khác với mạch nối với đầu thu.
- Tham khảo ý kiến đại lý hoặc kỹ thuật viên đài phát thanh/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

CẢNH BÁO: Bạn được cảnh báo rằng các thay đổi hoặc sửa đổi nào không được chấp thuận rõ ràng bởi các bên chịu trách nhiệm về việc tuân thủ có thể làm mất hiệu lực quyền của người dùng để sử dụng thiết bị.

Tuyên bố của Bộ Công nghiệp Canada

CAN ICES (B) / NMB (B)

Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu

CE Thiết bị tuân thủ Chỉ thị EMC 2014/30/EU và Chỉ thị điện áp thấp 2014/35/EU. Chỉ thị thiết kế sinh thái 2009/125/EC và Chỉ thị thiết bị vô tuyến 2014/53/EU.

Thông tin sau đây chỉ áp dụng cho các quốc gia thành viên EU:

Dấu hiệu bên phải là tuân thủ Chỉ thị về Rác thải Điện và Điện tử số 2012/19/EU (WEEE). Dấu hiệu cho biết yêu cầu KHÔNG xử lý các thiết bị là rác thải đô thị chưa phân loại, nhưng sử dụng hệ thống thu hồi và thu gom theo luật địa phương.



Tuyên bố tuân thủ RoHS2

Sản phẩm này đã được thiết kế và sản xuất theo Chỉ thị 2011/65 /EU của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về việc hạn chế sử dụng một số chất nguy hại trong thiết bị điện và điện tử (Chỉ thị RoHS2) và được xem là tuân thủ các giá trị về nồng độ tối đa do Ủy ban Điều chỉnh Kỹ thuật châu Âu (TAC) ban hành như sau:

Chất liệu	Nồng độ tối đa đề xuất	Nông độ thực tế
Chì (Pb)	0,1%	< 0,1%
Thủy ngân (Hg)	0,1%	< 0,1%
Catmi (Cd)	0,01%	< 0.01%
Crom hóa trị sáu ($Cr6^{+}$)	0,1%	< 0,1%
Polybrominated biphenyl (PBB)	0,1%	< 0,1%
Ête diphenyl polybrominated (PBDE)	0,1%	< 0,1%
Bis (2-Ethylhexyl) phthalate (DEHP)	0,1%	< 0,1%
Benzyl butyl phthalate (BBP)	0,1%	< 0,1%
Dibutyl phthalate (DBP)	0,1%	< 0,1%
Diisobutyl phthalate (DIBP)	0,1%	< 0,1%

Một số thành phần của các sản phẩm như đã nêu ở trên được miễn theo Phụ lục III của Chỉ thị RoHS2 như ghi chú dưới đây:

- Hợp kim đồng có chứa đến 4% trọng lượng chì.
- Chì trong chất bán dẫn loại nhiệt độ nóng chảy cao (ví dụ như các hợp kim chì chứa từ 85% trọng lượng chì trở lên).
- Các thành phần điện và điện tử chứa chì trong kính hoặc gốm sứ khác so với gốm sứ cách điện trong các tụ điện, ví dụ như các thiết bị điện áp, hoặc trong hợp chất ma trận thủy tinh hoặc gốm sứ.
- Chì trong lớp sứ cách điện trong các tụ điện dành cho điện áp định mức 125V AC hoặc 250V DC hoặc cao hơn.

Tuyên bố ENERGY STAR

ENERGY STAR là một quốc gia của Hoa Kỳ Chương trình tự nguyện của Cơ quan Bảo vệ Môi trường giúp các doanh nghiệp và cá nhân tiết kiệm tiền và bảo vệ khí hậu của chúng ta thông qua hiệu quả năng lượng vượt trội. Các sản phẩm đạt được ENERGY STAR ngăn chặn phát thải khí nhà kính bằng cách đáp ứng các tiêu chí hoặc yêu cầu nghiêm ngặt về hiệu quả năng lượng do Hoa Kỳ đặt ra. Cơ quan Bảo vệ môi trường.

Là Đối tác của ENERGY STAR, ViewSonic quyết tâm đáp ứng Hướng dẫn về ngôi sao năng lượng và đánh dấu tất cả các mẫu được chứng nhận bằng logo ENERGY STAR. Logo sau xuất hiện trên tất cả các kiểu máy được chứng nhận ENERGY STAR:

LƯU Ý: Các tính năng quản lý năng lượng giúp giảm đáng kể mức tiêu thụ năng lượng khi sản phẩm không được sử dụng. Quản lý nguồn cho phép thiết bị tự động chuyển sang chế độ “ngủ” năng lượng thấp sau một khoảng thời gian không hoạt động xác định. Và các tính năng quản lý năng lượng cũng chuyển sang Chế độ ngủ hoặc Chế độ tắt trong vòng 5 phút sau khi ngắt kết nối khỏi máy tính chủ. Xin lưu ý rằng bất kỳ thay đổi nào trong cài đặt năng lượng sẽ làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.

Hạn chế của Ấn Độ về các chất độc hại

Thông báo về hạn chế các chất nguy hiểm độc hại (Ấn Độ). Sản phẩm này tuân thủ "Quy tắc xử lý chất thải điện tử của Ấn Độ 2011" cấm sử dụng chì, thủy ngân, crom hóa trị sáu, biphenyl đa bội hoặc ete diphenyl polybrominated ở nồng độ vượt quá 0,1% trọng lượng và 0,01% trọng lượng đối với cadmium, ngoại trừ các ngoại lệ trong Mục 2 của Quy tắc.

Thải bỏ sản phẩm khi hết tuổi thọ

ViewSonic® tôn trọng môi trường và cam kết làm việc và sống thân thiện với môi trường. Cảm ơn bạn đã tham gia vào chương trình Smarter, Greener Computing. Hãy truy cập trang web ViewSonic® để tìm hiểu thêm.

Mỹ & Canada:

https://www.viewsonic.com/us/go-green-with-viewsonic

Châu Âu:

https://www.viewsonic.com/eu/environmental-social-governance/recycle

Đài Loan:

https://recycle.moenv.gov.tw/

Đối với người dùng tại Liên minh Châu Âu, vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu có bất kỳ vấn đề an toàn/tai nạn nào xảy ra với sản phẩm này:

Công ty TNHH ViewSonic Châu Âu
Haaksbergweg 75
1101 BR Amsterdam
Netherlands

+31 (0) 650608655

EPREL@viewsoniceurope.com

https://www.viewsonic.com/eu/

Thông Tin Bản Quyền

Bản quyền© Công ty ViewSonic®, 2025. Bảo lưu mọi bản quyền.

Macintosh và Power Macintosh là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Apple.

Microsoft, Windows và logo Windows là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Microsoft tại Mỹ và các quốc gia khác.

ViewSonic® và logo ba chú chim là thương hiệu đã đăng ký của ViewSonic® Corporation.

VESA là thương hiệu đã đăng ký của Video Electronics Standards Association. DPMS, DisplayPort và DDC là thương hiệu của VESA.

ENERGY STAR® là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA).

Với tư cách là đối tác của ENERGY STAR®, Công ty ViewSonic® đã xác định rằng sản phẩm này đáp ứng các nguyên tắc của ENERGY STAR® về hiệu quả năng lượng.

Miễn trừ trách nhiệm: Công ty ViewSonic® sẽ không chịu trách nhiệm về các lỗi kỹ thuật hoặc biên tập hoặc những thiếu sót có trong sổ hướng dẫn sử dụng này; Công ty cũng sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả từ việc cung cấp vật liệu này, hoặc việc sử dụng hoặc hiệu suất của sản phẩm này.

Với mong muốn tiếp tục cải tiến sản phẩm, Công ty ViewSonic® có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật của sản phẩm mà không cần thông báo. Thông tin trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần thông báo.

Không được phép sao chép, tái bản hoặc truyền tải bất cứ phần nào của tài liệu này dưới mọi hình thức, vì bất kỳ mục đích nào mà không có văn bản cho phép trước của Công ty ViewSonic®.

IFP92UW_IFP105S_IFP105G_IFP105UW_IFP105UW-N_UG_VIE_1a_20250109

Dịch vụ Khách hàng

Để được hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ sản phẩm, xem bảng bên dưới hoặc liên hệ với đại lý bán lẻ của bạn.

LƯU Ý: Bạn sẽ cần số sê-ri của sản phẩm.

Quốc gia/ Khu vực	Trang web	Quốc gia/ Khu vực	Trang web
Châu Á Thái Bình Dương & Châu Phi			
Úc	www.viewsonic.com/au/	Bangladesh	www.viewsonic.com/bd/
中国 (Trung Quốc)	www.viewsonic.com.cn	香港 (繁體中文)	www.viewsonic.com/hk/
Hong Kong (English)	www.viewsonic.com/hk-en/	Ấn Độ	www.viewsonic.com/in/
Indonesia	www.viewsonic.com/id/	Israel	www.viewsonic.com/il/
日本 (Japan)	www.viewsonic.com/jp/	Hàn Quốc	www.viewsonic.com/kr/
Malaysia	www.viewsonic.com/my/	Trung đông	www.viewsonic.com/me/
My-an-ma	www.viewsonic.com/mm/	Nê-pan	www.viewsonic.com/np/
New Zealand	www.viewsonic.com/nz/	Pakistan	www.viewsonic.com/pk/
Philippin	www.viewsonic.com/ph/	Singapore	www.viewsonic.com/sg/
臺灣 (Đài Loan)	www.viewsonic.com/tw/	ประเทศไทย	www.viewsonic.com/th/
Việt Nam	www.viewsonic.com/vn/	Nam Phi & Mauritius	www.viewsonic.com/za/
Châu Mỹ			
Hoa Kỳ	www.viewsonic.com/us	Canada	www.viewsonic.com/us
Mỹ La-tinh	www.viewsonic.com/la		
Châu Âu			
Châu Âu	www.viewsonic.com/eu/	Pháp	www.viewsonic.com/fr/
Deutschland	www.viewsonic.com/de/	Қазақстан	www.viewsonic.com/kz/
Россия	www.viewsonic.com/ru/	España	www.viewsonic.com/es/
Türkiye	www.viewsonic.com/tr/	Україна	www.viewsonic.com/ua/
Vương quốc Anh	www.viewsonic.com/uk/		

Bảo hành hạn chế

Máy chiếu ViewSonic®

Những gì được bảo hành:

ViewSonic đảm bảo các sản phẩm không có khiếm khuyết về vật liệu và kỹ thuật chế tạo trong trường hợp sử dụng bình thường trong thời gian bảo hành. Nếu có sản phẩm được chứng minh bị lỗi về vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo trong thời gian bảo hành, ViewSonic sẽ, tùy chọn duy nhất, sửa chữa hoặc thay thế bằng sản phẩm tương tự. Sản phẩm hoặc bộ phận thay thế có thể bao gồm các bộ phận hoặc linh kiện tái sản xuất hoặc tân trang.

Bảo hành chung trong giới hạn (3) năm

Theo chế độ bảo hành hạn chế hơn một (1) năm được nêu dưới đây, ở Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành ba (3) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, ba (3) năm bảo hành toàn bộ và một (1) năm bảo hành đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý địa phương hoặc văn phòng ViewSonic địa phương để biết thông tin bảo hành.

Bảo hành sử dụng nặng giới hạn một (1) năm:

Trong trường hợp sử dụng nhiều, sử dụng máy chiếu hơn mười bốn (14) giờ sử dụng trung bình hàng ngày, Bắc và Nam Mỹ: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm bảo hành toàn bộ và chín mươi (90) ngày bảo hành đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng; Châu Âu: Bảo hành một (1) năm cho tất cả các bộ phận không bao gồm đèn, một (1) năm bảo hành toàn bộ và chín mươi (90) ngày cho đèn nguyên bản kể từ ngày mua hàng đầu tiên của người tiêu dùng.

Các khu vực hoặc quốc gia khác: Vui lòng kiểm tra với đại lý địa phương hoặc văn phòng ViewSonic địa phương để biết thông tin bảo hành.

Bảo hành đèn theo các điều khoản và điều kiện, xác minh và phê duyệt. Chỉ áp dụng cho đèn được lắp đặt của nhà sản xuất. Tất cả các đèn phụ kiện mua riêng được bảo hành trong 90 ngày.

Bảo hành này áp dụng cho ai:

Bảo hành này chỉ có hiệu lực cho người mua hàng đầu tiên.

Những trường hợp không được bảo hành:

1. Sản phẩm có số sê-ri đã bị xóa, sửa đổi hoặc loại bỏ.
2. Hư hại, hư hỏng, hỏng hóc hoặc trục trặc do:
   a. Tai nạn, lạm dụng, sử dụng không đúng cách, bỏ bê, hỏa hoạn, nước, sét hoặc các hành vi tự nhiên khác, bảo trì không đúng cách, sửa đổi sản phẩm trái phép hoặc không tuân theo hướng dẫn được cung cấp kèm theo sản phẩm.
   b. Sử dụng không theo các thông số kỹ thuật sản phẩm.
   c. Sử dụng sản phẩm không theo mục đích sử dụng thông thường hoặc không theo điều kiện bình thường.
   d. Sửa chữa hoặc cố gắng sửa chữa bởi người không được ViewSonic ủy quyền.
   e. Hư hỏng do vận chuyển.
   f. Việc tháo lắp sản phẩm.
   g. Nguyên nhân bên ngoài sản phẩm, chẳng hạn như dao động điện áp hoặc mất điện.
   h. Sử dụng phụ kiện hoặc bộ phận không đáp ứng thông số kỹ thuật của ViewSonic.
   i. Hao mòn thông thường.
   j. Bất kỳ nguyên nhân nào khác không liên quan đến lỗi sản phẩm.
3. Áp dụng phí dịch vụ tháo, lắp và cài đặt.

Cách nhận được dịch vụ:

1. Để biết thông tin về việc bảo hành theo chế độ, hãy liên hệ với bộ phận Hỗ trợ khách hàng của ViewSonic (vui lòng tham khảo trang "Hỗ trợ khách hàng"). Bạn cần cung cấp số sê-ri sản phẩm.
2. Để được bảo hành, bạn cần cung cấp (a) phiếu bán hàng ban đầu, (b) tên, (c) địa chỉ của bạn, (d) mô tả sự cố và (e) số sê-ri của sản phẩm.
3. Mang hoặc vận chuyển hàng hóa trả cước trước trong hộp đựng ban đầu đến trung tâm dịch vụ ủy quyền của ViewSonic hoặc ViewSonic.
4. Để biết thêm thông tin hoặc tên của trung tâm dịch vụ ViewSonic gần nhất, liên hệ với ViewSonic.

Giới hạn bảo hành ngụ ý:

Không có bảo hành, rõ ràng hay ngụ ý, vượt ra ngoài mô tả trong tài liệu này bao gồm bảo hành ngụ ý về tính thương mại và sự phù hợp cho một mục đích cụ thể.

Loại trừ thiệt hại:
ViewSonic chỉ chịu trách nhiệm về chi phí sửa chữa hoặc thay thế sản phẩm.
ViewSonic sẽ không chịu trách nhiệm về:

1. Thiệt hại đối với tài sản khác do bất kỳ lỗi nào của sản phẩm, thiệt hại do sự bất tiện, mất khả năng sử dụng sản phẩm, mất thời gian, mất lợi nhuận, mất cơ hội kinh doanh, mất thiện chí, can thiệp vào các mối quan hệ kinh doanh hoặc tổn thất thương mại khác, ngay cả khi được thông báo về khả năng thiệt hại như vậy.
2. Bất kỳ thiệt hại nào khác, cho dù là ngẫu nhiên, hậu quả hoặc cách khác.
3. Khiếu nại chống lại khách hàng của bất kỳ bên nào khác.

Hiệu lực của luật địa phương:
Bảo hành này cho phép bạn có các quyền pháp lý cụ thể và bạn cũng có thể có các quyền khác tùy theo tiểu bang hoặc quốc gia. Một số chính quyền địa phương không cho phép các giới hạn đối với các bảo đảm ngụ ý và/hoặc không cho phép loại trừ các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả, do đó các hạn chế và loại trừ trên có thể không áp dụng cho bạn.

Sản phẩm bán bên ngoài Hoa Kỳ và Canada:
Để biết thông tin bảo hành và dịch vụ trên các sản phẩm ViewSonic được bán bên ngoài Hoa Kỳ và Canada, hãy liên hệ với ViewSonic hoặc đại lý ViewSonic tại địa phương của bạn.

Thời hạn bảo hành cho sản phẩm này tại Trung Quốc đại lục (Không bao gồm Hồng Kông, Macao và Đài Loan) tuân theo các điều khoản và điều kiện của Thẻ bảo hành bảo trì.

Đối với người dùng ở Châu Âu và Nga, có thể xem chi tiết đầy đủ về bảo hành được cung cấp trong www.viewsoniceurope.com trong mục Thông tin Hỗ trợ/Bảo hành.

Mẫu thời hạn bảo hành máy chiếu trong UG
VSC_TEMP_2005


ViewSonic®